

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLTTHS:	Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015
BLHS:	Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)
Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP:	Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung
Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP:	Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ
Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP:	Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Bộ luật Tố tụng hình sự
Quy chế số 505:	Quy chế Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát

	nhân dân tối cao
Quy định số 599:	Quy định về công tác hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về pháp luật, nghiệp vụ; báo cáo thỉnh thị, trả lời thỉnh thị trong ngành Kiểm sát nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 599/QĐ-VKSTC ngày 06/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Quy định số 201:	Quy định về quy trình tiếp nhận, phân loại, thụ lý, xử lý và giải quyết đơn đề nghị xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm ban hành kèm theo Quyết định số 201/QĐ-VKSTC ngày 10/5/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Quy định số 02:	Quy định số 02/QyĐ-VKSTC ngày 26/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về việc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương đã có Thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm
Quy tắc số 46:	Quy tắc ứng xử của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp tại phiên tòa, phiên họp dân sự ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-VKSTC ngày 20/02/2017
Hướng dẫn số 09/HD-VKSTC:	Hướng dẫn số 09/HD-VKSTC ngày 17/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự năm 2019
Hướng dẫn số 32/HD-	Hướng dẫn số 32/HD-VKSTC ngày

VKSTC:	13/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về Công tác quản lý các trường hợp Viện kiểm sát truy tố Tòa án xét xử tuyên bị cáo không phạm tội
VKS:	Viện kiểm sát
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân
KSV:	Kiểm sát viên

CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT XÉT XỬ HÌNH SỰ

1. Thẩm quyền ký văn bản trong giai đoạn xét xử

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (Điều 41 và Điều 42);
- Quy chế số 505 (Điều 5).

** Nội dung công việc*

Viện trưởng VKS, Phó Viện trưởng VKS và KSV thực hiện quy định về thẩm quyền ký, ký thay, ký thừa lệnh, ký thừa ủy quyền đối với văn bản trong giai đoạn xét xử theo Điều 41, Điều 42 BLTTHS và Điều 5 Quy chế số 505.

2. Phân công, thay đổi KSV thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử hình sự

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (các điều 41, 42, 49 và 52);
- Quy chế số 505 (Điều 6).

** Nội dung công việc*

- Phân công KSV: Viện trưởng VKS quyết định phân công KSV theo các điều 41, 42 và 52 BLTTHS.

Xin ý kiến: trường hợp Viện trưởng VKS trực tiếp tiến hành tố tụng đối với vụ án thì Viện trưởng VKS có văn bản thông báo gửi cho Tòa án có thẩm quyền xét xử hay Viện trưởng VKS ký quyết định phân công cho mình tham gia thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử?

- Thay đổi KSV: khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 49 và Điều 52 BLTTHS, KSV phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi. Trước khi mở phiên tòa, Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng VKS cùng cấp được phân công giải quyết vụ án quyết định việc thay đổi KSV. Tại phiên tòa, phải thay đổi KSV thì Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa. Sau phiên tòa, KSV báo cáo lãnh đạo Viện xem xét, quyết định. KSV bị thay đổi là Viện trưởng VKS thì do Viện trưởng VKS cấp trên trực tiếp quyết định.

- Quyết định phân công, thay đổi KSV được lập theo Mẫu của VKSND tối

cao và lưu hồ sơ kiểm sát.

3. KSV tham gia phiên tòa

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (các điều 42, 289, 350, 383 và 403);
- Quy chế số 505 (các điều 7, 22, 45 và 61);
- Quy tắc số 46.

** Nội dung công việc*

- KSV phải có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo điểm 1 khoản 1 Điều 42 và các điều 289, 350, 383, 403 BLTTHS. Lưu ý:

+ Trước khi tham gia phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm mà KSV không thể có mặt tại phiên tòa thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện cử KSV dự khuyết thay thế; trường hợp không có KSV dự khuyết thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để thông báo cho Tòa án biết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm mà KSV không thể tiếp tục tham gia thì đề nghị Hội đồng xét xử cho KSV dự khuyết có mặt tại phiên tòa từ đầu thay thế. Trường hợp không có KSV dự khuyết hoặc KSV dự khuyết không có mặt tại phiên tòa từ đầu thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

- Khi tham gia phiên tòa, KSV phải tuân theo những việc KSV phải làm, không được làm, cách xưng hô, tác phong, thái độ và các biểu hiện khác mà KSV phục hiện, phải tuân thủ theo khi thực hiện nhiệm vụ, khi giao tiếp với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người khác tham dự phiên tòa, phiên họp của Tòa án theo đúng Quy tắc số 46.

4. Thụ lý, quản lý án hình sự và lập hồ sơ kiểm sát

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- Quy chế số 505 (Điều 8);
- Quy định về chế độ công tác hồ sơ nghiệp vụ của ngành Kiểm sát nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 190/QĐ-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng VKSND tối cao;
- Quy định về lập hồ sơ kiểm sát án hình sự của ngành Kiểm sát nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 590/QĐ-VKSTC-V3 ngày 05/12/2014 của Viện trưởng VKSND tối cao.

** Nội dung công việc*

4.1. Thụ lý, quản lý án hình sự

- KSV thực hiện việc thụ lý, quản lý án hình sự theo Quy định về chế độ quản lý án hình sự và chế độ công tác hồ sơ nghiệp vụ của ngành Kiểm sát nhân dân.

- Sau khi thu thập tài liệu, lập hồ sơ, ghi trích yếu trên bìa hồ sơ (tên vụ án, vụ việc, thời gian xảy ra ...), soạn thảo và trình lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ký quyết định lập hồ sơ, KSV đăng ký, lấy số hồ sơ tại phòng lưu trữ hoặc Văn phòng, bộ phận làm công tác văn phòng của đơn vị mình.

KSV được giao lập, quản lý hồ sơ phải thường xuyên thu thập, bổ sung tài liệu, chứng cứ nhằm bảo đảm cho hồ sơ phản ánh đầy đủ, khách quan tình hình, kết quả công tác; quản lý hồ sơ theo chế độ bảo mật, không để lộ, lọt thông tin, thất lạc, hư hỏng. Trường hợp bị mất, thất lạc, hư hỏng, lộ, lọt thông tin, tài liệu phải báo ngay cho lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo VKS cấp mình biết để báo cáo VKS cấp trên trực tiếp.

- KSV khi thay đổi nhiệm vụ, chuyển công tác, nghỉ chế độ... hoặc khi có quyết định của cấp lãnh đạo có thẩm quyền phải bàn giao hồ sơ theo quy định.

- Khi kết thúc các loại hồ sơ nghiệp vụ kiểm sát thì KSV quản lý hồ sơ phải thực hiện các thủ tục:

- + Đánh số thứ tự các tài liệu có trong hồ sơ từ 01 đến hết;
- + Thống kê tài liệu có trong hồ sơ;
- + Định thời hạn bảo quản hồ sơ;
- + Soạn thảo và trình ký quyết định kết thúc hồ sơ;
- + Nộp lưu tại bộ phận lưu trữ.

4.2. Lập hồ sơ kiểm sát

- Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, KSV phải lập hồ sơ kiểm sát theo Quy định về lập hồ sơ kiểm sát án hình sự của ngành Kiểm sát nhân dân.

- KSV lưu ý: hồ sơ kiểm sát án hình sự trong giai đoạn xét xử phải được lập bảo đảm tính thống nhất, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác trình tự tố tụng của vụ án; nội dung và kết quả xét xử; các hoạt động của KSV trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ và việc lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình giải quyết vụ án.

- Khi kết thúc giai đoạn xét xử, KSV thụ lý vụ án phải xác nhận những tài liệu đã có trong hồ sơ kiểm sát, đánh số thứ tự, ghi mục lục hồ sơ và sắp xếp các tài liệu theo thứ tự thời gian và theo loại văn bản (loại văn bản về thủ tục tố tụng; loại văn bản, tài liệu về chứng cứ...). Các tài liệu được đánh bút lục theo số thứ

tự. Mỗi hồ sơ kiểm sát án hình sự phải được đóng trong một bì hồ sơ in theo mẫu do VKSND tối cao ban hành và sử dụng thống nhất trong toàn Ngành (cần chú ý ghi đầy đủ theo mẫu thống kê tài liệu đã in sẵn ở bì hồ sơ). Sau khi hoàn thiện, KSV phải xác nhận những tài liệu đã có trong hồ sơ kiểm sát.

Đối với những loại tài liệu mà BLTTHS không quy định Tòa án cấp sơ thẩm gửi cho VKS thì KSV phải trích ghi nội dung hoặc sao chụp lại để lưu vào hồ sơ kiểm sát xét xử sơ thẩm.

- Trong mỗi giai đoạn, KSV có thể lập danh sách văn bản, tài liệu cần phải có trong hồ sơ kiểm sát, trong đó cần ghi chú những văn bản, tài liệu nào đã có, những văn bản, tài liệu nào chưa có phải bổ sung, những văn bản, tài liệu nào phát sinh để tránh bỏ sót trong quá trình kiểm sát, lập hồ sơ kiểm sát.

Ví dụ về việc lập danh sách văn bản, tài liệu:

STT	Tên văn bản, tài liệu	Có/ không (đánh dấu nếu văn bản, tài liệu đã đầy đủ)	Ghi chú (văn bản, tài liệu còn thiếu)
Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm:			
1	- Quyết định đưa vụ án ra xét xử; - Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung; - Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử; ...		
2	- Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; - Quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; - Quyết định rút quyết định truy tố của VKS; ...		
3	- Bản nghiên cứu hồ sơ vụ án (hoặc báo cáo án); - Ý kiến đề xuất giải quyết của KSV; - Ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Viện;		

		
4	Các văn bản, tài liệu khác		
Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm:			
1	- Thông báo kháng cáo, kháng nghị; - Đơn kháng cáo; ...		
2	- Quyết định kháng nghị; - Quyết định phân công KSV tham gia phiên tòa phúc thẩm; ...		
3	- Bản nghiên cứu hồ sơ vụ án (hoặc báo cáo án); - Ý kiến đề xuất giải quyết của KSV; - Ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Viện;		
4	Các văn bản, tài liệu khác		

5. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*
Quy chế số 505 (Điều 9 và Mẫu số 09/HS).

** Nội dung công việc*

- Trước khi tham gia phiên tòa xét xử, KSV phải báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện về kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án.

- KSV lập báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án theo Điều 9 và Mẫu số 09/HS ban hành kèm theo Quy chế số 505; lưu báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án vào hồ sơ kiểm sát. Lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện phải có ý kiến chỉ đạo, phê duyệt cụ thể vào báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án của KSV.

6. Kiểm sát việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*
- BLTTHS (các điều 45, 252 và 253);

- Quy chế số 505 (Điều 19).

*** Nội dung công việc**

KSV phải kiểm sát chặt chẽ việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ của Tòa án theo Điều 252 BLTTHS. Cụ thể như sau:

- KSV kiểm sát việc tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án:

+ Kiểm sát việc Tòa án lập biên bản tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật và chuyển cho VKS theo Điều 253 BLTTHS.

+ Xem xét, đánh giá chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó với tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu, đồ vật và báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

+ Sao chụp chứng cứ, tài liệu, đồ vật để lưu hồ sơ kiểm sát.

+ Chuyển lại chứng cứ, tài liệu, đồ vật cho Tòa án.

- KSV kiểm sát việc Tòa án yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án và kiểm sát việc Tòa án tiếp nhận các chứng cứ, tài liệu, đồ vật này.

- KSV kiểm sát việc xem xét tại chỗ vật chứng, xem xét tại chỗ nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án:

+ Trường hợp Tòa án tiến hành xem xét tại chỗ vật chứng, xem xét tại chỗ nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án và thông báo cho VKS biết để tham gia thì KSV tham gia, kiểm sát quá trình xem xét tại chỗ của Tòa án.

+ Trường hợp Tòa án không thông báo thì KSV kiểm sát quá trình xem xét tại chỗ của Tòa án thông qua biên bản.

- KSV kiểm sát việc trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản của Tòa án theo khoản 5 Điều 252 và quy định khác của BLTTHS về giám định, định giá tài sản.

- KSV kiểm sát việc Tòa án thực nghiệm điều tra. Trước khi tiến hành thực nghiệm điều tra, nếu Tòa án thông báo cho VKS cùng cấp biết về thời gian, địa điểm tiến hành thực nghiệm điều tra thì KSV phải có mặt để kiểm sát việc thực nghiệm điều tra; nếu KSV vắng mặt thì thông báo cho Tòa án biết để ghi rõ lý do vào biên bản. Trong trường hợp KSV không có mặt để trực tiếp kiểm sát việc thực nghiệm điều tra hoặc không được thông báo thì sau đó KSV phải kiểm sát biên bản thực nghiệm điều tra do Tòa án lập, nếu có vi phạm thì báo cáo lãnh đạo

đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm.

7. Kiểm sát việc Tòa án giải quyết trường hợp người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu khởi tố

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao BLTTHS (các điều 155, 282, 299 và 359).*

*** Nội dung công việc**

- KSV kiểm sát việc Tòa án giải quyết trường hợp người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu khởi tố. Tòa án giải quyết trường hợp người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu khởi tố như sau:

+ Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định đình chỉ vụ án theo Điều 45, điểm a khoản 1 Điều 282 BLTTHS;

+ Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử hoặc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa xét xử theo thủ tục rút gọn ra quyết định đình chỉ vụ án theo khoản 2 Điều 155, Điều 299 BLTTHS;

+ Trường hợp có kháng cáo, kháng nghị mà tại giai đoạn xét xử phúc thẩm người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu thì Hội đồng xét xử hoặc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa xét xử theo thủ tục rút gọn hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án theo khoản 2 Điều 155 và Điều 359 BLTTHS.

+ Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm trong thời hạn kháng cáo thì Tòa án hướng dẫn họ làm đơn kháng cáo để Tòa án cấp phúc phẩm xem xét giải quyết.

- KSV lưu ý:

+ Nếu việc rút là tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức mà Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu, không ra quyết định đình chỉ vụ án hoặc không hủy bản án sơ thẩm và ra quyết định đình chỉ vụ án thì KSV đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc Hội đồng xét xử thực hiện; trường hợp không thực hiện thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét kiến nghị, kháng nghị.

+ Nếu việc rút không tự nguyện, bị ép buộc, cưỡng bức mà Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc Hội đồng xét xử vẫn chấp nhận yêu cầu và ra quyết định đình chỉ vụ án hoặc hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét kiến nghị, kháng nghị.

+ Kiểm sát bản án phúc thẩm về lý do hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án là do người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu, không phải do lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

8. Báo cáo, thông báo kết quả phiên tòa, rút kinh nghiệm và tuyên truyền kết quả thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- Quy chế số 505 (Điều 11, Điều 12 và các mẫu số 16/XS, 20/XP, 33/XG (hoặc XT));

- Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-VKSTC ngày 01/8/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao.

** Nội dung công việc*

8.1. Báo cáo, thông báo kết quả phiên tòa

- Sau phiên tòa, KSV thực hiện việc báo cáo, thông báo kết quả phiên tòa theo khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Quy chế số 505.

- KSV lập báo cáo, thông báo kết quả phiên tòa theo Mẫu số 16/XS, Mẫu số 20/XP, Mẫu số 33/XG (hoặc XT) ban hành kèm theo Quy chế số 505 và lưu hồ sơ kiểm sát.

- KSV gửi báo cáo, thông báo kết quả phiên tòa theo khoản 5 Điều 11 Quy chế số 505.

8.2. Thông báo rút kinh nghiệm

- KSV được phân công thuộc VKS cấp trên theo dõi, phát hiện vi phạm, thiếu sót trong hoạt động tố tụng của VKS cấp dưới.

- Khi phát hiện VKS cấp dưới có vi phạm, thiếu sót trong hoạt động tố tụng thì KSV thuộc VKS cấp trên báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ra văn bản thông báo rút kinh nghiệm cho VKS cấp dưới để rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục.

- Việc gửi thông báo rút kinh nghiệm được thực hiện theo khoản 4 và khoản 5 Điều 11 Quy chế số 505.

8.3. Tuyên truyền kết quả thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử

Tùy từng vụ án, KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để phối hợp với các cơ quan hữu quan, các cơ quan thông tin đại chúng đưa tin về kết quả thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử theo quy định về cung cấp thông tin của

VKSND tối cao, góp phần tuyên truyền pháp luật, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

9. Kiến nghị khắc phục, phòng ngừa vi phạm, tội phạm

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (Điều 267);
- Luật Tổ chức VKSND năm 2014 (Điều 5 và Điều 19);
- Quy chế số 505 (Điều 3 và Điều 13).

** Nội dung công việc*

- KSV tổng hợp những nguyên nhân, điều kiện phát sinh vi phạm pháp luật và tội phạm báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để kiến nghị cơ quan hữu quan khắc phục, phòng ngừa.

- Khi phát hiện vi phạm pháp luật, thiếu sót của Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật và phòng ngừa vi phạm, tội phạm theo Điều 5 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và quy định của BLTTHS.

- Việc kiến nghị khắc phục vi phạm, phòng ngừa vi phạm, tội phạm có thể theo từng vụ việc cụ thể hoặc tổng hợp nhiều vi phạm để kiến nghị nhưng phải đảm bảo tính kịp thời. Tùy tính chất, mức độ của từng trường hợp vi phạm, KSV có thể tham mưu kiến nghị bằng văn bản hoặc trao đổi trực tiếp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm, thiếu sót. Trường hợp kiến nghị tổng hợp nhiều vi phạm thì KSV phải xây dựng văn bản kiến nghị, báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, quyết định.

- KSV gửi kiến nghị theo khoản 2 Điều 13 Quy chế số 505.

CHƯƠNG II

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ

1. Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động chuẩn bị xét xử

1.1. Kiểm sát việc chuyển vụ án trong giai đoạn xét xử và việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (các điều 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274 và 275);
- Quy chế số 505 (Điều 74);
- Quy định số 599.

*** Nội dung công việc**

- Sau khi nhận hồ sơ vụ án do Tòa án trả lại vì không thuộc thẩm quyền xét xử của mình, KSV thuộc VKS đã truy tố căn cứ các quy định của BLTTHS và pháp luật có liên quan để báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện về việc trả hồ sơ vụ án của Tòa án theo hướng như sau:

+ Trường hợp thấy vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án khác thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện quyết định việc chuyển hồ sơ vụ án đến VKS có thẩm quyền truy tố để giải quyết theo thẩm quyền. Thời hạn ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án và việc chuyển vụ án ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc ngoài phạm vi quân khu được thực hiện theo khoản 1 Điều 274 BLTTHS.

+ Trường hợp thấy vụ án vẫn thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án đã trả hồ sơ thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện quyết định việc chuyển lại hồ sơ vụ án đến Tòa án kèm theo văn bản nêu rõ lý do. Nếu có tranh chấp về thẩm quyền xét xử thì KSV theo dõi chặt chẽ việc giải quyết để thực hiện theo quyết định của Tòa án có thẩm quyền.

+ Trường hợp VKS nhận được Công văn thông báo việc Tòa án cấp trên lấy hồ sơ vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp dưới để xét xử thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để xem xét, quyết định; xây dựng văn bản thông báo cho VKS cấp trên biết khi có chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

- Lưu ý: trường hợp cần thiết, VKS đã truy tố có thể thỉnh thị đến VKS cấp trên. Việc thỉnh thị phải tuân theo Quy định số 599. Báo cáo thỉnh thị nêu rõ nội

dung và đề nghị VKS cấp trên sớm cho ý kiến trả lời; đồng thời, KSV chủ động liên lạc để sớm nhận được văn bản trả lời.

1.2. Kiểm sát việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 277);
- Quy chế số 505 (Điều 17 và Điều 22).

*** Nội dung công việc**

- Kiểm sát thời hạn ra một trong các quyết định: (1) đưa vụ án ra xét xử; (2) trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung; (3) tạm đình chỉ vụ án hoặc đình chỉ vụ án theo quy định tại Điều 277 BLTTHS.

- KSV kiểm sát thời hạn mở phiên tòa theo đúng quy định của khoản 3 Điều 277 BLTTHS sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án.

Trường hợp gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử thì KSV phải kiểm sát về căn cứ, thẩm quyền, thời hạn của quyết định gia hạn; kiểm sát việc thông báo cho VKS cùng cấp theo khoản 1 Điều 277 BLTTHS. Trường hợp phát hiện vi phạm thì trao đổi, yêu cầu Thẩm phán chủ tọa phiên tòa khắc phục; trường hợp đã trao đổi, yêu cầu mà Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không khắc phục thì KSV tổng hợp vi phạm, xây dựng văn bản kiến nghị trình lãnh đạo Viện ký gửi Tòa án để yêu cầu chấm dứt vi phạm.

1.3. Kiểm sát nội dung của quyết định đưa vụ án ra xét xử

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 255 và Điều 266);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 20-HS);
- Quy chế số 505.

*** Nội dung công việc**

Khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, KSV phải kiểm sát thẩm quyền ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo khoản 1 Điều 277 BLTTHS; nội dung của quyết định theo khoản 1 Điều 255 BLTTHS để bảo đảm các nội dung sau:

- Việc xét xử được tổ chức theo hình thức phù hợp. Khi xét thấy vụ án thuộc trường hợp phải xét xử kín theo Điều 25 BLTTHS mà Tòa án xét xử công khai thì VKS yêu cầu Tòa án thay thế bằng hình thức xét xử kín.

- Phần họ tên, ngày, tháng năm sinh, nơi sinh, nghề nghiệp và nơi cư trú

của bị cáo là chính xác, không có sai sót.

- Phần trích tội danh và điểm, khoản, điều của BLHS mà VKS truy tố đối với bị cáo là chính xác, thống nhất với cáo trạng.

- Hội đồng xét xử đầy đủ số lượng, thành phần theo đúng quy định của BLTTHS (xem chi tiết tại mục 1.12 Chương II Sổ tay này).

- Thành phần những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa là đầy đủ, chính xác (xem chi tiết tại mục 1.11 Chương II Sổ tay này).

Khi phát hiện có thiếu sót, KSV trao đổi với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa để khắc phục. Trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không khắc phục thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để kiến nghị, yêu cầu Tòa án khắc phục.

1.4. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Chương VII và Điều 278);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP;
- Quy chế số 505 (Điều 17 và Điều 22).

**** Nội dung công việc***

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, KSV cần nắm rõ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế mà Tòa án có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo, bao gồm: bắt bị can, bị cáo để tạm giam; tạm giam; bảo lãnh; đặt tiền để bảo đảm; cấm đi khỏi nơi cư trú; tạm hoãn xuất cảnh; áp giải; kê biên tài sản; phong tỏa tài khoản đối với người thực hiện hành vi phạm tội;

- KSV kiểm sát căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn Tòa án áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế trên theo đúng quy định của BLTTHS. Riêng đối với biện pháp tạm giam, KSV lưu ý như sau:

+ Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quyết định, không phải do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định.

+ Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử phải theo khoản 2 Điều 278 BLTTHS. Trường hợp đến ngày mở phiên tòa mà thời hạn tạm giam đã hết, nếu thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì Hội đồng xét xử ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa.

+ Trường hợp thấy Tòa án áp dụng không đúng căn cứ tạm giam bị can, bị cáo (như bị can, bị cáo không khai báo, không nhận các quyết định tố tụng...)

hoặc có căn cứ để thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam nhưng Tòa án không thay đổi, hủy bỏ thì KSV báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để kiến nghị Chánh án Tòa án khắc phục vi phạm.

+ Phối hợp với đơn vị kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự kiểm sát chặt chẽ các trường hợp cơ sở giam giữ đã thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết trước khi hết thời hạn tạm giam theo Điều 13 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 để yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm. Trường hợp có dấu hiệu của tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp thì báo cho Cơ quan điều tra VKSND tối cao để giải quyết theo thẩm quyền.

1.5. Thực hiện quyền yêu cầu, đề nghị đối với Tòa án trước khi mở phiên tòa và kiểm sát việc giải quyết yêu cầu, đề nghị trước khi mở phiên tòa

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 279);

- Quy chế số 505 (Điều 17 và Điều 22).

**** Nội dung công việc***

- Trước khi mở phiên tòa, KSV thực hiện quyền yêu cầu, đề nghị Tòa án theo Điều 279 BLTTHS. Trước khi thực hiện quyền yêu cầu, đề nghị, KSV phải báo cáo, xin ý kiến lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

- KSV kiểm sát việc giải quyết yêu cầu, đề nghị trước khi mở phiên tòa:

+ Phạm vi kiểm sát: kiểm sát việc Tòa án giải quyết yêu cầu, đề nghị của KSV, người tham gia tố tụng theo Điều 279 BLTTHS.

+ Kiểm sát về thẩm quyền giải quyết yêu cầu, đề nghị: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc người khác có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết yêu cầu, đề nghị của KSV, người tham gia tố tụng.

+ Kiểm sát việc thông báo kết quả giải quyết yêu cầu, đề nghị: việc giải quyết hay không giải quyết đều phải được Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông báo cho người đã yêu cầu, đề nghị biết. Trường hợp không nhận được hoặc chưa nhận được thông báo của Tòa án (trong trường hợp có yêu cầu, đề nghị) thì KSV đề nghị Tòa án kịp thời giải quyết và có văn bản thông báo cho VKS.

Trường hợp không chấp nhận với kết quả giải quyết yêu cầu, đề nghị của Tòa án thì KSV thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho Tòa án biết.

1.6. Đề nghị Tòa án trả hồ sơ; giải quyết yêu cầu điều tra bổ sung và giải quyết yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ của Tòa án

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (các điều 174, 246, 280, 284 và 298);
- Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP;
- Quy chế số 505 (Điều 20).

** Nội dung công việc*

1.6.1. VKS đề nghị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Khi phát hiện có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo khoản 1 Điều 280 BLTTHS, KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét và xây dựng văn bản đề nghị Tòa án trả hồ sơ theo khoản 2 Điều 280 BLTTHS.

1.6.2. Giải quyết yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án

- KSV nghiên cứu, đánh giá quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án trên cơ sở đối chiếu với các chứng cứ, tài liệu, đồ vật trong hồ sơ vụ án và các căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung tại khoản 1 Điều 280, khoản 3 Điều 298 BLTTHS, các điều 3, 5 và 6 Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP và xử lý như sau:

+ Trường hợp nhận thấy quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung là: **(1)** không có căn cứ, **(2)** thuộc một trong các trường hợp không trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại khoản 5 Điều 3, khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP hoặc **(3)** không điều tra bổ sung được những vấn đề Tòa án yêu cầu mà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện, xây dựng văn bản chuyển lại hồ sơ, nêu rõ lý do gửi Tòa án.

+ Trường hợp KSV nhận thấy quyết định trả hồ sơ là có căn cứ thì KSV nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý: VKS tự điều tra bổ sung được hay phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung. Cụ thể như sau:

(1) Trường hợp không cần phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra thì xây dựng kế hoạch điều tra bổ sung, báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện trước khi thực hiện. Trường hợp kết quả điều tra bổ sung dẫn đến đình chỉ vụ án thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết theo khoản 3 Điều 20 Quy chế số 505. Trong trường hợp này, VKS xem xét, quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với bị can.

(2) Trường hợp VKS không thể tự điều tra bổ sung được thì VKS ra quyết

định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và chuyển ngay hồ sơ cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra, đồng thời, kiểm sát hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra:

>>> Trường hợp Cơ quan điều tra kết thúc điều tra bổ sung, quyết định đình chỉ điều tra thì sau khi nhận được quyết định đình chỉ điều tra, KSV ra văn bản thông báo cho Tòa án và gửi kèm theo quyết định đó cho Tòa án. Trong trường hợp này, VKS kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với bị can của Cơ quan điều tra.

>>> Trường hợp Cơ quan điều tra kết thúc điều tra bổ sung, tiếp tục đề nghị truy tố:

Nếu kết quả điều tra bổ sung không làm thay đổi nội dung cáo trạng trước đó thì có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển hồ sơ đến Tòa án.

Nếu kết quả điều tra bổ sung làm thay đổi cơ bản nội dung bản cáo trạng trước đó thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ra bản cáo trạng mới thay thế và chuyển hồ sơ đến Tòa án. KSV thực hiện giao, gửi cáo trạng theo Điều 240 BLTTHS.

- Trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi có căn cứ cho rằng bị can hoặc bị cáo phạm tội khác nặng hơn tội danh mà VKS đã truy tố theo khoản 3 Điều 298 BLTTHS, KSV thực hiện theo Điều 7 Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP.

1.6.3. Giải quyết yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ của Tòa án

- Khi nhận được yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ của Tòa án, KSV kiểm sát về căn cứ, thủ tục, thẩm quyền ra văn bản yêu cầu, thời hạn gửi văn bản theo khoản 1 và khoản 2 Điều 284 BLTTHS.

- KSV nghiên cứu, đánh giá yêu cầu của Tòa án trên cơ sở đối chiếu với các chứng cứ, tài liệu, đồ vật trong hồ sơ vụ án và xử lý như sau:

+ Trường hợp tài liệu, chứng cứ mà Tòa án yêu cầu bổ sung đã được VKS bàn giao khi giao hồ sơ vụ án hoặc yêu cầu của Tòa án là có căn cứ nhưng VKS không thể bổ sung được thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xây dựng văn bản thông báo cho Tòa án.

+ Trường hợp yêu cầu của Tòa án là có căn cứ, KSV tiến hành thu thập, trường hợp cần thiết có thể phối hợp với Điều tra viên để thu thập >>> gửi cho Tòa án chứng cứ, tài liệu đã thu thập được để đưa vào hồ sơ vụ án; sao lưu chứng cứ, tài liệu đưa vào hồ sơ kiểm sát.

- Trong quá trình giải quyết yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ của Tòa án, nếu thấy phát sinh các vấn đề cần phải làm rõ ngoài vấn đề được yêu cầu hoặc cần phải thêm thời gian để giải quyết yêu cầu bổ sung của Tòa án (ngoài 05 ngày theo khoản 3 Điều 284 BLTTHS) thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để có văn bản đề nghị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

1.7. Xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ hoặc hỏi bị can, bị cáo

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 312 và Điều 314);
- Quy chế số 505 (Điều 19).

**** Nội dung công việc***

- Khi thấy cần thiết xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ hoặc hỏi bị can, bị cáo, KSV đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện duyệt trước khi thực hiện.

- KSV thực hiện việc xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ hoặc hỏi bị can, bị cáo trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Quy chế số 505. Việc xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ hoặc hỏi bị can, bị cáo phải được lập biên bản theo quy định của BLTTHS, chuyển cho Tòa án để đưa vào hồ sơ vụ án và sao chụp để lưu hồ sơ kiểm sát.

- KSV chủ động phối hợp Điều tra viên để thực hiện.

- KSV báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kết quả xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ hoặc hỏi bị can, bị cáo và đề xuất hướng giải quyết (nếu có).

1.8. Kiểm sát việc tạm đình chỉ, đình chỉ, phục hồi vụ án

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 155, 277, 281, 282, 283 và 286);
- Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP (Điều 10 và Điều 11);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (các mẫu số 36-HS, 39-HS và 41-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 17 và Điều 22).

**** Nội dung công việc***

1.8.1. Kiểm sát việc tạm đình chỉ vụ án

- Thời điểm kiểm sát: ngay sau khi nhận được quyết định tạm đình chỉ vụ án của Tòa án.

- Nội dung kiểm sát:

+ Việc giao, gửi quyết định theo Điều 286 BLTTHS.

+ Thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ theo Điều 281 BLTTHS.

+ Nội dung quyết định theo khoản 2 Điều 132 BLTTHS.

+ Phạm vi tạm đình chỉ: tạm đình chỉ toàn bộ vụ án hay chỉ tạm đình chỉ vụ án đối với từng bị can, bị cáo.

+ Căn cứ ra quyết định theo Điều 281 BLTTHS. Lưu ý:

(1) Trường hợp tạm đình chỉ vụ án do bị can, bị cáo bị bệnh tâm thần thì KSV phải kiểm sát việc Tòa án áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị can, bị cáo. Nếu chưa rõ về nội dung kết luận giám định thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện có văn bản đề nghị Tòa án giải thích.

(2) Trường hợp tạm đình chỉ vụ án với lý do không biết rõ bị can, bị cáo đang ở đâu mà đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử thì KSV phải kiểm sát việc Tòa án yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã bị can, bị cáo; gửi quyết định truy nã cho VKS.

(3) Trường hợp tạm đình chỉ do chưa có kết quả giám định, định giá tài sản thì KSV phải kiểm sát cả việc Tòa án thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế sau khi ra quyết định tạm đình chỉ.

+ Kiểm sát việc Tòa án quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ; việc áp dụng, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế (nếu có).

- Trường hợp việc tạm đình chỉ không có căn cứ và không đúng thẩm quyền thì KSV trao đổi với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa để khắc phục. Trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không khắc phục thì KSV báo cáo lãnh đạo Viện để xem xét, quyết định việc kháng nghị.

1.8.2. Kiểm sát việc đình chỉ vụ án

- Thời điểm kiểm sát: ngay sau khi nhận được quyết định đình chỉ vụ án của Tòa án.

- Nội dung kiểm sát:

+ Việc giao, gửi quyết định theo Điều 286 BLTTHS.

+ Thẩm quyền ra quyết định đình chỉ theo Điều 282 BLTTHS.

+ Nội dung quyết định theo khoản 2 Điều 132 BLTTHS.

+ Phạm vi đình chỉ: đình chỉ toàn bộ vụ án hay chỉ đình chỉ vụ án đối với

từng bị can, bị cáo.

+ Căn cứ ra quyết định theo Điều 282 BLTTHS. Lưu ý:

(1) Trường hợp đình chỉ do người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu: KSV phải kiểm sát việc rút yêu cầu khởi tố của bị hại là tự nguyện hay do bị ép buộc, cưỡng bức. Trường hợp có nghi ngờ người bị hại rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức thì phải tiến hành kiểm tra, xác minh ngay.

(2) Trường hợp đình chỉ khi có một trong các căn cứ tại các điểm 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 157 BLTTHS: KSV nghiên cứu, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kiểm tra căn cứ có chính xác hay không.

- Trường hợp việc đình chỉ là có căn cứ, KSV kiểm sát việc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với bị can; việc trả lại tài liệu, đồ vật đã tạm giữ (nếu có), việc xử lý vật chứng và những vấn đề khác có liên quan.

- Trường hợp việc đình chỉ không có căn cứ và không đúng thẩm quyền thì KSV trao đổi với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa khắc phục. Trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không khắc phục thì KSV báo cáo lãnh đạo Viện để xem xét, quyết định việc kháng nghị.

1.8.3. Kiểm sát việc phục hồi vụ án

- Sau khi nhận được quyết định phục hồi vụ án, KSV kiểm sát lý do phục hồi, phạm vi phục hồi, thẩm quyền ra quyết định, nội dung quyết định phục hồi, việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo Điều 283 BLTTHS.

- Trong quá trình kiểm sát các quyết định tạm đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án, nếu thấy có lý do để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ vụ án hoặc có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉ vụ án mà Tòa án chưa ra quyết định phục hồi vụ án thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định phục hồi vụ án.

1.9. Rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 285);

- Quy chế số 505 (Điều 21 và Mẫu số 06/HS).

**** Nội dung công việc***

Khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 BLTTHS hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015

(sửa đổi, bổ sung năm 2017), KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện về việc rút quyết định truy tố.

- Trường hợp lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện đồng ý việc rút quyết định truy tố, KSV xây dựng quyết định rút quyết định truy tố theo Mẫu số 06/HS ban hành kèm theo Quy chế số 505.

Trong quyết định phải nêu rõ phạm vi rút, phạm vi đề nghị đình chỉ vụ án: **(1)** rút một phần (rút quyết định truy tố đối với một hay nhiều bị can, bị cáo trong vụ án có đồng phạm hoặc một bị can, bị cáo bị VKS truy tố về nhiều tội khác nhau nhưng có căn cứ rút quyết định truy tố về một hoặc một số tội mà không rút quyết định truy tố đối với tất cả các tội), trường hợp rút quyết định truy tố đối với một hay nhiều bị can, bị cáo trong vụ án có đồng phạm thì đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo đó; hay **(2)** rút toàn bộ quyết định truy tố, đề nghị Tòa án đình chỉ toàn bộ vụ án.

- Trường hợp lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện không đồng ý việc rút quyết định truy tố, KSV báo cáo Viện trưởng VKS cấp trên. Viện trưởng VKS cấp trên tự mình hoặc thông qua báo cáo của KSV VKS cấp dưới thấy có căn cứ rút quyết định truy tố của Viện trưởng VKS cấp dưới thì có văn bản trao đổi với Viện trưởng VKS cấp dưới, nếu Viện trưởng VKS cấp dưới không nhất trí thì Viện trưởng VKS cấp trên quyết định rút quyết định truy tố theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- KSV gửi quyết định rút quyết định truy tố đến Tòa án và lưu hồ sơ kiểm sát.

1.10. Kiểm sát việc giao, gửi quyết định của Tòa án

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 138, 139, 140, 277 và 286);

- Quy chế số 505 (Điều 17 và Điều 22).

**** Nội dung công việc***

- KSV kiểm sát việc giao, gửi các quyết định sau đây của Tòa án: quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định phục hồi vụ án, quyết định phân công Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Việc kiểm sát thời hạn giao gửi quyết định; chủ thể được nhận quyết định; thủ tục giao, gửi quyết định được thực hiện theo Điều 286 BLTTHS.

- Trường hợp phát hiện có thiếu sót, vi phạm trong việc giao, gửi các quyết định của Tòa án thì KSV yêu cầu Tòa án khắc phục. Trường hợp Tòa án không

khắc phục vi phạm thì tổng hợp, ban hành kiến nghị khắc phục vi phạm.

1.11. Kiểm sát việc triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 287);
- Quy chế số 505 (Điều 17 và Điều 22).

*** Nội dung công việc**

- KSV căn cứ vào quyết định đưa vụ án ra xét xử, yêu cầu của KSV, yêu cầu của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác (nếu có) tiến hành kiểm sát việc triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa trên cơ sở danh sách những người được triệu tập, việc gửi giấy triệu tập của Tòa án.

- Trường hợp Tòa án triệu tập thiếu người tham gia tố tụng mà xét thấy có thể ảnh hưởng đến việc xét xử thì VKS yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng đến phiên tòa.

1.12. Kiểm sát thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 254 và Điều 288);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 20-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 17 và Điều 22).

*** Nội dung công việc**

- KSV căn cứ vào quyết định đưa vụ án ra xét xử:

+ Kiểm sát số lượng Thẩm phán, Hội thẩm trong thành phần Hội đồng xét xử theo Điều 254 BLTTHS.

+ Kiểm sát số lượng Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký dự khuyết (nếu có).

+ Kiểm sát các trường hợp bị thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng theo các điều 49, 53 và 54 BLTTHS.

- Nếu Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký thuộc trường hợp bị thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng mà chưa bị thay đổi thì KSV đề nghị Tòa án thay đổi. Nếu Tòa án không thực hiện thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để xem xét, quyết định việc kiến nghị.

1.13. Nghiên cứu hồ sơ vụ án để tham gia phiên tòa

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

Quy chế số 505 (Điều 9, Điều 16 và Mẫu số 09/HS).

*** Nội dung công việc**

- KSV đọc, nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ; lưu ý việc trích cứu hồ sơ vụ án trong quá trình nghiên cứu hồ sơ; nên trích cứu theo từng bị cáo, theo từng căn cứ buộc tội đối với bị cáo (tương ứng là những chứng cứ gỡ tội) và theo từng nhóm vấn đề cần quan tâm.

- KSV lập bản tổng hợp chứng cứ theo Điều 16 Quy chế số 505; xây dựng Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án theo Điều 9 và Điều 16 Quy chế số 505, Mẫu số 09/HS ban hành kèm theo Quy chế số 505.

1.14. Xây dựng đề cương xét hỏi

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**
Quy chế số 505 (Điều 24 và Mẫu số 12/XS).

*** Nội dung công việc**

- KSV dự thảo đề cương xét hỏi theo Điều 24 Quy chế số 505 và Mẫu số 12/XS ban hành kèm theo Quy chế số 505.

- KSV dự kiến trước những tình huống, diễn biến có thể xảy ra tại phiên tòa (thái độ, tâm lý của bị cáo, khả năng phản cung, thay đổi lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác so với lời khai ở giai đoạn điều tra...), vấn đề mà Hội đồng xét xử, người bào chữa và những chủ thể khác sẽ hỏi trước, nêu ra tại phiên tòa để đưa ra phương pháp xét hỏi, chủ động xét hỏi, có phương án giải quyết phù hợp và không lặp lại những vấn đề đã hỏi.

- Đối với những vụ án trọng điểm, phức tạp, xét xử lưu động, KSV báo cáo, xin ý kiến lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện về đề cương xét hỏi.

1.15. Dự thảo luận tội

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 321);

- Quy chế số 505 (Điều 25 và Mẫu số 13/XS).

*** Nội dung công việc**

- KSV dự thảo luận tội theo Điều 321 BLTTHS, Điều 25 và Mẫu số 13/XS ban hành kèm theo Quy chế số 505 và lưu hồ sơ kiểm sát.

KSV lưu ý xây dựng dự thảo luận tội theo đúng mẫu của VKSND tối cao; tóm tắt ngắn gọn nội dung vụ án, tránh việc sao chép lại toàn bộ cáo trạng; phần

phân tích và đánh giá chứng cứ ngoài việc nêu chứng cứ thì phải phân tích, đánh giá hệ thống chứng cứ, đồng thời có viện dẫn bút lục chứng minh; xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội, kiến nghị phòng ngừa; phần kết luận và đề nghị về vấn đề dân sự cần nêu cụ thể, tránh nêu chung chung...

- Đối với vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động, KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện cho ý kiến về dự thảo luận tội.

1.16. Dự thảo đề cương tranh luận

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 322);
- Quy chế số 505 (Điều 26 và Mẫu số 14/XS).

**** Nội dung công việc***

- KSV dự thảo đề cương tranh luận theo Điều 26, Mẫu số 14/XS ban hành kèm theo Quy chế số 505 và lưu hồ sơ kiểm sát.

- KSV dự liệu các tình huống phát sinh tại phiên tòa: bị cáo kêu oan, phản cung, phản bác về việc bị xét xử với tội danh nặng hơn hoặc khung hình phạt nặng hơn; bị bức cung, nhục hình... và chuẩn bị các tài liệu, chứng cứ, căn cứ pháp lý để tranh luận, phản bác.

2. Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa

2.1. Kiểm sát sự có mặt của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người khác

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 267, 288, 290, 291, 292, 293, 294, 295 và 296);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 20-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 22).

**** Nội dung công việc***

2.1.1. Kiểm sát sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án

Căn cứ quyết định đưa vụ án ra xét xử, KSV kiểm sát sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án theo Điều 288 BLTTHS; nếu phát hiện thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thuộc trường hợp quy định tại các điều 49, 53 và 54 BLTTHS thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi họ. KSV cần lưu ý:

- Thẩm phán, Hội thẩm dự khuyết phải tham gia phiên tòa từ đầu mới được

thay thế, bổ sung làm thành viên Hội đồng xét xử.

- Trường hợp chưa bắt đầu phiên tòa mà Thẩm phán, Hội thẩm phiên tòa vắng mặt mà không có người dự khuyết thay thế, thì KSV căn cứ vào Điều 288 BLTTHS để kiểm sát việc hoãn phiên tòa của Tòa án.

- Trường hợp Hội đồng xét xử có 02 Thẩm phán mà Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không thể tiếp tục tham gia xét xử, thì KSV kiểm sát việc Thẩm phán còn lại làm chủ tọa phiên tòa và việc bổ sung Thẩm phán dự khuyết nếu người này tham gia phiên tòa từ đầu.

- Trường hợp đã tiến hành xét xử mà Thẩm phán, Hội thẩm bị thay đổi hoặc không thể tiếp tục tham gia phiên tòa nhưng không có người dự khuyết tham gia phiên tòa từ đầu thay thế thì KSV căn cứ vào Điều 288 BLTTHS để kiểm sát việc hoãn phiên tòa của Tòa án.

- Trường hợp đã tiến hành xét xử mà Thư ký phiên tòa thay đổi hoặc không thể tiếp tục tham gia phiên tòa nhưng không có Thư ký dự khuyết tham gia phiên tòa từ đầu thay thế thì KSV căn cứ vào Điều 251 BLTTHS để kiểm sát việc tạm ngừng phiên tòa của Tòa án.

2.1.2. Kiểm sát sự có mặt của người tham gia tố tụng, Điều tra viên và những người khác

- KSV kiểm sát sự có mặt của người tham gia tố tụng, Điều tra viên và những người khác được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa theo đúng quy định của các điều 290, 291, 292, 293, 294, 295 và 296 BLTTHS; liệt kê người có mặt, người vắng mặt, lý do vắng mặt.

- KSV yêu cầu Hội đồng xét xử áp giải, dẫn giải, tạm đình chỉ, tiếp tục xét xử hoặc hoãn phiên tòa (trong trường hợp có người vắng mặt, có người không đúng với giấy triệu tập) theo các quy định tại các điều 290, 291, 292, 293, 294, 295 và 296 BLTTHS.

Ví dụ: tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, vắng mặt 01 người làm chứng không có lý do. Đại diện VKS nhận thấy đây là người làm chứng quan trọng và ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó, khi Hội đồng xét xử hỏi KSV về việc vắng mặt của người làm chứng này, căn cứ khoản 2 Điều 293 và khoản 2 Điều 127 BLTTHS, KSV đề nghị dẫn giải người làm chứng đến phiên tòa và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong khi Đội Cảnh sát và hỗ trợ tư pháp tiến hành dẫn giải người làm chứng vắng mặt thì phiên tòa được tiến hành theo thủ tục tố tụng quy định. Đến giai đoạn xét hỏi, phát hiện người làm chứng bị yêu cầu dẫn giải đã đến và ngồi ở hàng ghế dành cho những người đến tham dự phiên tòa nhưng Hội đồng

xét xử không yêu cầu người làm chứng xuất trình giấy triệu tập, không quay lại phân thủ tục bắt đầu phiên tòa để kiểm tra lý lịch và giải thích quyền, nghĩa vụ của người làm chứng, khi được Hội đồng xét xử đề nghị đại diện VKS tham gia xét hỏi, trước khi xét hỏi, KSV có ý kiến về việc người làm chứng vắng mặt đã đến phiên tòa và căn cứ Điều 301 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử quay lại phân thủ tục để kiểm tra lý lịch, giải thích quyền, nghĩa vụ cho người làm chứng.

2.2. Kiểm sát việc hoãn phiên tòa

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (Điều 297);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 43-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 22).

** Nội dung công việc*

- KSV phải đề nghị hoãn phiên tòa nếu có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 297 BLTTHS. Trường hợp Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử thì KSV phải tham gia phiên tòa. Sau phiên tòa, KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, quyết định.

- KSV kiểm sát việc hoãn phiên tòa của Tòa án về căn cứ hoãn, thẩm quyền hoãn, thời hạn hoãn và việc thông báo, gửi quyết định hoãn phiên tòa theo các khoản 2, 3 và 4 Điều 297 BLTTHS. Trường hợp hoãn chưa đúng (như Tòa án thay đổi lịch xét xử, lên nhầm lịch, lên lịch xét xử nhưng không triệu tập bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, lên lịch xét xử nhưng Thẩm phán không đủ thời gian để nghiên cứu kỹ hồ sơ, hoãn phiên tòa nhưng không ra quyết định...) hoặc Tòa án hoãn nhưng không thông báo lý do cho VKS biết thì KSV tổng hợp vi phạm của Tòa án, báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét kiến nghị khắc phục vi phạm.

Tình huống:

Ngày 01/5/2017, H và T dùng mã tấu, ghế nhựa và cây gỗ đánh Đ gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 13% và đánh Q gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 02%. Ngày 02/9/2017, H điều khiển xe máy đi trên đường thì bị tai nạn giao thông dẫn đến chấn thương sọ não.

Trong quá trình điều tra, truy tố: bị can H tuy sức khỏe bị giảm sút do tai nạn giao thông nhưng vẫn trả lời các câu hỏi của Điều tra viên, KSV, vẫn nhận các quyết định tố tụng và ký xác nhận. Gia đình bị can vẫn cho bị can điều trị tại nhà, không có biểu hiện khác thường, tình trạng sức khỏe của bị can H vẫn ổn định.

Tại phiên tòa, bị cáo H có biểu hiện mất trí nhớ (không nhớ những sự việc xảy ra trước khi tai nạn nhưng vẫn nhớ tên mình và người nhà).

Trong tình huống này, KSV phải đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để giám định tâm thần bị cáo H nhưng KSV vẫn luận tội đối với bị cáo, dẫn đến việc sau khi nghị án, Hội đồng xét xử đã quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung để giám định tâm thần đối với bị cáo.

- Trước khi hết thời hạn hoãn phiên tòa, KSV trao đổi với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa để tiến hành các thủ tục mở lại phiên tòa, xét xử lại từ đầu. Trường hợp Tòa án đã hoãn phiên tòa nhưng chậm mở lại phiên tòa thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện đề nghị Tòa án mở lại phiên tòa theo đúng quy định.

2.3. Kiểm sát việc tạm ngừng phiên tòa

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 251);
- Quy chế số 505 (Điều 22).

*** Nội dung công việc**

- KSV phải đề nghị tạm ngừng phiên tòa nếu có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 251 BLTTHS. Trường hợp Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử thì KSV phải tham gia phiên tòa. Sau phiên tòa, KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

Ví dụ: tại phiên tòa, trong khi đang trả lời câu hỏi của Hội đồng xét xử, bị cáo đề nghị hoãn phiên tòa do bị cáo kêu ốm, mệt, bị bệnh không thể tiếp tục xét xử được. Trong trường hợp này, KSV phải đề nghị Hội đồng xét xử hỏi rõ bị cáo về tình trạng sức khỏe của bị cáo như đau ở đâu, bệnh gì, cảm thấy sức khỏe như thế nào?... KSV đề nghị Hội đồng xét xử để bị cáo nghỉ ngơi, cho bị cáo ngồi, uống thuốc khi cần thiết. Nếu bị cáo vẫn kêu ốm, mệt hoặc bị bệnh không thể tiếp tục xét xử được thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa, giao cảnh sát tư pháp đưa bị cáo đến cơ sở y tế gần nhất để khám, chẩn đoán bệnh và ấn định thời gian tiếp tục phiên tòa. Sau khi mở lại phiên tòa, tùy theo kết quả khám bệnh của bị cáo, KSV đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa hoặc nếu có căn cứ bị cáo giả bệnh thì đề nghị Hội đồng xét xử công bố kết quả khám bệnh và tiếp tục xét xử.

- KSV kiểm sát căn cứ, thời hạn, thủ tục tạm ngừng phiên tòa và việc thông báo việc tạm ngừng phiên tòa theo Điều 251 BLTTHS.

- KSV đề nghị hoãn phiên tòa, nếu việc xét xử vụ án không thể tiếp tục sau

05 ngày kể từ ngày tạm ngừng phiên tòa.

2.4. VKS đề nghị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (Điều 280 và Điều 298);
- Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP;
- Quy chế số 505 (Điều 20).

** Nội dung công việc:*

Căn cứ vào diễn biến, kết quả tại phiên tòa, KSV đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi phát hiện có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo khoản 1 Điều 280 BLTTHS; có căn cứ để kết luận về một tội danh khác nặng hơn hoặc phát sinh những vấn đề mới, phức tạp mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa. Sau phiên tòa, KSV báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

2.5. Kiểm sát thủ tục bắt đầu phiên tòa

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (các điều 300, 301, 302, 303, 304 và 305);
- Quy chế số 505 (Điều 22).

** Nội dung công việc*

- Trước khi khai mạc phiên tòa, KSV phải có mặt trước khi Hội đồng xét xử bắt đầu phiên tòa để kiểm sát các công việc của Thư ký Tòa án theo Điều 300 BLTTHS. KSV yêu cầu Thư ký Tòa án khắc phục ngay các vi phạm nếu có.

- KSV kiểm sát thủ tục khai mạc phiên tòa theo Điều 301 BLTTHS. Lưu ý:

+ KSV đối chiếu lý lịch bị can, trường hợp có sai sót, yêu cầu Thẩm phán chủ tọa phiên tòa xử lý ngay.

+ KSV kiểm sát việc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phổ biến quyền và nghĩa vụ của những người được Tòa án triệu tập. Trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phổ biến chưa chính xác, chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của những người đó thì KSV có ý kiến ngay với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, đề nghị Thẩm phán phổ biến đúng, đầy đủ.

- KSV kiểm sát việc thực hiện nghĩa vụ cam đoan của người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, người định giá tài sản, người làm chứng theo Điều 303 và Điều 304 BLTTHS.

- KSV kiểm sát việc thực hiện thủ tục cách ly người làm chứng theo Điều 304 BLTTHS; kiểm sát việc giải quyết đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, KSV, Thư ký Tòa án, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật theo Điều 302 BLTTHS; kiểm sát việc giải quyết yêu cầu về xem xét chứng cứ và hoãn phiên tòa khi có người vắng mặt theo Điều 305 BLTTHS.

Tình huống:

Phiên tòa xét xử vụ án A về tội trộm cắp tài sản (bị hại là VKSND tỉnh X) tại Tòa án nhân dân tỉnh X, bị cáo và người bào chữa yêu cầu thay đổi KSV vì cho rằng KSV đồng thời là người bị hại; đề nghị chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân khác địa giới hành chính xét xử để bảo đảm khách quan. Hội đồng xét xử đề nghị KSV phát biểu ý kiến.

KSV phát biểu ý kiến:

(1) VKSND tỉnh X tham gia vụ án với tư cách là bị hại, đại diện theo pháp luật của bị hại (Viện trưởng VKSND tỉnh X) đã ủy quyền cho Chánh Văn phòng tham gia tố tụng, theo đúng quy định của pháp luật.

(2) KSV thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa được Viện trưởng VKSND tỉnh X phân công, được tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo quy định tại BLTTHS. KSV không phải là bị hại, đại diện bị hại, không có căn cứ quy định tại Điều 52 BLTTHS để thay đổi KSV.

Do vậy, vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh X xét xử là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 269 BLTTHS.

2.6. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tranh tụng tại phiên tòa

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 85, 306, 307, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 317, 318, 319, 321, 322, 323, 324 và 325);

- Quy chế số 505 (các điều 19, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và Mẫu số 13/XS).

**** Nội dung công việc***

2.6.1. Công bố cáo trạng

- Trước khi tiến hành xét hỏi, KSV tiến hành công bố nguyên văn bản cáo trạng.

- KSV có thể trình bày bổ sung làm rõ thêm nội dung cáo trạng. Ý kiến bổ

sung không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Ví dụ: không áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự...

2.6.2. Kiểm sát việc xét hỏi và thực hiện việc xét hỏi

a) Kiểm sát việc xét hỏi

- KSV kiểm sát việc điều hành xét hỏi của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, kiểm sát chặt chẽ thủ tục xét hỏi theo các điều 307, 309, 310, 311, 316, 317 và 318 BLTTHS:

+ KSV kiểm sát việc thực hiện việc xét hỏi đối với bị cáo, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ; người làm chứng; người giám định, người định giá tài sản; Điều tra viên, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thụ lý, giải quyết vụ án; người tham gia tố tụng khác theo đúng quy định của BLTTHS, bảo đảm người tham gia tố tụng trình bày ý kiến trước, sau đó, Hội đồng xét xử, KSV, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác hỏi thêm về những điểm mà người được hỏi trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.

+ KSV kiểm sát việc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa giải quyết đề nghị hỏi thêm của người tham gia tố tụng theo Điều 307 BLTTHS.

- Trong trường hợp Hội đồng xét xử có vi phạm như thực hiện không đúng các thủ tục xét hỏi bị cáo, người làm chứng hoặc công bố lời khai trước khi người được xét hỏi khai tại phiên tòa hoặc Hội đồng xét xử không bảo đảm các quyền yêu cầu, quyền được hỏi của những người tham gia phiên tòa, thì KSV phải yêu cầu Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

b) KSV thực hiện việc xét hỏi

- KSV phải thực hiện việc xét hỏi theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa yêu cầu KSV hỏi trước, ngay sau khi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hỏi, KSV tiến hành hỏi theo đề cương xét hỏi và theo diễn biến của phiên tòa, tránh hỏi trùng với câu hỏi của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Trường hợp KSV hỏi sau Hội đồng xét xử, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác, KSV theo dõi, ghi chép câu hỏi, ý kiến trả lời, đối chiếu đề cương, theo dõi diễn biến phiên tòa để khi được yêu cầu xét hỏi thì KSV chỉ hỏi những vấn đề chưa rõ, chưa được xét hỏi, những vấn đề còn mâu thuẫn hoặc những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa.

- KSV đặt câu hỏi rõ ràng, dễ hiểu, tránh trùng lặp, tránh giải thích, kết luận ngay. KSV phải linh hoạt, không quá phụ thuộc vào đề cương xét hỏi, tập trung diễn biến phiên tòa để nắm bắt các tình huống để đặt câu hỏi cho phù hợp, qua đó xác định sự thật khách quan của vụ án, làm sáng tỏ hành vi phạm tội, tội danh, vai

trò, vị trí của từng bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp.

- Khi có người tham gia tố tụng xuất trình chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới tại phiên tòa, KSV cần kiểm tra và xét hỏi về nguồn gốc, nội dung chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó để kết luận về tính hợp pháp và tính có căn cứ của chứng cứ, tài liệu, đồ vật. Trường hợp chưa đủ căn cứ kết luận mà chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới đó có thể làm thay đổi nội dung, bản chất vụ án thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để xác minh.

- Khi xét hỏi bị cáo: KSV hỏi về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội và những tình tiết khác của vụ án. Lưu ý một số tình huống thường gặp khi xét hỏi:

+ Trường hợp bị cáo nhận tội, thành khẩn thì cũng không được chủ quan tin vào lời khai của bị cáo ngay mà cần theo dõi đầy đủ phần trình bày của bị cáo. Đối chiếu lời nhận tội với các chứng cứ khác để kiểm tra, chứng minh lời nhận tội của bị cáo. Đánh giá, động cơ, nguyên nhân, mục đích nhận tội của bị cáo để có phương án giải quyết phù hợp.

+ Trường hợp bị cáo không nhận tội hoặc không khai báo thì vẫn phải xét hỏi đầy đủ, khách quan, toàn diện về vụ án. KSV phải sử dụng phương pháp xét hỏi hợp lý để xác định sự thật của vụ án như xét hỏi xen kẽ, xem xét vật chứng, công bố tài liệu, đối chất... Đặc biệt, cần tập trung làm sáng tỏ lý do mà bị cáo không nhận tội. KSV cần chú ý, khai báo không phải là nghĩa vụ của bị cáo, vì vậy không nên có thái độ khó chịu, bức xúc nóng nảy khi bị cáo không khai báo. KSV có thể đặt những câu hỏi để phản bác lại lời khai không chính xác của bị cáo.

+ Trường hợp bị cáo chối tội, đổ lỗi cho người khác, chỉ nhận một phần về mình thì cần phải hỏi những người tham gia tố tụng khác, kết hợp xem xét vật chứng, tài liệu khác có trong hồ sơ, kết hợp với xét hỏi các bị cáo khác, người làm chứng, bị hại, tiến hành đối chất, yêu cầu bị cáo giải thích... để xác định sự thật khách quan của vụ án, tìm những mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo và trong lời khai của bị cáo với những lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Đặc biệt là đối với người mà bị cáo đổ lỗi sang cho họ. Nếu bị cáo khai có người khác cùng phạm tội với bị cáo mà chưa bị truy tố, cần xem xét kỹ lưỡng nếu lời khai của bị cáo có cơ sở thì tùy theo từng trường hợp có thể đề nghị hoãn phiên tòa để trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung hoặc đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử và kiến nghị VKS ra quyết định khởi tố vụ án mới.

+ Nếu bị cáo phản cung thì tùy từng trường hợp, KSV xét hỏi để bảo vệ cáo trạng hoặc nếu cần xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, tài liệu thì đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tình huống KSV đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa:

N quen biết T qua mạng xã hội. T đã có hành vi giao cấu trái ý muốn của N, N đã báo công an giải quyết. T bị khởi tố, truy tố về tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi. Quá trình điều tra, truy tố, T khai nhận hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi dùng vũ lực giao cấu trái ý muốn của bị hại. Bị hại N cũng thay đổi lời khai, khai nhận N giao cấu với bị cáo là tự nguyện.

KSV đã đề nghị hoãn phiên tòa. Trong thời gian hoãn phiên tòa, KSV đã phối hợp với Điều tra viên thu thập bổ sung chứng cứ mới để chứng minh cho quan điểm truy tố của VKS. Chứng cứ thu thập được là hình ảnh trích xuất từ camera tại nơi thực hiện tội phạm (trước khi vào phòng khách sạn, tại hành lang, bị cáo đã bịt miệng, ôm bị hại, lôi vào phòng, bị hại có giãy giụa, phản kháng).

Tại phiên tòa, KSV đã đề nghị Hội đồng xét xử xem lại hình ảnh trích xuất từ camera. Khi KSV xét hỏi thì bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

+ Nếu vụ án có nhiều bị cáo nhưng các bị cáo khai mâu thuẫn nhau thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử cách ly các bị cáo. KSV có thể xét hỏi bị cáo thành khẩn khai báo trước, xét hỏi bị cáo quanh co chối tội, không hợp tác sau.

- Khi xét hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ: KSV hỏi về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn. Lưu ý một số tình huống cần xử lý khi xét hỏi như sau:

+ Có những trường hợp vì quá bức tức, xúc động, bị hại xỉ vả, mắng nhiếc bị cáo, trách móc gia đình bị cáo gây nên không khí căng thẳng ở phiên tòa. Trong những trường hợp này, cần giải thích pháp luật cho bị hại hiểu và nhắc nhở họ tôn trọng nội quy phiên tòa với thái độ mềm mỏng, không nên nóng nảy cắt lời khai của bị hại hoặc đại diện của bị hại.

+ Trường hợp bị hại khai không đúng về mức độ thiệt hại để được bồi thường nhiều, cần hỏi kỹ bị hại về sự thiệt hại và việc chi phí để chỉ rõ những điểm không hợp lý trong lời khai và yêu cầu của họ.

+ Trường hợp các đương sự đã thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa thì cần công bố bản thỏa thuận để họ xác nhận và thể hiện ý chí tại phiên tòa. Nếu họ thể hiện mong muốn thỏa thuận bồi thường tại phiên tòa... thì cần chấp nhận cho họ tự thỏa thuận với nhau, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận kết quả thỏa thuận, cho đương sự xác nhận kết quả này.

+ Trường hợp trong quá trình điều tra, truy tố, bị hại không yêu cầu bồi

thường thiệt hại hoặc đã thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại nhưng tại phiên tòa, bị hại lại yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc thay đổi ý kiến về việc bồi thường thiệt hại thì KSV cần hỏi bị hại để làm rõ yêu cầu của bị hại, yêu cầu bị hại giải thích rõ lý do vì sao lại yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc thay đổi ý kiến về việc bồi thường thiệt hại. Nếu nguyên nhân thay đổi có căn cứ, đúng pháp luật thì đề nghị bị hại xuất trình chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc thay đổi ý kiến về việc bồi thường thiệt hại là hợp pháp. Nếu bị hại không xuất trình được chứng cứ, tài liệu hoặc xuất trình được nhưng tại phiên tòa không có điều kiện để thẩm tra, xác minh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Nếu chứng cứ, tài liệu bị hại xuất trình là hợp pháp, đủ căn cứ để giải quyết tại phiên tòa thì KSV xem xét các căn cứ của pháp luật đề xuất Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị hại.

- KSV có thể hỏi thêm người làm chứng về những điểm mà họ khai chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.

- KSV hỏi người giám định, người định giá tài sản về những vấn đề còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn trong kết luận giám định, định giá tài sản hoặc có mâu thuẫn với những tình tiết khác của vụ án sau khi nghe họ trình bày kết luận về vấn đề được giám định, định giá tài sản, giải thích bổ sung về kết luận giám định, định giá tài sản, căn cứ để đưa ra kết luận giám định, định giá tài sản.

- KSV xem xét việc trình bày ý kiến của Điều tra viên, KSV, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thụ lý, giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng khác để làm rõ những quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

- Trường hợp trong quá trình xét hỏi, người tham gia tố tụng hỏi lại KSV thì KSV cần giải thích rõ cho người tham gia tố tụng biết về nhiệm vụ, quyền hạn của KSV tại phiên tòa; nhiệm vụ, quyền hạn của KSV trong từng giai đoạn xét hỏi, tranh luận (KSV chỉ thực hiện việc tranh luận, đối đáp với luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong giai đoạn tranh luận) để người tham gia tố tụng hiểu rõ.

- Sau khi kết thúc việc xét hỏi, KSV có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn theo Điều 319 BLTTHS.

Tình huống:

Từ tháng 10-29/11/2016, B sử dụng xe máy đến các xã trên địa bàn huyện Đ thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản. Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong

tố tụng hình sự: tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 20.241.000 đồng. VKSND huyện Đ truy tố B về tội trộm cắp tài sản, tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo điểm b khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, qua xét hỏi xác định: B không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập khác, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mục đích lấy tiền chơi game, ăn nhậu. Trước khi phạm tội 01 tháng, B đến nhà chị gái sinh sống, việc ăn uống của B do chị gái hoặc bạn của B lo. Bị cáo dùng tiền có được từ việc trộm cắp để chơi game, ăn nhậu, không dùng tiền để làm nguồn sống chính cho bản thân nên trường hợp phạm tội của B không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Do đó, KSV luận tội bị cáo B theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

2.6.3. Đề nghị và kiểm sát việc công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố; công bố báo cáo, tài liệu của cơ quan, tổ chức

a) Đề nghị công bố lời khai và kiểm sát việc công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố

- KSV đề nghị Hội đồng xét xử công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố khi thuộc trường hợp được công bố lời khai theo khoản 2 Điều 308 BLTTHS. Trường hợp đã đề nghị nhưng Hội đồng xét xử không thực hiện thì KSV công bố lời khai.

- KSV kiểm sát việc Hội đồng xét xử công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố theo Điều 308 BLTTHS. Lưu ý kiểm sát việc Hội đồng xét xử không được công bố nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 308 và trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật theo khoản 3 Điều 308 BLTTHS. Trường hợp có vi phạm thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm.

b) Đề nghị và kiểm sát việc công bố báo cáo, tài liệu của cơ quan, tổ chức

- KSV đề nghị Hội đồng xét xử công bố báo cáo, tài liệu của cơ quan, tổ chức khi thuộc trường hợp được công bố báo cáo, tài liệu theo Điều 315 BLTTHS.

- KSV kiểm sát việc trình bày, công bố báo cáo, tài liệu của cơ quan, tổ chức tại phiên tòa theo Điều 315 BLTTHS. Trường hợp có vi phạm thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm. Lưu ý KSV có thể nhận xét, đánh giá về báo cáo, tài liệu đó và hỏi thêm người đại diện của cơ quan, tổ chức, người khác tham gia phiên tòa về những vấn đề liên quan đến báo cáo, tài liệu đó.

2.6.4. Kiểm sát việc xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ, nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh

- KSV kiểm sát việc xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ, nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình xét hỏi để chứng minh các tình tiết của vụ án.

- KSV kiểm sát các trường hợp xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ, nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo các điều 312, 313 và 314 BLTTHS.

- KSV tham gia xem xét tại chỗ vật chứng không thể đưa đến phiên tòa; nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; xem xét tại chỗ nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án theo các điều 312, 313 và 314 BLTTHS.

- KSV có thể trình bày nhận xét của mình về vật chứng, về nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án theo Điều 312 và Điều 314 BLTTHS.

- KSV có thể hỏi thêm người tham gia phiên tòa về những vấn đề có liên quan đến vật chứng theo Điều 312 BLTTHS.

- KSV kiểm sát việc lập biên bản theo Điều 312 và Điều 314 BLTTHS.

Tình huống về xem xét vật chứng:

Ngày 12/8/2017, tại nhà của mình, N đã có hành vi dùng thanh sào tre đầu có gắn thanh kim loại đâm vào mắt trái ông C làm tổn hại 33% sức khỏe.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo N đã yêu cầu đưa vật chứng ra xem xét tại phiên tòa. Ông T (chồng N) sau khi xem xét vật chứng là 01 thanh kim loại kích thước 01x01x140cm một đầu được mài dẹt, khẳng định không phải là thanh kinh loại của gia đình ông, vật chứng đã bị tráo đổi. Luật sư đưa ra lập luận sau: thanh kim loại thu được là vật chứng của vụ án có kích thước 01x01x140cm, trọng lượng 1100 gam. Tuy nhiên, trong Kết luận giám định bổ sung của Viện pháp y quốc gia ghi thanh kim loại có kích thước 01x01x140cm, trọng lượng 110 gam. Do đó, Luật sư khẳng định vật chứng đưa ra xem xét tại phiên tòa không phải là vật chứng của vụ án.

KSV đối đáp như sau: vật chứng của vụ án đã được thu thập, bảo quản theo Điều 90 và Điều 105 BLTTHS. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã cho bị cáo, bị hại, người làm chứng nhận dạng vật chứng, lập biên bản về việc

nhận dạng vật chứng lưu hồ sơ vụ án. Bị cáo, người bị hại, người làm chứng đều nhận dạng thanh sắt thu giữ trên là vật chứng của vụ án. Khi trích xuất vật chứng đều có biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự. Viện pháp y quốc gia đã có văn bản đính chính kết luận giám định do lỗi soạn thảo văn bản đã đánh thiếu 1 chữ số 0 và khẳng định trọng lượng thanh kim loại là 1100 gam. Từ những phân tích trên, KSV khẳng định vật chứng được đưa ra xem xét tại phiên tòa là vật chứng của vụ án. Việc Luật sư cho rằng vật chứng bị trao đổi là không có căn cứ.

Tình huống về xem xét tại chỗ:

Ngày 17/4/2018, L đến bệnh viện A để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến trước cửa buồng bệnh số 1 khoa Nội nhi, thấy điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime của chị N để trên giường gần cửa sổ nên L mở cửa sổ lấy điện thoại. Sau đó, L đến căn-tin bệnh viện mở điện thoại sử dụng thì bị chồng chị N và bảo vệ bệnh viện phát hiện bắt giữ giao Cơ quan điều tra. Kết luận định giá tài sản xác định điện thoại Samsung Galaxy J7 Prime trị giá 3.678.000 đồng.

Quá trình điều tra, L khai nhận hành vi. Tại phiên tòa, L khai nhận thêm: trước lần phạm tội này khoảng 2 tuần, L còn thực hiện hành vi lấy trộm 01 điện thoại di động và 10 USD tại giường bệnh số 10 khoa Nội nhi bệnh viện A. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đề nghị KSV xét hỏi.

KSV xét hỏi bị cáo làm rõ những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa. Lời khai của bị cáo không thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để xem xét tại chỗ. Sau đó, Hội đồng xét xử cùng KSV, Điều tra viên áp giải bị cáo đến bệnh viện A xem xét nơi xảy ra tội phạm, làm việc với đại diện bệnh viện A, những người nuôi bệnh nhân tại khoa Nội nhi và bảo vệ bệnh viện; đồng thời, thu thập số theo dõi trình báo mất trộm tại khoa do bảo vệ lập. Qua đó, xác định, khoảng 2 tuần trước, không có sự việc mất trộm nào xảy ra nên KSV đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa và giữ nguyên cáo trạng đã truy tố.

2.6.5. Kiểm sát việc kết thúc xét hỏi

KSV kiểm sát việc kết thúc xét hỏi của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa theo Điều 318 BLTTHS như sau:

- Kiểm sát Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã hỏi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng về việc có yêu cầu xét hỏi thêm vấn đề gì nữa không.
- Kiểm sát việc giải quyết yêu cầu xét hỏi thêm của người tham gia tố tụng.

Trường hợp yêu cầu xét hỏi thêm là cần thiết mà Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không thực hiện thì KSV đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tiếp tục việc xét hỏi.

2.6.6. Rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa

- Sau khi kết thúc việc xét hỏi, KSV có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn.

- Trường hợp việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa là có căn cứ nhưng làm thay đổi quyết định truy tố hoặc đường lối xử lý đã được lãnh đạo Viện cho ý kiến thì KSV quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sau phiên tòa, KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

- Trường hợp KSV rút toàn bộ quyết định truy tố nhưng Hội đồng xét xử thấy việc rút quyết định truy tố không có căn cứ nên quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị Viện trưởng VKS cùng cấp hoặc Viện trưởng VKS cấp trên trực tiếp thì KSV phải kiểm sát ngay quyết định tạm đình chỉ vụ án, báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo VKS cùng cấp hoặc lãnh đạo VKS cấp trên trực tiếp nêu rõ lý do, căn cứ rút toàn bộ quyết định truy tố.

- KSV ghi chép đầy đủ ý kiến trình bày của những người tham gia phiên tòa về việc VKS rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa, kiểm sát biên bản phiên tòa về việc ghi nội dung VKS rút quyết định truy tố, kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa.

- Lưu ý: trường hợp có đủ căn cứ để kết luận về một tội danh khác nặng hơn thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ vụ án cho VKS để xem xét và báo cáo lãnh đạo Viện quyết định.

2.6.7. Luận tội

- KSV luận tội sau khi kết thúc việc xét hỏi.

- KSV luận tội theo các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 321 BLTTHS, Mẫu số 13/XS ban hành kèm theo Quy chế số 505 đã được dự thảo trước khi tham gia phiên tòa và điều chỉnh theo diễn biến tại phiên tòa.

Lưu ý: KSV không được phát biểu ý nguyên bản dự thảo luận tội khi diễn biến tại phiên tòa thay đổi.

Ví dụ: trong quá trình điều tra, truy tố, bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cáo trạng của VKS đã áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị can. Dự thảo luận tội theo hướng cho bị can áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi lời khai, quanh co, chối

tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, KSV không chính sửa dự thảo luận tội mà vẫn luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với bị cáo. Điều này đã dẫn đến việc Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của VKS.

- Sau phiên tòa, KSV phải báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện nếu luận tội khác với ý kiến của lãnh đạo Viện đã duyệt trước đó.

2.6.8. Tranh luận tại phiên tòa

- KSV bắt buộc phải tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quan điểm buộc tội, bảo vệ cáo trạng của VKS.

- KSV phải đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

- KSV nghe, ghi chép đầy đủ ý kiến của những người tham gia tố tụng; yêu cầu những người này nói rõ thêm nếu họ trình bày chưa rõ. Nếu những người tham gia tố tụng có cùng ý kiến về một nội dung thì KSV tổng hợp lại để đối đáp chung cho các ý kiến đó.

Trong quá trình nghe, ghi chép ý kiến, KSV nhanh chóng xác định nội dung cần đối đáp; trong đó lưu ý, những nội dung, vấn đề mà các bên đưa ra phải là những nội dung liên quan đến vụ án và phải có trong hồ sơ hoặc đã được kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa. Trường hợp tài liệu mới phát sinh thì cũng phải là tài liệu có liên quan đến vụ án và phải kiểm tra nguồn gốc, tính hợp pháp của tài liệu đó để có lập luận đối đáp, kết luận chấp nhận hay bác bỏ.

KSV chú ý những mâu thuẫn trong tranh luận của người bào chữa và giữa những người bào chữa với nhau, giữa người bào chữa với người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại, đương sự để đối đáp, phản bác lại.

- KSV đi thẳng vào trọng tâm, nội dung của vấn đề cần tranh luận, đối đáp, tránh dài dòng.

Nếu đã tranh luận một phần thì KSV tranh luận bổ sung cho đầy đủ, không lặp lại những nội dung đã tranh luận trước.

- KSV phải bình tĩnh, khách quan, linh hoạt, sử dụng văn phong, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, ngắn gọn và tôn trọng ý kiến của những người tham gia tố tụng, ghi nhận ý kiến đúng đắn và bác bỏ những ý kiến, đề nghị không có căn cứ pháp luật, không được né tránh những vấn đề khó, phức tạp.

Những khẳng định, phản bác phải có căn cứ, có tính thuyết phục cao trên cơ sở tôn trọng sự thật khách quan của vụ án. Việc đề nghị hình phạt, bồi thường

thiệt hại dân sự, xử lý vật chứng phải có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức xã hội.

- Phối hợp chặt chẽ với các KSV khác trong trường hợp có nhiều KSV tham gia phiên tòa theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

- KSV đề nghị Hội đồng xét xử trở lại phân xét hỏi và có thể đề nghị hoãn phiên tòa để tiến hành điều tra, xác minh nếu quá trình tranh luận phát hiện những tình tiết mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án hoặc thay đổi quan điểm, đường lối xử lý vụ án mà không thể làm rõ, kết luận được khi tranh luận.

- KSV lưu ý một số trường hợp sau:

+ Bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội theo cáo trạng của VKS, luận tội của KSV:

KSV phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, đánh giá hành vi của bị cáo, động cơ, mục đích, hậu quả thiệt hại đã gây ra, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; viện dẫn các bút lục có các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử để khẳng định hành vi của bị cáo là hành vi phạm tội được quy định trong BLHS mà VKS đã truy tố là đúng; những lý do mà bị cáo, người bào chữa đưa ra như chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, mất năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự hoặc những tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự khác... là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật hình sự.

Tình huống:

Ngày 29/6/2016, T đang trồng cỏ trên bờ kênh ven đường giáp ranh với đầu ruộng của T thì K đến ngăn cản do việc trồng cỏ gây khó khăn cho K đặt máy bơm nước nhưng T không đồng ý nên K khom người nhỏ bỏ cỏ T đang trồng. Lúc này, T đang cầm lưỡi liềm trên tay liền xông vào tấn công K. K lùi lại, nhặt được cành cây tại đó, quơ lại trúng vào mặt T liền bị T tấn công và dùng lưỡi liềm chém liên tục vào K, khiến cành cây K đưa lên đỡ bị rơi xuống, nên K đưa tay lên đỡ và bị trúng tay và trúng mặt gây thương tích. Khi thấy mặt K chảy nhiều máu, T mới dừng lại không chém tiếp.

VKS truy tố T về tội cố ý gây thương tích.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, T cho rằng, việc bị cáo dùng lưỡi liềm chém gây thương tích cho bị hại là thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng bởi: K là người chủ động mang theo dao đến phần đất đang trồng cỏ trên bờ kênh ven đường giáp ranh với đầu ruộng của T để gây sự trước mà đây là phần

đất thuộc quyền sử dụng của T. K là người gây chuyện trước vì đã nhờ bỏ cỏ mà T đang trông, đồng thời cũng là người dùng dao chém T, sau khi T đỡ làm con dao rơi trúng chân bị cáo và rơi xuống kênh thì K tiếp tục nhặt cành cây to bằng cổ tay đánh trúng vào mặt T gây thương tích nên sẵn có lưỡi liềm trong tay, T quơ lại K để chạy thoát thân vì phía sau lưng T là con kênh nước sâu và chảy siết. Chính vì thế, hành động đáp trả lại của bị cáo là cần thiết để bảo vệ tính mạng, sức khỏe bản thân và thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng nên bị cáo không phạm tội cố ý gây thương tích như nội dung cáo trạng cũng như luận tội của KSV đã quy kết.

KSV đối đáp bằng các căn cứ sau:

(1) KSV viện dẫn lời khai của 02 người làm chứng V và S khẳng định rằng, thời điểm K đến nơi bị cáo trông cỏ không có mang theo dao như lời khai của bị cáo (S khẳng định nhìn thấy K đi ngang qua nhà S trong tư thế bình thường và khi đi 2 tay thả lỏng tự nhiên; V khai khi chạy xe ngang nơi T trông cỏ thì thấy K đứng nói chuyện với T có động tác quơ tay và không nhìn thấy K cầm con dao nào).

(2) Kết luận giám định của Viện pháp y quốc gia “vết thương phần mềm cẳng chân trái do vật sắc gây ra. Trong 3 loại (dao, cây, lưỡi liềm) thì cái liềm có thể gây ra vết thương ở cẳng chân trái là phù hợp hơn” để khẳng định bị hại không mang theo dao khi đến hiện trường và thương tích trên cẳng chân của bị cáo không phải do dao gây ra.

(3) Lời khai, biên bản đối chất của bị cáo T trong quá trình điều tra đã khai nhận rằng thời điểm bị cáo dùng lưỡi liềm tấn công bị hại K thì bị cáo đã chém làm rơi cành cây trên tay bị hại và thời điểm này thì về tương quan hung khí thì hung khí của bị cáo là cái lưỡi liềm sắc bén, nguy hiểm hơn; bị cáo chỉ dùng khi thấy trên mặt bị hại có nhiều máu.

(4) Biên bản truy tìm vật chứng có bị cáo, bị hại tham gia để xác định mức nước tại con kênh vào thời điểm xảy ra vụ việc và sau khi sự việc xảy ra là không quá 01m nên không có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng của bị cáo trong trường hợp bị cáo bị rơi xuống kênh và hiện trường vụ án là trên trục đường giao thông không phải không có lối thoát để bị cáo phải chống trả tìm đường thoát thân như lời khai của bị cáo.

Từ những căn cứ trên, KSV bác bỏ quan điểm của bị cáo cho rằng hành vi gây thương tích của mình thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng mà là cố ý gây thương tích.

+ Bị cáo, người bào chữa thừa nhận hành vi phạm tội nhưng là tội khác nhe

hơn so với tội mà VKS truy tố, kết luận, trên cơ sở đó đề nghị thay đổi tội danh; bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không đồng ý với tội danh mà VKS đã truy tố, kết luận, cho rằng bị cáo phạm vào tội khác nặng hơn, trên cơ sở đó đề nghị thay đổi tội danh:

KSV phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, đánh giá hành vi khách quan của bị cáo, hậu quả thiệt hại, động cơ, mục đích phạm tội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, viện dẫn các chứng cứ, có bút lục kèm theo và khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm vào tội mà VKS đã truy tố là đúng; việc thay đổi tội danh theo yêu cầu của bị cáo, người bào chữa, bị hại hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật hình sự.

+ Bị cáo thừa nhận bị cáo phạm tội theo đúng điều luật mà VKS đã truy tố nhưng phạm vào khoản khác nhẹ hơn so với khoản VKS đã truy tố:

KSV phân tích các dấu hiệu của tội phạm, hành vi của bị cáo, mức độ thiệt hại, các tình tiết tăng nặng định khung như: phạm tội có tính chất côn đồ, có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm hay dùng hung khí nguy hiểm... cũng như vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn BLHS như nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao... để khẳng định điều khoản mà vks đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

+ Bị cáo thừa nhận bị cáo phạm tội theo đúng tội danh, điều khoản của VKS đã truy tố nhưng quá trình điều tra, truy tố, xét xử có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung:

KSV tranh luận, phân tích những quy định của pháp luật để xác định hay bác bỏ về vi phạm thủ tục tố tụng. Nếu có vi phạm thì KSV tranh luận, chỉ rõ mức độ, tính chất vi phạm có phải là căn cứ trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung hay có thể khắc phục được tại phiên tòa. Trên cơ sở đánh giá, nhận xét đó, KSV thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Trường hợp bị cáo cho rằng quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên đã có những hành vi vi phạm như: mớm cung, bức cung thì KSV có thể đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập Điều tra viên đến phiên tòa để làm rõ. Trường hợp xác định có vi phạm tố tụng, KSV phải xem xét, đánh giá kỹ lưỡng từng dạng vi phạm, nếu vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án thì KSV phát biểu quan điểm không đồng ý với yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đề xuất biện pháp khắc phục vi phạm; trường hợp có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà xét thấy cần phải điều tra, làm rõ, bảo đảm tính khách

quan của vụ án, thuộc các trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì KSV phải đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

+ Bị cáo, người bào chữa không đồng ý với các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị loại bỏ tình tiết tăng nặng hoặc thêm tình tiết giảm nhẹ nhưng người bị hại hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự lại cho rằng cần thêm tình tiết tăng nặng và loại bỏ tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo:

KSV phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, hành vi vi phạm của bị hại, các tình tiết khác có liên quan, viện dẫn các quy định của pháp luật hình sự để xác định, khẳng định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà VKS áp dụng là có căn cứ; những lý do, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà các bên đưa ra là không có căn cứ, không phù hợp với nội dung vụ án.

Đối với những tình tiết khác theo khoản 2 Điều 51 BLHS mà bị cáo hoặc người bào chữa đề nghị áp dụng làm tình tiết giảm nhẹ thì KSV xác định tính chính xác, tùy từng trường hợp cụ thể, có thể chấp nhận hoặc có thể bác bỏ, không chấp nhận.

+ Bị cáo, người bào chữa không đồng ý với loại và mức hình phạt mà KSV đề nghị nhưng bị hại hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự lại cho rằng loại và mức hình phạt như vậy là quá nhẹ đối với bị cáo, cần tăng hình phạt:

KSV phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội căn cứ vào khách thể bị xâm hại, đối tượng tác động, phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi, hình thức và mức độ lỗi, mức độ thiệt hại đã gây ra, các biện pháp và khả năng khắc phục thiệt hại, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, so sánh với mức hình phạt của điều luật áp dụng để kết luận, khẳng định loại và mức hình phạt mà KSV đề nghị là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Bị cáo, người bào chữa không đồng ý với mức bồi thường thiệt hại hoặc biện pháp xử lý vật chứng do KSV đề nghị nhưng bị hại hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự lại cho rằng mức bồi thường thiệt hại hoặc biện pháp xử lý vật chứng mà VKS đề nghị là không hợp lý, quá ít, cần phải tăng mức bồi thường, tịch thu vật chứng...:

KSV phân tích các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật dân sự về bồi thường thiệt hại dân sự trong vụ án hình sự, về xử lý vật chứng để khẳng định mức bồi thường thiệt hại hoặc biện pháp xử lý vật chứng mà Viện VKS đưa ra là

hợp lý, có căn cứ và đúng pháp luật.

+ Bị cáo, người bào chữa, bị hại cho rằng trong vụ án còn có người phạm tội khác, tội phạm khác chưa bị đưa ra xét xử:

KSV phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, đánh giá các hành vi phạm tội, động cơ, mục đích, hậu quả thiệt hại đã gây ra, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; viện dẫn các bút lục có các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử để khẳng định các hành vi và người thực hiện hành vi phạm tội đều đã được đưa ra xét xử.

+ Bị cáo, người bào chữa cho rằng VKS, Tòa án dựa vào bản kết luận điều tra để truy tố, xét xử là không đúng quy định của pháp luật:

KSV cần phân tích theo hướng: đối với bản kết luận điều tra hoặc những quyết định tố tụng khác là quyền quyết định cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở giai đoạn tố tụng trước đó trên cơ sở kết quả điều tra, chứng cứ thu thập được. Còn tại phiên tòa, việc xét xử được thực hiện trên cơ sở xét hỏi, tranh luận công khai căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu, đồ vật có trong hồ sơ vụ án và quyền quyết định thuộc về Hội đồng xét xử.

Tình huống:

Trong khi giải quyết nợ tiền về việc mua bán trang Website cá độ bóng đá, H đã có hành vi dùng búa, dao và tay, chân đánh anh L nhằm mục đích bắt anh L đưa 20 triệu đồng cho H. Cơ quan điều tra kết luận H, VKS truy tố H về tội cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015.

Luật sư có ý kiến: trong Kết luận điều tra bổ sung phần quan điểm của Cơ quan điều tra cho rằng bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội bắt giữ người trái pháp luật, không đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản nhưng phần áp dụng lại áp dụng tội cướp tài sản. Đây là bản kết luận điều tra tiền hậu bất nhất. Cơ quan tố tụng lại dựa vào bản kết luận điều tra này để truy tố, xét xử là không đúng quy định của pháp luật.

Tranh luận của KSV: *Cơ quan điều tra đã ban hành quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can và được VKS phê chuẩn. Trong Kết luận điều tra bổ sung đã đề nghị VKS truy tố bị cáo về tội cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015. Qua điều tra công khai tại phiên tòa, cho thấy hành vi của H có đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản. Kết luận điều tra bổ sung phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những điều trên cho thấy kết luận điều tra bổ sung, cáo trạng là đúng quy định của BLTTHS.*

2.6.9. Kiểm sát việc tranh luận

KSV kiểm sát việc tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm theo Điều 322 BLTTHS. Lưu ý bảo đảm việc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận; bảo đảm cho bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác được quyền đưa ra đề nghị của mình; bảo đảm việc Hội đồng xét xử nêu rõ lý do trong trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa. Nếu có vi phạm, KSV kịp thời đề nghị Hội đồng xét xử khắc phục.

2.6.10. Kiểm sát việc trở lại xét hỏi

Nếu qua tranh luận mà thấy còn có tình tiết vụ án chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử trở lại việc xét hỏi theo Điều 323 BLTTHS. Lưu ý trường hợp: nếu sau khi trở lại xét hỏi, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hỏi gợi ý bị cáo về một tội danh khác với tội danh mà VKS đã truy tố và đề nghị KSV tranh luận với bị cáo mặc dù phần xét hỏi, tranh luận trước đó, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đều khẳng định cáo trạng của VKS truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội thì KSV cần phát biểu và đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không được gợi ý và phải thực hiện đúng các quy định của BLTTHS.

2.6.11. Kiểm sát việc bị cáo nói lời sau cùng

- KSV kiểm sát việc bảo đảm thực hiện quyền nói lời sau cùng cho bị cáo của Hội đồng xét xử theo Điều 324 BLTTHS. Nếu Hội đồng xét xử chưa cho bị cáo nói lời sau cùng hoặc hạn chế thời gian trình bày của bị cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của BLTTHS.

- KSV chú ý lắng nghe, kịp thời đề nghị Hội đồng xét xử trở lại xét hỏi nếu trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày thêm những tình tiết có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án mà chưa được làm sáng tỏ.

2.7. Kiểm sát việc nghị án và tuyên án

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 326 và Điều 327);

- Quy chế số 505 (Điều 28).

*** Nội dung công việc**

- KSV kiểm sát thành phần, địa điểm, thời gian, kết quả nghị án, biên bản nghị án theo Điều 326 BLTTHS; nếu có vi phạm thì đề nghị Hội đồng xét xử khắc phục.

Ví dụ vi phạm của Tòa án trong việc nghị án:

>>> Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm 02 Thẩm phán và 03 Hội thẩm nhân dân. Tuy nhiên, tại biên bản nghị án, thể hiện Hội đồng xét xử đã thảo luận và biểu quyết 04 lần và cả 04 lần đều chỉ có 03/03 người biểu quyết và khi kết thúc phần nghị án thì cả 05 người trong Hội đồng xét xử cùng ký tên; sau khi ký tên, chỉ có 02 Thẩm phán ghi đầy đủ họ tên, còn 03 Hội thẩm nhân dân không ghi họ tên.

>>> Khi thảo luận về phần bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử không thảo luận từng phần bồi thường cụ thể mà chỉ tính tổng cộng số tiền phải bồi thường.

- KSV phối hợp với Tòa án để tuyên án đúng thời gian, địa điểm đã thông báo trong trường hợp kéo dài thời gian nghị án.

- KSV kịp thời đề nghị Hội đồng xét xử trở lại việc xét hỏi, tranh luận nếu có tình tiết vụ án chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ.

- KSV phải ghi lại những nhận định quan trọng và nội dung quyết định của bản án khi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử đọc bản án để kiểm tra biên bản phiên tòa, bản án và chuẩn bị nội dung báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị, kháng nghị nếu cần thiết.

2.8. Kiểm sát việc trả tự do cho bị cáo, bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 328 và Điều 329);

- Quy chế số 505 (Điều 22).

**** Nội dung công việc***

- KSV phải kiểm sát việc Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo hoặc bắt tạm giam bị cáo ngay sau khi tuyên án theo đúng đối tượng, căn cứ, thời hạn được quy định tại Điều 328 và Điều 329 BLTTHS.

- Lưu ý: thời hạn tạm giam bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án, nếu thời hạn phạt tù còn lại nhỏ hơn 45 ngày thì thời hạn tạm giam là thời hạn của hình phạt tù còn lại và phải có quyết định tạm giam, trừ trường hợp bị cáo bị xử phạt tử hình thì thời hạn tạm giam được ghi trong bản án.

2.9. Kiểm sát biên bản phiên tòa, biên bản nghị án

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 258 và Điều 259);

- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 22-HS và Mẫu số 25-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 29).

*** Nội dung công việc**

- Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, KSV kiểm sát biên bản phiên tòa về nội dung, hình thức theo Điều 258 BLTTHS và tùy từng trường hợp KSV xử lý như sau:

+ Nếu biên bản phiên tòa không bảo đảm nội dung, hình thức theo quy định của pháp luật; không đúng, không phù hợp, không đầy đủ so với những ghi chép của KSV và diễn biến tại phiên tòa thì KSV yêu cầu Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án sửa đổi, bổ sung.

+ Nếu biên bản phiên tòa chưa có phần bị cáo được nói lời sau cùng thì KSV kịp thời đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án bổ sung.

+ KSV yêu cầu Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ghi vào biên bản phiên tòa lý do không chấp nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung biên bản phiên tòa của mình và của bị cáo, người bào chữa, bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự hoặc đại diện của những người này.

- KSV kiểm sát biên bản nghị án theo Điều 259 BLTTHS; kiểm tra sự thống nhất, phù hợp giữa biên bản nghị án với biên bản phiên tòa (vì trong một số trường hợp thành phần Hội đồng xét xử trong biên bản nghị án khác với trong biên bản phiên tòa, mặc dù không thay đổi thành viên Hội đồng xét xử); trường hợp có vi phạm thì kịp thời đề nghị Hội đồng xét xử khắc phục. Nếu Hội đồng xét xử không khắc phục thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm. Ví dụ một số vi phạm trong biên bản nghị án như: không ghi giờ nghị án; Hội thẩm nhân dân chỉ ký tên mà không ghi đầy đủ họ tên; không ghi số người biểu quyết mà chỉ ghi số % tham gia biểu quyết; không nêu căn cứ điều luật để áp dụng đối với phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, án phí; không tách riêng phần áp dụng hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt cho từng bị cáo mà lại ghi chung; Hội đồng xét xử không biểu quyết theo đa số về từng vấn đề...

3. Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp sau khi kết thúc phiên tòa

3.1. Kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (các điều 260, 261, 267, 286 và 299);

- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 27-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 30).

*** Nội dung công việc**

- KSV kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án bằng phiếu kiểm sát. Lưu ý: KSV phải ký vào phiếu kiểm sát bản án; đồng thời phải có phần dành cho VKS cấp phúc thẩm.

- KSV kiểm sát thẩm quyền, nội dung, hình thức bản án, quyết định của Tòa án theo Điều 260 và Điều 261 BLTTHS; lưu ý kiểm tra việc trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam cho bị cáo khi Tòa án tổng hợp hình phạt trong bản án. Trường hợp Tòa án ra bản án, quyết định không có căn cứ, không đúng pháp luật thì KSV báo cáo lãnh đạo Viện xem xét, quyết định việc kháng nghị; đối với những sai sót về hình thức của bản án, quyết định, KSV có thể đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa khắc phục hoặc báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục, sửa chữa kịp thời. KSV lưu ý đối chiếu kỹ giữa bản án gốc với bản án được sửa chữa, bổ sung, bảo đảm việc sửa chữa, bổ sung bản án theo đúng Điều 261 BLTTHS.

Ví dụ vi phạm của Tòa án về hình thức của bản án: Hội đồng xét xử ngoài 02 Thẩm phán còn có 03 Hội thẩm nhân dân nhưng bản án chỉ ghi họ tên mà không ghi nghề nghiệp, nơi công tác của các Hội thẩm nhân dân.

Tình huống vi phạm về sửa chữa, bổ sung bản án:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 tuyên 07 bị cáo: A, B, C, D, Đ, E, G phạm tội đánh bạc nhưng chỉ tuyên hình phạt đối với 06 bị cáo là A, B, C, D, Đ, E với hình phạt chính là cải tạo không giam giữ, không tuyên hình phạt chính đối với bị cáo G.

Ngày 17/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Y ban hành Thông báo số 02/2018/TB-TA về sửa chữa, bổ sung Bản án: “Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y do nhầm lẫn cần được sửa chữa, bổ sung như sau: 1. Xử phạt 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: Xử phạt bị cáo G 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ”.

Việc thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm về hình phạt chính là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự theo Điều 261 BLTTHS.

- KSV đôn đốc Tòa án giao bản án, quyết định đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng theo Điều 262 và Điều 286 BLTTHS. Trường hợp phát hiện vi phạm thì kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ban hành kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm, yêu cầu Tòa án thực hiện đúng theo quy định của BLTTHS.

- KSV sao gửi bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho VKS cấp trên để kiểm sát, xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Việc sao gửi được thực hiện theo khoản 2 Điều 30 Quy chế số 505.

- KSV kiểm tra sự thống nhất, phù hợp giữa bản án với biên bản phiên tòa và biên bản nghị án; chẳng hạn: bản án tuyên những vấn đề không được nghị án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

3.2. Xem xét đề xuất việc kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 266, 267, 330, 336 và 337);

- Quy chế số 505 (Điều 32 và Mẫu số 15/XP).

**** Nội dung công việc***

- Khi có căn cứ theo Điều 32 Quy chế số 505, KSV báo cáo ngay với lãnh đạo VKS cấp mình để xem xét việc kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; trường hợp đã quá thời hạn kháng nghị theo Điều 337 BLTTHS thì báo cáo lãnh đạo VKS cấp mình đề nghị Viện trưởng VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Bản báo cáo cần có những nội dung sau:

(1) Tóm tắt nội dung vụ án và các quyết định của bản án hoặc quyết định sơ thẩm;

(2) Phân tích các vi phạm pháp luật của bản án hoặc quyết định sơ thẩm;

(3) Nêu rõ điểm nào của bản án hoặc quyết định sơ thẩm có vi phạm và vi phạm như thế nào, căn cứ pháp luật cụ thể để xác định vi phạm...

- KSV dự thảo quyết định kháng nghị phúc thẩm, bảo đảm các nội dung, hình thức theo Điều 336 BLTTHS, Mẫu số 15/XP ban hành kèm theo Quy chế số 505. Lưu ý từ ngữ trong bản kháng nghị phải chính xác, lập luận chặt chẽ, đảm bảo sức thuyết phục của bản kháng nghị.

- KSV phối hợp chặt chẽ với VKS cấp phúc thẩm trong việc xem xét đề xuất kháng nghị, nêu rõ quan điểm của VKS cấp sơ thẩm để VKS cấp phúc thẩm biết.

3.3. Theo dõi kết quả xét xử phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm, tái thẩm

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*
Quy chế số 505 (Điều 34).

** Nội dung công việc*

- KSV theo dõi kết quả xét xử phúc thẩm nếu bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị; báo cáo lãnh đạo Viện xem xét việc đề nghị VKS cấp trên xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm nếu không nhất trí với bản án, quyết định phúc thẩm.

- KSV theo dõi kết quả xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm nếu bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

4. Một số lưu ý khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án do VKS cấp trên thực hành quyền công tố, kiểm sát khởi tố, điều tra, truy tố, sau đó phân công cho VKS cấp dưới

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (Điều 239);
- Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP;
- Quy chế số 314;
- Quy chế số 505 (Điều 20 và Điều 21).

** Nội dung công việc*

- KSV thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, trách nhiệm theo quy định của BLTTHS, Quy chế số 314 và Quy chế số 505.

- KSV của VKS cấp dưới chịu trách nhiệm xây dựng đề cương xét hỏi; dự thảo luận tội, đề cương tranh luận, dự kiến các tình huống phát sinh tại phiên tòa và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án.

KSV của VKS cấp trên được biệt phái phối hợp với KSV của VKS cấp dưới hoàn thiện các tài liệu nêu trên, báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện về tài liệu chuẩn bị đã thống nhất để cho ý kiến chỉ đạo.

- KSV của VKS hai cấp nếu có quan điểm khác nhau thì cùng báo cáo lãnh đạo VKS cấp dưới và lãnh đạo đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra để xin ý kiến chỉ đạo giải quyết kịp thời; trường hợp giữa lãnh đạo hai đơn vị không thống nhất được quan điểm giải quyết thì báo cáo lãnh đạo VKS cấp trên chỉ đạo giải quyết.

- KSV của VKS cấp dưới nếu thấy có vướng mắc; phát hiện có căn cứ để trả hồ sơ điều tra bổ sung; đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can; tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ bị can hoặc truy tố bị can về tội danh khác thì báo cáo lãnh đạo VKS cấp mình để trao đổi, thống nhất với lãnh đạo đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra để giải quyết; trường hợp giữa lãnh đạo hai đơn vị không thống nhất được quan điểm giải quyết thì báo cáo lãnh đạo VKS cấp trên xem xét, quyết định.

- KSV của VKS cấp trên được biệt phái và KSV của VKS cấp dưới phối hợp với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa để giải quyết các khó khăn, vướng mắc, yêu cầu (nếu có); kiểm sát chặt chẽ thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian mở phiên tòa, việc giao, gửi các quyết định của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật.

- KSV của VKS cấp dưới phối hợp với KSV của đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra kiểm tra, đánh giá căn cứ, nội dung của quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án và xử lý theo Điều 10 Quy chế số 314; phối hợp trong quá trình Cơ quan điều tra tiến hành điều tra bổ sung để giải quyết vụ án theo Điều 6 Quy chế số 314.

KSV của VKS cấp dưới phải kiểm sát chặt chẽ việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế của Tòa án; kịp thời đề xuất với lãnh đạo VKS cấp dưới ra lệnh tạm giam bị can nếu đã hết thời hạn tạm giam và cần thiết phải tiếp tục tạm giam bị can.

- KSV đề nghị hoãn phiên tòa và báo cáo lãnh đạo VKS cấp mình để báo cáo Viện trưởng VKS cấp trên xem xét, quyết định nếu tại phiên tòa xét xử có những tình tiết khác với nội dung truy tố của VKS cấp trên; nếu Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử thì KSV tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án; sau phiên tòa, phải báo cáo ngay với lãnh đạo VKS cấp mình để báo cáo Viện trưởng VKS cấp trên xem xét, quyết định.

CHƯƠNG III

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT XÉT XỬ PHỨC THẨM HÌNH SỰ

1. VKS kháng nghị; kiểm sát việc tiếp nhận và xử lý kháng cáo; nghiên cứu kháng nghị

1.1. VKS kháng nghị

* *Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (các điều 336, 337 và 338);
- Quy chế số 505 (các điều 36, 37, 38 và Mẫu số 15/XP);
- Hướng dẫn số 32.

* *Nội dung công việc*

- Căn cứ kháng nghị: quy định tại khoản 1 Điều 37 Quy chế số 505.

Tình huống về căn cứ kháng nghị “có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng”:

Bà A trú tại thành phố M, tỉnh T giới thiệu bà B ký hợp đồng mua đất diện tích 2.928,8m² của ông N với giá 1,2 tỷ đồng, điều kiện thể hiện trong hợp đồng sau 02 tháng bà B mới có quyền thực hiện thủ tục sang tên chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên và bà B được giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, A đã tự ý phân lô diện tích đất trên của bà B và bán, làm thủ tục sang tên cho 22 người khác để thu tiền hưởng lợi.

Không chỉ thế thông qua hình thức kinh doanh trái phép này, bà A còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, trong đó 02 nhóm bị hại chính là những người chủ có diện tích đất cần bán và người mua đất được phân lô bán lại. Thủ đoạn của bà A thể hiện qua 03 hình thức sau: cùng một diện đất nhưng bà A vừa thế chấp vay vốn vừa phân lô bán lại cho người khác, cùng một lô đất nhưng bị cáo lập hợp đồng chuyển nhượng cho nhiều người, hoặc sau khi đã nhận tiền của những người mua đất được phân lô nhưng bà A không thanh toán cho chủ đất với mục đích chiếm đoạt.

Bằng thủ đoạn nêu trên, từ năm 2010-2011 bà A chiếm đoạt tài sản của của 51 người với tổng số tiền là 5.227.550.000đ, để tiêu xài cá nhân sau.

Ngày 28/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh T đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và tuyên bị cáo A mức án tù chung thân về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều

139 BLHS. Phân xử lý vật chứng thì tuyên trả lại cho bà B một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc (sổ đỏ) do ông N và 02 bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bản chính gốc) từ N và L chuyển nhượng cho bà B, có kèm theo lời chứng thực (bản chính) của Ủy ban nhân dân xã chứng thực.

Vi phạm nghiêm trọng của bản án sơ thẩm: Tòa án nhân dân tỉnh T không đưa bà B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, trong phần thủ tục KSV tham gia phiên tòa đề nghị đưa bà B vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nhưng trong bản án phân xử lý vật chứng thì tuyên trả lại cho bà B. Do vậy, Viện trưởng VKSND tỉnh T đã ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh T; đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, trong đó có phần nội dung liên quan đến việc tuyên xử lý vật chứng đối với bà B.

Lưu ý một số vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm thường bị cấp phúc thẩm hủy án để điều tra lại hoặc xét xử lại:

+ Có vi phạm tố tụng: lập bản vẽ sơ đồ hiện trường vụ án không chính xác; vi phạm trong việc khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường mâu thuẫn với lời khai bị cáo, nhân chứng, không có KSV tham gia; tổng đạt giấy triệu tập những người tham gia tố tụng không đúng quy định (chậm so với thời hạn luật định ít nhất là 10 ngày trước khi đưa vụ án ra xét xử); biên bản phiên tòa sơ thẩm bị chỉnh sửa (gạch, xoá) không có xác nhận hợp lệ; thành phần Hội đồng xét xử không đúng với quy định; bị can, bị cáo không có người bào chữa (trong trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa)...

+ Vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thiếu chính xác, không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật; việc định tội hành vi vi phạm pháp luật thiếu chính xác...

+ Cấp sơ thẩm điều tra vụ án chưa đầy đủ, bỏ lọt người phạm tội và tội phạm.

+ Không tổng hợp hình phạt trong trường hợp bị cáo có nhiều bản án chưa thi hành.

+ Xác định sai hoặc không đầy đủ tư cách tố tụng của những người tham gia tố tụng.

+ Cùng một hành vi phạm tội nhưng cấp sơ thẩm lại xử lý về nhiều tội.

+ Xác định lại tuổi của bị cáo, chủ yếu do bị cáo không có giấy khai sinh hoặc giấy tờ có liên quan khác để chứng minh, trong khi đó tài liệu điều tra thể

hiện độ tuổi của bị cáo không thống nhất.

- Thẩm quyền kháng nghị: quy định tại khoản 1 Điều 336 BLTTHS và Điều 36 Quy chế số 505.

- Thời hạn kháng nghị: quy định tại Điều 337 BLTTHS và khoản 2 Điều 37 Quy chế số 505.

Trường hợp KSV của VKS cấp dưới phát hiện có căn cứ kháng nghị khi quá thời hạn kháng nghị của VKS cùng cấp (15 ngày) nhưng còn thời hạn kháng nghị của VKS cấp trên thì KSV báo cáo đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để có văn bản đề nghị Viện trưởng VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc xem xét kháng nghị (có thể kèm theo hồ sơ kiểm sát). Khi nhận được đề nghị của VKS cấp dưới, KSV của VKS cấp trên được phân công phải nghiên cứu để báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét việc kháng nghị. Trường hợp Viện trưởng VKS cấp trên không kháng nghị thì thông báo lại bằng văn bản cho VKS cấp dưới và nêu rõ lý do.

Trường hợp KSV của VKS cấp dưới phát hiện có căn cứ kháng nghị nhưng đã quá thời hạn kháng nghị của VKS cấp trên (30 ngày) (bản án đã có hiệu lực pháp luật) thì KSV báo cáo đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để có văn bản đề nghị Viện trưởng VKS có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc xem xét kháng nghị (có thể kèm theo hồ sơ kiểm sát). VKS cấp dưới có văn bản thông báo cho VKS cấp phúc thẩm trước khi có văn bản đề nghị Viện trưởng VKS có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm chậm giao bản án cho VKS cùng cấp, KSV qua diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thấy có căn cứ kháng nghị phúc thẩm thì báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện: **(1)** kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm; **(2)** đề xuất kháng nghị trong trường hợp còn thời hạn kháng nghị; **(3)** báo cáo VKS cấp trên để có phương án giải quyết trong trường hợp hết thời hạn kháng nghị. Lưu ý: trường hợp Tòa án sơ thẩm xét xử tuyên bị cáo không phạm tội thì KSV phải nghiên cứu để có quan điểm xử lý ngay; nếu thấy việc Tòa án tuyên không phạm tội không có căn cứ hoặc trái pháp luật thì báo cáo đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kháng nghị (còn thời hạn kháng nghị của VKS cấp sơ thẩm) hoặc báo cáo đề xuất kháng nghị (trong thời hạn kháng nghị của VKS cấp phúc thẩm) và gửi ngay cho VKS cấp trên. Báo cáo đề xuất kháng nghị cần nêu rõ: lý lịch bị cáo; nội dung vụ án; quá trình tố tụng đối với vụ án; nhận định và quyết định của bản án tuyên bị cáo không phạm tội; nhận xét, đề xuất xử lý của VKS. Viện trưởng VKS cấp trên phải trực tiếp nghe báo cáo và cho ý kiến

chỉ đạo đối với báo cáo đề xuất kháng nghị của VKS cấp dưới trong thời hạn kháng nghị.

- Nội dung, hình thức kháng nghị: theo khoản 2 Điều 336 BLTTHS, khoản 1, khoản 2 Điều 38 Quy chế số 505 và Mẫu số 15/XP ban hành kèm theo Quy chế số 505. Việc gửi quyết định kháng nghị được thực hiện theo khoản 2 Điều 338 BLTTHS, khoản 3, khoản 4 Điều 38 Quy chế số 505.

Tình huống về một số vấn đề cần rút kinh nghiệm đối với quyết định kháng nghị:

Trong thời gian từ 2010-2011, mặc dù không có giấy phép kinh doanh bất động sản và lợi dụng sự quản lý thiếu chặt chẽ của cơ quan nhà nước, A thực hiện kinh doanh bất động sản bằng cách mua đất, rồi yêu cầu chủ đất ký hợp đồng ủy quyền cho A được tặng, cho, thế chấp quyền sử dụng đất nhưng thực chất đây là quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thông qua hình thức san lấp mặt bằng phân lô bán lại thu lợi nhuận. Thông qua hình thức kinh doanh trái phép này, A thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người gồm những người chủ có diện tích đất cần bán và người mua đất phân lô bán lại, bằng thủ đoạn: cùng 1 diện tích đất nhưng A vừa thế chấp vay vốn vừa phân lô bán lại cho người khác, cùng 1 lô đất nhưng A lập hợp đồng chuyển nhượng cho nhiều người hoặc sau khi đã nhận tiền của những người mua đất được phân lô nhưng A không thanh toán cho chủ đất với mục đích chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn nêu trên, A lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 51 người với tổng số tiền là 5.227.550.000 đồng để tiêu xài cá nhân, sau đó bỏ trốn.

Ngoài A, vụ án còn có các bị cáo khác: T (em ruột của A) là người trực tiếp tìm người mua đất, cấp phiếu nhận hồ sơ và nhận tiền từ các bị hại về giao lại cho A, hưởng lương mỗi ngày 300.000 đồng, ngoài ra, mỗi lô đất bán được, T được A chia số tiền 1.000.000 đồng. P (cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất) thực hiện việc cấp 17 phiếu nhận hồ sơ không để A lừa đảo 17 bị hại, chiếm 1.553.250.000 đồng. M (cán bộ địa chính xã) mặc dù biết rõ thửa đất của ông T và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn đang cầm cố tại ngân hàng, không được phép chuyển nhượng nhưng P vẫn kết hợp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đo, phân lô, tách thửa, vẽ sơ đồ bản vẽ và cấp phiếu nhận hồ sơ không để bị cáo A tạo lòng tin chiếm đoạt của 9 bị hại với tổng số tiền 795.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T quyết định: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45 và Điều 33 BLHS xử phạt bị cáo A mức án tù chung thân về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều

139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45 và Điều 33 BLHS xử phạt bị cáo T 15 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 45, Điều 47 và Điều 33 BLHS xử phạt bị cáo P 07 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 45, Điều 47 và Điều 33 BLHS xử phạt bị cáo M 05 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi xét xử sơ thẩm, VKSND tỉnh T ban hành kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P2 ngày 12/9/2017. Trong quyết định kháng nghị có nội dung kháng nghị tăng hình phạt đối với P và M nhưng chỉ nêu trong phần nhận định. Phần quyết định của kháng nghị chỉ ghi “đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại TP H đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án số 37/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T”.

Vấn đề cần rút kinh nghiệm: phần quyết định của kháng nghị chưa nêu rõ được sửa như thế nào? sửa phần nào? tội danh, hình phạt hay bồi thường dân sự? tăng hay giảm hình phạt? sửa đối với bị cáo nào?... Kháng nghị tăng hình phạt đối với P và M ngoài nêu trong phần nhận định phải đề nghị rõ cả trong phần quyết định. Phần nhận định của kháng nghị phải chỉ ra được những vi phạm của bản án trong việc áp dụng hình phạt đối với P và M ở chỗ nào, phải có lập luận, phân tích làm rõ những căn cứ thể hiện hình phạt mà bản án đã tuyên đối với các bị cáo là quá nhẹ, chưa đúng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, quy định của pháp luật và với diễn biến xấu của loại tội phạm này trong thực tiễn ở địa phương.

Lưu ý: đối với vụ án mà lãnh đạo VKS cấp trên đã có ý kiến chỉ đạo trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra hoặc xét xử sơ thẩm, nếu kháng nghị phải báo cáo Viện trưởng VKS cấp trên xem xét, quyết định.

- Phạm vi kháng nghị: kháng nghị một phần (kháng nghị về hình phạt, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc vấn đề dân sự trong vụ án hình sự...) hoặc kháng nghị toàn bộ bản án.

Tình huống kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, về hình phạt:

H đã có 04 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích. H chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/12/2017. Khoảng 2 giờ ngày 31/7/2018, H đột nhập vào nhà của ông M định lấy cắp chiếc xe máy, đang định phá khóa xe máy thì bị phát hiện, bắt giữ. Bản án sơ thẩm tuyên H phạm tội trộm cắp tài sản và phạt 01 năm tù.

KSV thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội trộm cắp tài sản

là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. H có nhiều tiền án, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục lén lút đột nhập vào nhà ông M để trộm cắp tài sản thì bị phát hiện. Hành vi của H đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nhưng khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 3 Điều 57 BLHS đối với bị cáo là thiếu sót, bất lợi cho bị cáo. Do vậy, KSV đã báo cáo lãnh đạo Viện ban hành kháng nghị phúc thẩm một phần bản án nêu trên theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Kết quả, Tòa án phúc thẩm đã sửa bản án sơ thẩm, tuyên H 03 tháng tù.

1.2. Kiểm sát việc tiếp nhận, xử lý kháng cáo

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (các điều 331, 332, 333, 334, 335 và 338);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 47-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 45).

*** Nội dung công việc**

- Ngay sau khi nhận được thông báo kháng cáo của Tòa án, KSV VKS cấp sơ thẩm kiểm sát chủ thể và phạm vi kháng cáo của từng chủ thể theo Điều 331 BLTTHS; nội dung đơn kháng cáo và các chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có) theo khoản 2 và khoản 3 Điều 332 BLTTHS; thời hạn kháng cáo theo Điều 333 BLTTHS:

+ Trường hợp thấy đúng chủ thể kháng cáo nhưng kháng cáo không đúng phạm vi mà Tòa án không trả lại đơn kháng cáo, KSV đề nghị Tòa án trả lại đơn kháng cáo.

+ Trường hợp thấy đúng chủ thể kháng cáo nhưng kháng cáo vượt quá phạm vi (ví dụ: theo khoản 3 Điều 331 BLTTHS, nguyên đơn dân sự chỉ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại nhưng lại bổ sung kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo), KSV có văn bản thông báo cho Tòa án biết.

+ Trường hợp thấy không đúng chủ thể kháng cáo, KSV đề nghị Tòa án trả lại đơn và thông báo bằng văn bản cho người làm đơn.

+ Trường hợp người kháng cáo thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo: KSV kiểm sát tính hợp pháp, giới hạn của việc thay đổi, bổ sung kháng cáo. Trường hợp phát hiện việc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo có những yêu cầu mà chủ thể đó không có quyền kháng cáo (vượt quá phạm vi kháng cáo) thì KSV trao

đổi ngay với Tòa án để có biện pháp giải quyết. Nếu phát hiện Tòa án cấp phúc thẩm không thông báo cho VKS hoặc cho bị cáo, những người có liên quan đến kháng cáo về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để xem xét kiến nghị.

+ Trường hợp thấy đơn kháng cáo hợp lệ nhưng nội dung kháng cáo chưa rõ hoặc đối với những kháng cáo không đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết vấn đề cụ thể nào như tăng hay giảm hình phạt... mà chỉ đề nghị một cách chung chung như xin được hưởng khoan hồng, xin xem xét lại toàn bộ bản án... mà Tòa án chưa yêu cầu người kháng cáo làm rõ, KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện có văn bản yêu cầu Tòa án thực hiện việc yêu cầu người kháng cáo.

- KSV kiểm sát việc trả lại đơn kháng cáo của Tòa án theo khoản 5 Điều 334 BLTTHS. Việc trả lại đơn có thể bị khiếu nại, do đó, KSV lưu ý kết quả giải quyết khiếu nại của Tòa án trong trường hợp này.

- KSV kiểm sát việc xét kháng cáo quá hạn của Tòa án: việc Tòa án cấp sơ thẩm gửi đơn kháng cáo, bản tường trình của người kháng cáo về lý do kháng cáo quá hạn và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có) cho Tòa án cấp phúc thẩm; thành phần Hội đồng xem xét kháng cáo quá hạn; quyết định của Hội đồng xem xét kháng cáo quá hạn về việc giải quyết kháng cáo quá hạn; việc gửi kết quả phiên họp theo Điều 335 BLTTHS.

Trước khi tham gia phiên họp xét kháng cáo quá hạn, KSV phải nghiên cứu đơn kháng cáo quá hạn và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có), xây dựng bài phát biểu về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo quá hạn, báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện. Trên cơ sở bài phát biểu đã được lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện duyệt, KSV tham gia phiên họp xét kháng cáo quá hạn và phát biểu quan điểm của VKS về việc xét kháng cáo quá hạn.

KSV kiểm sát việc gửi hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo quá hạn.

- KSV lưu ý một số trường hợp sau:

+ Trường hợp người bị hại chết mà có từ hai người trở lên đều là người đại diện của người bị hại (ví dụ: cha, mẹ, vợ và con thành niên của người bị hại) thì phân biệt như sau:

(1) Nếu trong quá trình điều tra, truy tố hoặc tại phiên tòa sơ thẩm, những người này đã đồng ý cử một người trong số họ thay mặt họ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện của người bị hại (sự đồng ý này có thể được thể hiện trong văn bản riêng hoặc trong lời khai của họ), thì sau khi xét xử sơ thẩm những

người này vẫn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Việc kháng cáo có thể do từng người thực hiện hoặc có thể cử một người trong số họ thay mặt họ thực hiện.

(2) Nếu trong quá trình điều tra, truy tố hoặc tại phiên tòa sơ thẩm, những người này chưa cử ai trong số họ thay mặt họ làm người đại diện của người bị hại, mà người đại diện của người bị hại chỉ do một hoặc một số người trong số họ tự nhận, nếu sau khi xét xử sơ thẩm có người trong số những người chưa cử người đại diện có đơn với nội dung khiếu nại bản án sơ thẩm hoặc xin xét xử phúc thẩm vụ án thì xử lý như sau:

Nếu nội dung đơn của họ phù hợp với nội dung kháng cáo của người đại diện đã tham gia tố tụng, thì Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận để xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung;

Nếu nội dung đơn của họ không phù hợp với nội dung kháng cáo của người đại diện đã tham gia tố tụng hoặc người đại diện đã tham gia tố tụng không kháng cáo và trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác kháng cáo, VKS kháng nghị, thì khi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hoặc quyết định sơ thẩm về phần có liên quan mà họ có khiếu nại hoặc xin xét xử phúc thẩm vụ án để điều tra lại hoặc xét xử sơ thẩm lại do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng (chưa đưa họ vào tham gia tố tụng khi quyền, lợi ích của họ xung đột với quyền, lợi ích của người đại diện đã tham gia tố tụng);

Nếu trong vụ án không có ai kháng cáo, VKS không kháng nghị mà đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, thì đơn của họ được coi là đơn khiếu nại đối với bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Trong trường hợp này bản án hoặc quyết định sơ thẩm sẽ được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm¹.

+ Trường hợp người bị hại chết mà không có người đại diện thì xử lý như trường hợp bị hại vắng mặt tại phiên tòa vì lý do bất khả kháng theo điểm b khoản 1 Điều 351 BLTTHS (Hội đồng xét xử vẫn có thể tiến hành xét xử nhưng không được ra bản án không có lợi cho bị hại).

+ Trường hợp sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm vẫn còn thời hạn kháng cáo, kháng nghị mà người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu thì Tòa án phải hướng dẫn họ làm đơn kháng cáo để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết việc rút yêu cầu theo thủ tục phúc thẩm.

1.3. Nghiên cứu kháng nghị

¹ Tham khảo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư “*Xét xử phúc thẩm*” của BLTTHS.

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (Điều 342);

- Quy chế số 505 (Điều 41, Điều 45 và Mẫu số 15/XP).

** Nội dung công việc*

- Trường hợp VKS cấp trên không kháng nghị nhưng VKS cấp dưới kháng nghị: KSV được Viện trưởng VKS cấp trên phân công nghiên cứu lý do, căn cứ kháng nghị và yêu cầu của VKS cấp dưới; phối hợp chặt chẽ với KSV của VKS cấp sơ thẩm để trao đổi về nội dung kháng nghị, quan điểm giải quyết vụ án. Nếu không nhất trí với kháng nghị hoặc thấy kháng nghị của VKS cấp dưới không có căn cứ thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện đề nghị VKS cấp dưới thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị hoặc VKS cấp trên rút kháng nghị của VKS cấp dưới.

Trường hợp VKS cấp dưới đã ban hành kháng nghị nhưng sau đó VKS cấp dưới nhất trí với quan điểm không kháng nghị của VKS cấp trên thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện đề rút kháng nghị.

- Trường hợp VKS cấp dưới kháng nghị nhưng kháng nghị thiếu, cần thiết phải kháng nghị bổ sung nhưng theo hướng bất lợi cho bị cáo mà thời hạn kháng nghị của VKS cấp dưới đã hết nhưng còn thời hạn kháng nghị của VKS cấp trên thì KSV đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện báo cáo VKS cấp trên để VKS cấp trên ban hành kháng nghị mới thay thế.

- Lưu ý: VKS cấp trên chỉ có quyền rút kháng nghị, không có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị của VKS cấp dưới.

2. Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động chuẩn bị xét xử

2.1. Kiểm sát việc Tòa án cấp phúc thẩm chuyển hồ sơ, chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung cho VKS cùng cấp

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (Điều 341);

- Quy chế số 505 (Mẫu số 21/XP).

** Nội dung công việc*

KSV kiểm sát việc Tòa án chuyển hồ sơ vụ án cho VKS theo khoản 1 Điều 341 BLTTHS, kiểm sát việc chuyển chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung mà Tòa án nhận được theo khoản 2 Điều 341 BLTTHS.

Nếu Tòa án không chuyển hồ sơ vụ án hoặc không chuyển chứng cứ, tài

liệu, đồ vật bổ sung cho VKS thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ theo Mẫu số 21/XP ban hành kèm theo Quy chế số 505.

Khi nhận được hồ sơ, chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung do Tòa án chuyển đến, KSV nghiên cứu hồ sơ vụ án, chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung; lập hồ sơ kiểm sát phúc thẩm và chuyển lại hồ sơ, chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung cho Tòa án trong thời hạn quy định tại khoản 1 (thời hạn chuyển lại hồ sơ) và khoản 2 (thời hạn chuyển lại chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung) Điều 341 BLTTHS. KSV lập hồ sơ kiểm sát phúc thẩm gồm những tài liệu có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị trong hồ sơ vụ án và những tài liệu khác có liên quan (theo hướng dẫn tại Chương I Sổ tay này) (không phụ thuộc vào hồ sơ kiểm sát của cấp sơ thẩm).

Lưu ý: ngay sau khi nhận được thông báo kháng cáo, kháng nghị của Tòa án theo Điều 338 BLTTHS, KSV phải kiểm sát chặt chẽ việc chuyển hồ sơ, chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung của Tòa án để bảo đảm thời hạn nghiên cứu hồ sơ vụ án của VKS và thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

2.2. Nghiên cứu hồ sơ vụ án để tham gia phiên tòa

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 258, 259, 260 và 341);
- Quy chế số 505 (Điều 9, Điều 40 và Mẫu số 09/HS).

**** Nội dung công việc***

- Tùy từng vụ án, KSV nghiên cứu hồ sơ vụ án theo Điều 40 Quy chế số 505. Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, KSV nên phân thành các nhóm chứng cứ, tài liệu, đồ vật để nghiên cứu như: nhóm chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến kháng cáo; nhóm chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến kháng nghị; nhóm chứng cứ, tài liệu, đồ vật khác. Tùy từng trường hợp chỉ có kháng cáo, chỉ có kháng nghị hay có cả kháng cáo, kháng nghị mà tập trung vào từng nhóm chứng cứ, tài liệu, đồ vật nêu trên để nghiên cứu.

Ví dụ: đối với những kháng cáo kêu oan hoặc những kháng cáo, kháng nghị về tội danh, KSV tập trung vào những chứng cứ, tài liệu xác định bị cáo có phạm tội hay không? Nếu phạm tội thì phạm tội gì? Đối với những kháng cáo, kháng nghị về hình phạt, KSV cần tập trung nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc quyết định hình phạt để xem Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo chưa, đã áp dụng đầy đủ và đúng các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo chưa?...

- Phương pháp nghiên cứu hồ sơ vụ án:

+ KSV cần nghiên cứu hồ sơ vụ án một cách toàn diện, có phân tích, so sánh, tổng hợp, trên cơ sở đó, tiến hành phân loại theo các nhóm vấn đề: nội dung nào của kháng cáo, kháng nghị có căn cứ, không có căn cứ, có căn cứ nhưng chưa rõ và phải điều tra bổ sung làm rõ? Chứng cứ, tài liệu, đồ vật nào để chứng minh (nêu số bút lục)? Những nội dung có mâu thuẫn trong các nguồn chứng cứ và chứng cứ, tài liệu, đồ vật nào phản ánh đúng sự thật khách quan; chứng cứ, tài liệu, đồ vật nào cần xác minh thêm hoặc phải bổ sung mới? Điều tra bổ sung như thế nào? Trên cơ sở đó, KSV lập bản nghiên cứu tổng hợp chứng cứ, phát hiện và đề xuất những vấn đề cần điều tra xác minh bổ sung, đề xuất triệu tập những người tham gia phiên tòa. Trong quá trình nghiên cứu, nếu thấy có chứng cứ, tài liệu, đồ vật cần hỏi thì dự kiến hỏi về nguồn gốc, nội dung chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó.

+ KSV xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án theo Điều 9, Điều 40 và Mẫu số 09/HS ban hành kèm theo Quy chế số 505.

+ Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, KSV phô tô, trích cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án lưu hồ sơ kiểm sát.

- Trường hợp người đã kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới hoặc yêu cầu xác minh chứng cứ mới (có thể do Tòa chuyển sang, đương sự cung cấp, KSV tự thu thập) thì KSV phải kiểm tra để đánh giá về tính hợp pháp và tính có căn cứ, tính liên quan của chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó. KSV cũng cần dự kiến đến trường hợp chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới cần phải có thời gian kiểm tra, xác minh vì có liên quan đến nhiều chứng cứ khác trong vụ án hoặc cần phải trưng cầu giám định, làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án sơ thẩm. Trường hợp này, KSV dự kiến đến các trường hợp để đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm quyết định tại phiên tòa.

- Để giải quyết kháng cáo, kháng nghị, nếu thấy có những chứng cứ, tài liệu, đồ vật có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, KSV có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, nếu phát hiện vi phạm trong hoạt động ở giai đoạn sơ thẩm của các cơ quan tiến hành tố tụng có dấu hiệu của tội phạm thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra VKSND tối cao thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để xem xét, xử lý.

- Kỹ năng nghiên cứu một số chứng cứ, tài liệu, đồ vật cụ thể trong hồ sơ vụ án:

+ Bản án sơ thẩm

KSV kiểm tra tính hợp pháp, tính có căn cứ của bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo khoản 2 Điều 260 BLTTHS. Trên cơ sở đó, KSV so sánh, đối chiếu, phân tích để đánh giá tính có căn cứ, tính hợp lý, tình thuyết phục của kháng cáo, kháng nghị.

+ Biên bản phiên tòa

KSV đối chiếu nội dung biên bản phiên tòa với kháng cáo, kháng nghị để xem có gì mâu thuẫn không? Nếu có thì dự kiến phương án giải quyết... KSV nghiên cứu quan điểm của người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đặc biệt là nội dung đối đáp của KSV, lập luận của người bào chữa nêu ra để phản bác lại buộc tội của KSV, quan điểm của Hội đồng xét xử tại phiên tòa sơ thẩm để có quan điểm toàn diện trong việc đánh giá chứng cứ và hướng giải quyết.

+ Biên bản nghị án

KSV đối chiếu biên bản nghị án với kháng cáo, kháng nghị để xem có gì mâu thuẫn như mức án ghi trong biên bản nghị án khác với mức án ghi trong bản án hoặc mức án tuyên công khai khác với mức án ghi trong biên bản nghị án và bản án... Nếu biên bản nghị án không có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng xét xử hoặc có những tình tiết chưa được thẩm tra tại phiên tòa hoặc biên bản nghị án bị sửa chữa về mức án hoặc trong biên bản nghị án để trống mức án... thì đều là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự. Khi nghiên cứu biên bản nghị án, KSV lưu ý nghiên cứu về từng vấn đề mà Hội đồng xét xử sơ thẩm đã biểu quyết (hình phạt, bồi thường, biện pháp tư pháp...).

Quá trình nghiên cứu bản án sơ thẩm, biên bản phiên tòa, biên bản nghị án, KSV cần ghi chép lại những tình tiết quan trọng để làm rõ diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, thời gian, địa điểm xảy ra hành vi phạm tội; các chứng cứ xác định bị cáo phạm tội hay không phạm tội; hệ thống các chứng cứ buộc tội và gỡ tội; bị cáo phạm tội gì, theo điểm, khoản, điều nào của BLHS; nếu không phạm tội thì những căn cứ xác định bị cáo không phạm tội; các vấn đề về nhân thân của bị cáo, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; những vấn đề về bồi thường và trách nhiệm bồi thường....

+ Biên bản ghi lời khai của bị can, bị cáo

Từ việc nghiên cứu lời khai của bị can, bị cáo, KSV phải hệ thống lại các

lời khai cùng các chứng cứ khác có liên quan để xác định các vấn đề xét hỏi làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm và dự kiến những vấn đề sẽ được đưa ra tranh luận tại phiên tòa.

Ví dụ: trường hợp kháng cáo kêu oan, thì cần nghiên cứu lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm để làm rõ bị cáo có bao nhiêu lần khai báo, nội dung tóm tắt các lần khai đó; bao nhiêu lần bị cáo nhận tội, chối tội và lý do của việc chối tội; lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra có khác nhau hay không và lý do của việc khác nhau đó; những mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo đã được Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm giải quyết như thế nào...

+ Biên bản ghi lời khai của bị hại, đương sự, người làm chứng

Khi nghiên cứu lời khai của bị hại, đương sự, người làm chứng, KSV cần xem xét tính khách quan trong lời khai của họ, trên cơ sở đó so sánh, đối chiếu với bản án, biên bản phiên tòa để xem có phù hợp hay không, có mâu thuẫn gì hay không, nếu có mâu thuẫn thì nguyên nhân là gì...

+ Vật chứng

Khi nghiên cứu vật chứng, KSV cần xem Tòa án cấp sơ thẩm có đánh giá và sử dụng vật chứng để chứng minh hành vi phạm tội khách quan không?...

+ Các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án

KSV cần nghiên cứu các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án (nếu có) như tài liệu khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, kết luận giám định tư pháp, kết luận định giá tài sản... về thành phần (thẩm quyền), trình tự, thủ tục, thời gian... thực hiện có đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hay không?

Ví dụ: sơ đồ hiện trường phải mô tả đầy đủ, chính xác các đặc điểm, kích thước, màu sắc... của các sự vật tại hiện trường, nhất là các vật chứng, dấu vết là chứng cứ có trên hiện trường. Sơ đồ hiện trường không được vẽ cầu thả, không thể hiện rõ vị trí của các vật chứng, dấu vết có trên hiện trường hoặc bị tẩy xóa, sửa chữa.

- Lưu ý: trong những vụ án phức tạp, đặc biệt nghiêm trọng, hồ sơ vụ án rất nhiều bút lục, trong khi thời hạn nghiên cứu hồ sơ vụ án ở giai đoạn phúc thẩm ngắn thì KSV phải nghiên cứu những vấn đề trọng tâm, cốt lõi của vụ án xoay quanh các nội dung kháng cáo, kháng nghị; trao đổi với KSV, Điều tra viên cấp sơ thẩm những vấn đề chính của vụ án, những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là những nội dung mà bị cáo, Luật sư tranh tụng tại cấp sơ thẩm để có

phương án trả lời cũng như nghiên cứu kỹ để chuẩn bị cho phiên tòa phúc thẩm.

2.3. Kiểm sát việc thực hiện thẩm quyền xét xử phúc thẩm và việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử của Tòa án

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 344 và Điều 346);
- Quy chế số 505 (Điều 45).

*** Nội dung công việc**

- KSV kiểm sát việc thực hiện thẩm quyền xét xử phúc thẩm của Tòa án theo Điều 344 BLTTHS; nếu thấy không đúng thẩm quyền thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét quyết định đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại theo thẩm quyền do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- KSV kiểm sát thời hạn ra một trong các quyết định: (1) đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm; (2) đình chỉ xét xử phúc thẩm theo khoản 2 Điều 346 BLTTHS; kiểm sát thời hạn mở phiên tòa phúc thẩm và việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 346 BLTTHS. Trường hợp phát hiện vi phạm (có thể là vượt quá thời hạn chuẩn bị xét xử, chậm ra quyết định, chậm mở phiên tòa, không gửi quyết định...) thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện có văn bản kiến nghị (kiến nghị từng vụ việc, kiến nghị tổng hợp) gửi đến Chánh án Tòa án.

2.4. Kiểm sát nội dung của quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm; thực hiện quyền yêu cầu triệu tập những người tham gia tố tụng và kiểm sát việc triệu tập những người tham gia phiên tòa phúc thẩm

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (các điều 254, 255, 346, 349 và 351);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 21-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 40 và Điều 45).

*** Nội dung công việc**

- Khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, KSV:
 - + Kiểm sát việc thực hiện thẩm quyền ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo Điều 346 BLTTHS.
 - + Kiểm sát nội dung của quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: theo

khoản 2 Điều 255 BLTTHS và Mẫu số 21-HS ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP.

+ Khi phát hiện có nội dung của quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm có sai sót, như: không đúng họ tên của người kháng cáo, người bị kháng nghị; thành phần Hội đồng xét xử; thành phần những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa... thì KSV trao đổi (trực tiếp hoặc bằng văn bản) với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa để khắc phục; trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không khắc phục thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm.

Nếu thấy Hội đồng xét xử thuộc trường hợp bị thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng theo các điều 49, 53 và 54 BLTTHS thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện có văn bản yêu cầu Tòa án thay đổi.

- Căn cứ vào quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, KSV kiểm sát danh sách những người được triệu tập; việc triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa; việc gửi giấy triệu tập của Tòa án. Trường hợp Tòa án triệu tập thiếu người tham gia tố tụng, nhất là bị cáo có kháng cáo mà xét thấy có thể ảnh hưởng đến việc xét xử hoặc khi thấy cần thiết thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng đến phiên tòa.

2.5. Kiểm sát việc Tòa án áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Chương VII và Điều 347);
- Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 (Điều 13);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP;
- Quy chế số 505 (Điều 40 và Điều 45).

**** Nội dung công việc***

- KSV kiểm sát căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn Tòa án áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo Điều 347 BLTTHS và các điều luật khác có liên quan tại Chương VII BLTTHS.

- Trường hợp phát hiện Tòa án áp dụng không đúng căn cứ hoặc có căn cứ để thay đổi, hủy bỏ nhưng Tòa án không thay đổi, hủy bỏ thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để có văn bản kiến nghị Tòa án khắc phục.

- Đối với biện pháp tạm giam, KSV lưu ý:

+ Theo dõi chặt chẽ thời hạn tạm giam bị cáo; khi gần hết thời hạn tạm

giam thì trao đổi, thông báo cho Tòa án biết. Phối hợp với đơn vị kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự để kiểm sát chặt chẽ những trường hợp cơ sở giam giữ thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết trước khi hết thời hạn tạm giam theo Điều 13 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015.

+ Trường hợp KSV phát hiện quá thời hạn tạm giam mà Tòa án chưa có quyết định gia hạn thời hạn tạm giam hoặc không thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam thì kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để có văn bản yêu cầu Tòa án gia hạn hoặc thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam.

+ KSV tổng hợp vi phạm của Tòa án báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm; trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì thông báo cho Cơ quan điều tra VKSND tối cao giải quyết theo thẩm quyền.

+ Trường hợp bị cáo bỏ trốn, nếu Tòa án chưa yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị cáo, KSV xem xét xử lý như sau:

(1) Nếu nội dung kháng cáo, kháng nghị không liên quan đến bị cáo hoặc có liên quan nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo thì không cần thiết phải yêu cầu Tòa án thực hiện việc truy nã bị cáo.

(2) Nếu nội dung kháng cáo, kháng nghị ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện yêu cầu Tòa án thực hiện việc truy nã bị cáo.

2.6. Kiểm sát việc đình chỉ xét xử phúc thẩm

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 155 và Điều 348);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 51-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 45).

*** Nội dung công việc**

- KSV kiểm sát thẩm quyền, căn cứ, nội dung, việc gửi quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm theo Điều 348 BLTTHS.

Trường hợp thấy việc đình chỉ xét xử phúc thẩm của Tòa án không có căn cứ thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện đề nghị VKS cấp trên xem xét, quyết định việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Trường hợp VKS rút quyết định kháng nghị trước khi mở phiên tòa thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm (đối với trường hợp rút toàn bộ) hoặc quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần

kháng nghị đã rút (đối với trường hợp rút một phần kháng nghị).

- Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết; bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị nhưng bị hại hoặc người đại diện rút đơn yêu cầu khởi tố thì KSV kiểm tra các lý do rút yêu cầu khởi tố; nếu Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chưa quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện đề nghị Tòa án xem xét quyết định đình chỉ.

2.7. KSV xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới và kiểm sát việc bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật ở Tòa án cấp phúc thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 341 và Điều 353);
- Quy chế số 505 (Điều 39, Điều 45 và Mẫu số 10/XP).

**** Nội dung công việc***

- KSV xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật ở cấp phúc thẩm theo Điều 353 BLTTHS và Điều 39 Quy chế số 505. Nếu cần cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, bổ sung chứng cứ cho việc giải quyết vụ án thì KSV ban hành Công văn theo Mẫu số 10/XP ban hành kèm theo Quy chế số 505.

Trường hợp VKS cấp trên yêu cầu VKS cấp sơ thẩm tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật thì việc yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản. VKS cấp sơ thẩm ra quyết định phân công KSV xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật. Trường hợp phối hợp với Cơ quan điều tra để xác minh, thu thập thì KSV được phân công phải ký vào biên bản, tài liệu thu thập được. Chứng cứ, tài liệu, đồ vật sau khi xác minh, thu thập được phải được chuyển lại cho Tòa án.

Trường hợp Tòa án không nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật do VKS xác minh, thu thập thì KSV lập biên bản, ghi rõ lý do và lưu giữ, bảo quản theo quy định của pháp luật để công bố tại phiên tòa.

Trường hợp Tòa án yêu cầu VKS thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật, nếu KSV thấy không cần thiết phải thu thập hoặc không thể thu thập được hoặc mặc dù thiếu nhưng vẫn xét xử được thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện có văn bản gửi Tòa án, nêu rõ lý do; nếu thấy không thể tự mình xác minh, thu thập được hoặc thấy đây là những chứng cứ, tài liệu, đồ vật rất quan trọng, thiếu những chứng cứ, tài liệu, đồ vật này thì không thể xét xử được thì KSV báo cáo

lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét quyết định đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tình huống:

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ T tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, H là vợ T có đơn kiến nghị đề nghị trung cầu giám định độ tuổi của bị hại. Biên bản phiên tòa phúc thẩm của Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao ghi nhận các nhân chứng khai bị hại Đ sinh vào năm 2000, chứ không phải theo giấy khai sinh là năm 2001. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có Công văn đề nghị VKSND cấp cao yêu cầu VKSND cấp cao phối hợp yêu cầu Cơ quan điều tra và VKSND tỉnh tiến hành trung cầu giám định xương đối với bị hại D để xác định chính xác tuổi của bị hại.

KSV thuộc VKSND cấp cao báo cáo lãnh đạo Viện ban hành Công văn đề nghị VKSND tỉnh phối hợp với Cơ quan điều tra tỉnh trung cầu giám định xương đối với bị hại Đ theo đề nghị của Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra và VKSND tỉnh có Công văn trả lời cho rằng vụ án do Tòa án nhân dân cấp cao đang thụ lý nên không có căn cứ để tiến hành trung cầu giám định xương đối với bị hại Đ. Vì vậy, KSV báo cáo lãnh đạo Viện và khi vụ án được đưa ra xét xử phúc thẩm, KSV căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra lại theo hướng trung cầu giám định xương đối với Đ để xác định tuổi của bị hại.

- KSV kiểm sát việc bảo đảm quyền được bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật của người đã kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự... ; kiểm sát việc chuyển các chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung này của Tòa án cấp phúc thẩm cho VKS cùng cấp. Sau khi nhận được chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung, KSV nghiên cứu, trích cứ, phô tô lưu hồ sơ kiểm sát và trả lại cho Tòa án trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 341 BLTTHS.

Tình huống:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đối với bị cáo A về tội môi giới mại dâm theo khoản 1 Điều 328 BLHS, luật sư bào chữa cho A gửi tài liệu đến Tòa án nhân dân, VKSND tỉnh phản ánh việc: Cơ quan điều tra A vi phạm tố tụng như: trong cùng thời gian, Điều tra viên B vừa lập biên bản hỏi cung bị can tại trụ sở Cơ quan điều tra A vừa lập biên bản ghi lời khai người làm chứng ở địa điểm cách trụ sở Cơ quan điều tra 03 km; Điều tra viên ký vào biên bản vụ việc mại dâm không phải là Điều tra viên được phân công điều tra vụ án.

KSV trao đổi với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa về việc sau: yêu cầu Luật sư giải thích rõ vì sao luật sư không cung cấp những tài liệu này trong giai đoạn sơ thẩm; triệu tập Điều tra viên.

2.8. Xây dựng đề cương xét hỏi

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao Quy chế số 505 (Điều 42 và Mẫu số 12/XP).*

*** Nội dung công việc**

- KSV dự thảo đề cương xét hỏi theo khoản 2 Điều 42 và Mẫu số 12/XP ban hành kèm theo Quy chế số 505.

- Để chuẩn bị tốt đề cương xét hỏi, KSV cần:

+ Nghiên cứu kỹ kháng cáo, kháng nghị, tập trung vào những vấn đề và những tình tiết liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

+ Nắm chắc các tình tiết của vụ án, thái độ khai báo của những người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị... ở cấp sơ thẩm để dự kiến trước nội dung khai báo của họ, nắm bắt ý kiến của người bào chữa sẽ bào chữa vấn đề gì, trên cơ sở đó chuẩn bị các câu hỏi tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Các câu hỏi dự kiến phải ngắn gọn, dễ hiểu, rõ ràng, cụ thể, có chủ định, khách quan, sát với nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, kháng nghị; không đặt những câu hỏi không rõ nghĩa, khó hiểu, phức tạp, giải thích dài dòng hoặc mang tính chất mớm cung, dụ cung hoặc không liên quan đến vụ án, không đặt những câu hỏi ngoài nội dung kháng cáo, kháng nghị.

+ Dự kiến nội dung, chiến thuật, phương pháp xét hỏi hợp lý đối với từng trường hợp: chỉ có kháng cáo, chỉ có kháng nghị, vừa có kháng cáo vừa có kháng nghị, kháng cáo và kháng nghị mâu thuẫn với nhau như: hỏi ai? hỏi ai trước hỏi ai sau? nội dung hỏi (theo người hoặc theo nhóm vấn đề)? nội dung nào hỏi trước nội dung nào hỏi sau? hỏi như thế nào (phương pháp, chiến thuật hỏi)? dự kiến các tình huống, phương án trả lời của người được hỏi... Trường hợp cần thiết, KSV chủ động trao đổi với Hội đồng xét xử để dự kiến nội dung, chiến thuật, phương pháp xét hỏi tại phiên tòa.

Ví dụ: trường hợp bị cáo kháng cáo kêu oan thì các câu hỏi của KSV phải làm rõ được các chứng cứ buộc tội cũng như chứng cứ vô tội. Trường hợp bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt thì các câu hỏi của KSV phải làm rõ được căn cứ, lý do của việc xin giảm nhẹ hình phạt. Trường hợp kháng cáo xin giảm mức bồi thường thiệt hại thì các câu hỏi của KSV phải làm rõ được lý do đề nghị giảm

mức bồi thường thiệt hại, mức đề nghị giám cụ thể bao nhiêu, giảm những khoản nào, điều kiện kinh tế của bị cáo, bị đơn dân sự...

Trường hợp kháng cáo có nội dung rõ ràng, cụ thể thì KSV dự kiến phương pháp xét hỏi theo hướng tập trung vào các vấn đề trọng tâm của kháng cáo. Trường hợp có bị cáo kháng cáo kêu oan hoặc bị cáo kháng cáo nhưng khai báo không thành khẩn thì KSV dự kiến phương pháp xét hỏi theo hướng đi vào các vấn đề có liên quan trước, sau đó, tiếp cận dần đến những vấn đề có liên quan trực tiếp đến kháng cáo sau.

+ Chuẩn bị sẵn tài liệu, chứng cứ đã thu thập được ở giai đoạn sơ thẩm cũng như qua điều tra bổ sung ở cấp phúc thẩm để phục vụ cho việc chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Trường hợp cần thiết, KSV có thể trao đổi trước với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa về trình tự xét hỏi, hỏi ai trước, ai sau và khi nào cần cách ly để đảm bảo xét hỏi hiệu quả.

2.9. Dự thảo bài phát biểu của KSV tại phiên tòa phúc thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 354);
- Quy chế số 505 (Điều 43 và Mẫu số 19/XP).

**** Nội dung công việc***

- KSV dự thảo bài phát biểu của KSV tại phiên tòa phúc thẩm (bao gồm ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị và quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án) theo khoản 1 Điều 43 và Mẫu số 19/XP ban hành kèm theo Quy chế số 505.

- Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu, đồ vật có trong hồ sơ vụ án, các chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới được bổ sung (nếu có), KSV phân tích nội dung của kháng cáo, kháng nghị; đối chiếu với các quy định của BLHS, BLTTHS, Bộ luật Dân sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan để rút ra nhận xét, đánh giá về tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị.

Ví dụ: nếu KSV cho rằng kháng cáo là có căn cứ, hợp pháp thì trong bài phát biểu, KSV phải đưa ra được các chứng cứ, tài liệu, đồ vật chứng minh cho tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo; nếu KSV cho rằng kháng cáo là không có căn cứ, không hợp pháp thì trong bài phát biểu, KSV phải chỉ ra được các chứng cứ, tài liệu, đồ vật cụ thể để bác bỏ kháng cáo.

- Dự thảo bài phát biểu quan điểm của VKS phải được KSV bổ sung và

điều chỉnh tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới được bổ sung (nếu có) và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Sau phiên tòa, KSV hoàn thiện bản phát biểu quan điểm, lưu hồ sơ kiểm sát.

- Lưu ý: KSV khi dự thảo bài phát biểu quan điểm, cần phải gắn với tình hình thực tế tại địa phương để tuyên truyền, giáo dục chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, góp phần phòng và chống tội phạm, vi phạm pháp luật ở địa phương.

2.10. Xây dựng dự thảo đề cương tranh luận của KSV tại phiên tòa phúc thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 354);
- Quy chế số 505 (Mẫu số 14/XP).

**** Nội dung công việc***

- KSV dự thảo đề cương tranh luận của KSV tại phiên tòa phúc thẩm theo Mẫu số 14/XP ban hành kèm theo Quy chế số 505. KSV nên dự kiến tất cả các tình huống và lên phương án tranh luận đối với từng tình huống đó (càng chi tiết, cụ thể sẽ càng tăng tính chủ động cho KSV tại phiên tòa; nhưng cũng phải có trọng tâm, trọng điểm), nhất là trường hợp Tòa án có thể xem xét các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, để tranh luận đầy đủ, đến cùng với những người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị được triệu tập tham gia phiên tòa.

Lưu ý: trong trường hợp có kháng nghị thì KSV phải dự kiến phương án tranh luận theo hướng bảo vệ quan điểm kháng nghị.

- Để việc tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm chất lượng, hiệu quả, KSV cần phải chuẩn bị tốt những vấn đề sau:

+ Nghiên cứu kỹ nội dung tranh luận giữa KSV với người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm.

+ Nghiên cứu chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới phát sinh (nếu có).

3. Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa

3.1. Kiểm sát sự có mặt của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người khác

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 305, 349, 350 và 351);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 21-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 45).

*** Nội dung công việc**

3.1.1. Kiểm sát sự có mặt của người tiến hành tố tụng

- Căn cứ quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, KSV kiểm sát sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc thay đổi, thay thế thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án theo Điều 349 BLTTHS và Điều 45 Quy chế số 505.

Qua kiểm sát nếu phát hiện trường hợp thay thế Thẩm phán dự khuyết làm thành viên Hội đồng xét xử nhưng Thẩm phán này không tham gia phiên tòa từ đầu thì KSV phải yêu cầu Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa, nếu KSV phát hiện thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thuộc trường hợp quy định tại các điều 49, 53 và 54 BLTTHS thì KSV yêu cầu Hội đồng xét xử thay đổi. Nếu Hội đồng xét xử không thay đổi, KSV vẫn tiếp tục tham gia phiên tòa; sau phiên tòa, KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để báo cáo VKS cấp trên xem xét kháng nghị giám đốc thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

3.1.2. Kiểm sát sự có mặt của người tham gia tố tụng

KSV kiểm sát sự có mặt của người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa theo Điều 351 BLTTHS. KSV lưu ý:

- Trường hợp có người tham gia tố tụng không đúng với Giấy triệu tập, KSV đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập đúng người hoặc hoãn phiên tòa để triệu tập đúng người tham gia phiên tòa theo Điều 305 BLTTHS.

- Trường hợp vắng mặt người bào chữa lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng, bị cáo không đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa hoặc vắng mặt người bào chữa chỉ định, bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo không đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa mà Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa, vẫn tiến hành xét xử thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

- KSV kiểm sát việc ra bản án của Hội đồng xét xử trong các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 351 BLTTHS. Trường hợp Hội đồng xét xử

ra bản án không có lợi cho bị hại, đương sự, bị cáo thì KSV kiến nghị Hội đồng xét xử hoặc báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị hoặc kháng nghị.

3.2. Kiểm sát phạm vi xét xử phúc thẩm

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 345);
- Quy chế số 505 (Điều 45).

*** Nội dung công việc**

- KSV kiểm sát việc áp dụng quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm theo Điều 345 BLTTHS và Điều 45 Quy chế số 505. Khi thấy cần thiết, KSV có thể đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp cần thiết có thể là những trường hợp sau: (1) nếu không xem xét các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có thể làm ảnh hưởng đến tính chính xác, khách quan, toàn diện của vụ án; (2) khi có căn cứ cho rằng phần bản án sơ thẩm tuy không có kháng cáo, kháng nghị nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; (3) khi có cơ sở để có thể xem xét, áp dụng pháp luật theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có lợi cho bị cáo.

Ví dụ: trong vụ án đánh bạc có nhiều bị cáo: bị cáo A đóng vai trò chủ mưu bị phạt 15 tháng tù kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo khác là đồng phạm bị phạt từ 9-12 tháng tù nhưng không kháng cáo. Khi xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A, thì cần thiết phải xem xét các phần khác của bản án sơ thẩm có liên quan để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khác không có kháng cáo.

- Nếu hành vi của bị cáo này là cơ sở để cấu thành tội phạm của bị cáo khác (như tội che giấu tội phạm, tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tội không tố giác tội phạm...) thì tùy từng trường hợp KSV đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị.

Ví dụ: bản án sơ thẩm quyết định A phạm tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi theo khoản 2 Điều 146 BLHS, B phạm tội che giấu tội phạm theo điểm b khoản 1 Điều 389 BLHS (che giấu tội phạm của A). B không kháng cáo.

Trường hợp A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, thì mặc dù tội phạm của B có liên quan đến A nhưng khi xem xét giảm nhẹ hình phạt của A, không cần thiết phải xem xét các phần khác của bản án sơ thẩm có liên quan đến bị cáo B vì hành vi của B vẫn thỏa mãn cấu thành của tội che giấu tội phạm.

Trường hợp A cho rằng hành vi của mình chỉ thuộc khoản 1 Điều 146 BLHS thì khi xem xét kháng cáo của A cần thiết phải xem xét các phần khác của bản án sơ thẩm có liên quan đến bị cáo B vì nếu hành vi của A thuộc khoản 1 Điều 146 BLHS thì B không phạm tội che giấu tội phạm theo điểm b khoản 1 Điều 389 BLHS.

- KSV kiểm sát thẩm quyền của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm trong trường hợp Hội đồng xét xử xem xét cả các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị. Lưu ý:

+ Nếu sau khi xem xét thêm phần bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị mà Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đồng ý với nội dung phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm thì bản án phúc thẩm phải tuyên giữ nguyên hiệu lực của phần bản án sơ thẩm này (đã có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm); trường hợp Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuyên “y án” đối với các phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì phải được hiểu là giữ nguyên hiệu lực của phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị.

+ Nếu sau khi xem xét thêm phần bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị mà Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng cần hủy để điều tra lại, xét xử lại hoặc để đình chỉ vụ án thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần tuyên giữ nguyên phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, báo cáo với người có thẩm quyền để xem xét việc kháng nghị và xét lại vụ án theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm; không có quyền tuyên hủy phần bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị để yêu cầu điều tra lại hoặc xét xử lại hoặc để đình chỉ vụ án.

3.3. Kiểm sát việc hoãn phiên tòa

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 297 và Điều 352);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 43-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 45).

*** Nội dung công việc**

- KSV kiểm sát căn cứ, nội dung, thẩm quyền, thời hạn hoãn phiên tòa và việc thông báo, gửi quyết định hoãn phiên tòa theo Điều 352 BLTTHS và các khoản 2, 3, 4 Điều 297 BLTTHS.

Tình huống:

Nhận định Kết luận giám định có vi phạm pháp luật tố tụng (có cùng thành phần giám định với giám định lần đầu) nên KSV đề nghị hủy án phúc thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa để trưng cầu giám định lại lần thứ hai.

KSV phát biểu ý kiến: việc hoãn phiên tòa của Hội đồng xét xử là không có căn cứ vì việc hoãn phiên tòa phải thuộc các trường hợp quy định tại Điều 352 BLTTHS. Theo đó, trường hợp này không phải là trường hợp Tòa án cần thu thập, xác minh bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa. Việc giám định lại có cùng thành phần với giám định lần đầu là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên thuộc trường hợp phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

- Lưu ý:

+ Trường hợp thấy có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 352 BLTTHS nhưng Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa; nếu Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử thì KSV phải tham gia phiên tòa nhưng sau phiên tòa, KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để xem xét, quyết định.

+ Trường hợp thấy Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa không đúng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 352 BLTTHS thì KSV phát biểu ý kiến về việc hoãn phiên tòa không đúng căn cứ của Hội đồng xét xử; nếu Hội đồng xét xử vẫn quyết định hoãn phiên tòa thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, giải quyết.

- KSV theo dõi việc Hội đồng xét xử mở lại phiên tòa theo quyết định hoãn phiên tòa; nếu đã hết thời hạn hoãn phiên tòa mà Hội đồng xét xử không hoặc chưa mở lại thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để có văn bản kiến nghị gửi Tòa án để mở lại phiên tòa, xét xử lại từ đầu.

3.4. Kiểm sát việc tạm ngừng phiên tòa

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 251);

- Quy chế số 505 (Điều 45).

**** Nội dung công việc***

- KSV kiểm sát việc tạm ngừng phiên tòa của Hội đồng xét xử về căn cứ, thời hạn, thủ tục tạm ngừng phiên tòa và việc thông báo theo Điều 251 BLTTHS.

Tình huống:

Tại phiên tòa, bị cáo có hành vi khai báo lớn tiếng, kêu oan, sau đó đập đầu vào bục khai báo và giả vờ bị ngất xỉu. Hội đồng xét xử đề nghị KSV phát biểu ý kiến.

Phát biểu của KSV: KSV đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng việc xét xử để bị cáo ổn định tâm lý, mời cán bộ y tế kiểm tra sức khỏe bị cáo. Sau khi có kết luận của cán bộ y tế, KSV đề nghị tạm ngừng phiên tòa nếu thuộc điểm b khoản 1 Điều 251 BLTTHS, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa nếu không thuộc điểm b khoản 1 Điều 251 BLTTHS.

- Lưu ý:

+ Trường hợp thấy có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 251 BLTTHS nhưng Hội đồng xét xử không tạm ngừng phiên tòa thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa; nếu Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử thì KSV phải tham gia phiên tòa nhưng sau phiên tòa, KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để xem xét, quyết định.

+ Trường hợp thấy Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa không đúng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 251 BLTTHS thì KSV phát biểu ý kiến về việc tạm ngừng phiên tòa không đúng căn cứ của Hội đồng xét xử; nếu Hội đồng xét xử vẫn quyết định tạm ngừng phiên tòa thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, giải quyết.

- KSV theo dõi việc Hội đồng xét xử tiếp tục việc xét xử vụ án; nếu đã hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa mà Hội đồng xét xử không hoặc chưa tiếp tục xét xử thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để có văn bản kiến nghị gửi Tòa án để tiếp tục xét xử. Trường hợp đã hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa mà vẫn không thể tiếp tục xét xử vụ án nhưng Hội đồng xét xử chưa ra quyết định hoãn phiên tòa thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để có văn bản kiến nghị gửi Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa.

3.5. Kiểm sát thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 354);
- Quy chế số 505 (Điều 45).

*** Nội dung công việc**

- KSV kiểm sát thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm theo khoản 1 Điều 354 BLTTHS tương tự như phiên tòa sơ thẩm (đã nêu tại mục 2.5 Chương II Sổ tay này).

Tình huống:

M không nhận tội từ giai đoạn điều tra. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cho rằng bị oan. M có kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, M giữ quyền im lặng, không trả lời bất kỳ câu hỏi nào của Hội đồng xét xử và KSV, kể cả các câu hỏi tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Hội đồng xét xử đề nghị KSV phát biểu ý kiến.

Phát biểu của KSV: KSV đề nghị Hội đồng xét xử giải thích chi tiết, cụ thể về quyền và nghĩa vụ của bị cáo quy định tại Điều 61 BLTTHS, theo đó, chỉ có quyền im lặng khi xét hỏi, tranh tụng, bị cáo phải trả lời các câu hỏi tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, yêu cầu khác của Hội đồng xét xử, phải chấp hành sự điều khiển của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa theo điểm b khoản 3 Điều 61 và Điều 256 BLTTHS. Kết quả sau khi nghe giải thích, bị cáo đã hiểu rõ và trả lời đầy đủ các câu hỏi của Hội đồng xét xử và KSV.

- KSV lưu ý theo dõi, đối chiếu với tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung kháng cáo, kháng nghị để kiểm sát việc trình bày nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị của Hội đồng xét xử theo Điều 354 BLTTHS; nếu thấy không phù hợp thì KSV có ý kiến với Hội đồng xét xử.

3.6. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tranh tụng tại phiên tòa

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (các điều 155, 342, 348 và 354);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 52-HS);
- Quy chế số 505 (các điều 42, 43, 44 và 45).

*** Nội dung công việc**

3.6.1. Kiểm sát và trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo của người kháng cáo

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo; rút một phần hoặc toàn bộ kháng cáo. Do đó, KSV cần lưu ý:

- Kiểm sát việc bảo đảm quyền thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo cho người kháng cáo của Hội đồng xét xử theo Điều 342 BLTTHS.

- Kiểm sát việc ghi vào biên bản phiên tòa việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo của người kháng cáo.

- Trường hợp người kháng cáo rút một phần kháng cáo thì kiểm sát việc nhận định về việc rút một phần kháng cáo của người kháng cáo và việc ra quyết định

chỉ xét xử phần kháng cáo đó trong bản án phúc thẩm của Hội đồng xét xử.

- Tập trung xem xét lý do vì sao người kháng cáo thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; việc thay đổi, bổ sung kháng cáo có làm xấu hơn tình trạng của bị cáo hay không.

3.6.2. Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị của VKS

- KSV có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo; rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị.

KSV lưu ý việc ghi vào biên bản phiên tòa việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị của VKS.

- Trường hợp thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị tại phiên tòa, KSV đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét. Nếu Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử thì KSV quyết định và chịu trách nhiệm về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị của VKSD tại phiên tòa. Sau phiên tòa, KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

- Tại phiên tòa, KSV không được thay đổi, bổ sung kháng nghị của VKS cấp dưới.

Tình huống:

C có hành vi dùng kiếm đuổi đánh B (em ruột của A), A dùng xẻng đuổi theo C để giải cứu cho B. Khi B ngã, C quay lại dùng kiếm chém A nên A dùng xẻng đánh vào đầu C gây thương tích tỷ lệ 59%. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh H tuyên A phạm tội giết người theo khoản 2 Điều 123 BLHS.

VKSND cấp cao kháng nghị A phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo khoản 1 Điều 125 BLHS.

Tuy nhiên, qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa thấy: hành vi trái pháp luật của C chưa đến mức nghiêm trọng dẫn đến tinh thần A bị kích động mạnh vì thực tế, B cũng chưa bị thương tích gì, A cũng khẳng định trạng thái tinh thần lúc đó là bình thường nên việc VKS kháng nghị A phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là không có căn cứ. Tuy nhiên, lúc A đang tấn công C thì C đang có hành vi dùng kiếm tấn công A. Hành vi của C rõ ràng là có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội, đe dọa trực tiếp xâm phạm tính mạng, sức khỏe của A và B. Hành vi của A là nhằm ngăn chặn hành vi đang trực tiếp đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của mình và em của mình. Tuy nhiên, hành vi chống trả của A rõ ràng quá mức cần thiết, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại

do C gây ra dẫn đến C bị thương tích 59%. Hậu quả chết người chưa xảy ra là ngoài ý muốn của A.

Tại phiên tòa, KSV đã thay đổi kháng nghị của VKS, từ tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh sang tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

3.6.3. Kiểm sát việc đình chỉ xét xử phúc thẩm

KSV kiểm sát đình chỉ xét xử phúc thẩm tại phiên tòa về thẩm quyền, căn cứ, nội dung, việc gửi quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm tương tự như tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Lưu ý: KSV kiểm sát việc hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án của Hội đồng xét xử trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị mà tại phiên tòa người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu.

3.6.4. Kiểm sát việc xét hỏi và thực hiện xét hỏi

a) Kiểm sát việc xét hỏi

KSV kiểm sát việc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hỏi theo Điều 354 BLTTHS, trong đó lưu ý để bảo đảm cho người kháng cáo được hỏi về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, KSV được hỏi về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị, bị cáo, những người liên quan đến kháng nghị được trình bày ý kiến trong trường hợp VKS thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị.

Trường hợp Hội đồng xét xử có vi phạm như thực hiện không đúng thủ tục xét hỏi người kháng cáo, người bị kháng nghị hoặc công bố lời khai trước khi người được xét hỏi khai tại phiên tòa hoặc Hội đồng xét xử không bảo đảm các quyền được hỏi, được trình bày ý kiến... thì KSV phải đề nghị Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

b) Thực hiện việc xét hỏi

- KSV thực hiện phương pháp, cách thức xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm như tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, trong giai đoạn phúc thẩm, KSV lưu ý việc xét hỏi cần phân biệt 3 trường hợp sau:

+ Xét hỏi trong trường hợp chỉ có kháng cáo: trường hợp này, KSV cần tập trung vào nội dung kháng cáo, xét hỏi nhằm làm rõ lý do kháng cáo của người kháng cáo;

+ Xét hỏi trong trường hợp chỉ có kháng nghị: trường hợp này, KSV cần tập trung xét hỏi để bảo vệ quan điểm kháng nghị;

+ Xét hỏi trong trường hợp vừa có kháng cáo vừa có kháng nghị: trường hợp này, KSV cần lưu ý xét hỏi khi nội dung kháng cáo trùng nội dung kháng nghị và khi nội dung kháng cáo khác nội dung kháng nghị.

- Trong các trường hợp trên có thể xuất hiện tình huống vụ án có các chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới được bổ sung tại phiên tòa. Do đó, khi có các chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới được bổ sung tại phiên tòa, KSV cần xét hỏi người xuất trình, cung cấp bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới tại phiên tòa trước, sau đó, xét hỏi những người tham gia tố tụng khác. KSV cần kiểm tra và xét hỏi về nguồn gốc của những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó, lý do có được những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó và lý do không xuất trình những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đó ở giai đoạn sơ thẩm. Trên cơ sở đó, KSV cần xem xét thận trọng, có những đánh giá khách quan về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới này để có được những kết luận chính xác về tính hợp pháp và tính có căn cứ của các chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới được bổ sung. Nếu KSV thấy chưa đủ điều kiện để kết luận về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới được bổ sung đó có giá trị chứng minh hay không hoặc những chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới đó có thể làm thay đổi nội dung, tính chất của vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để kiểm tra, xác minh làm rõ trước khi KSV có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Trường hợp chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới cần phải có thời gian kiểm tra, xác minh vì có liên quan đến nhiều chứng cứ khác trong vụ án hoặc cần phải trưng cầu giám định mà cấp phúc thẩm không khắc phục được thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại.

Tình huống:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư xuất trình chứng cứ mới là dữ liệu điện tử. Hội đồng xét xử yêu cầu KSV phát biểu ý kiến.

Phát biểu của KSV: *KSV xét hỏi Luật sư về việc xuất trình chứng cứ mới: nguồn gốc của dữ liệu điện tử, cách thức khởi tạo, cách thức thu thập, tính liên quan của dữ liệu điện tử với các tình tiết của vụ án, lý do xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm, tại sao không xuất trình trong các giai đoạn trước đó...; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử quyết định việc cho xem dữ liệu điện tử ngay tại phiên tòa. Tuy nhiên, qua xét hỏi và xem dữ liệu điện tử tại phiên tòa, KSV thấy cần phải xác minh thêm về dữ liệu điện tử này mà không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa nên đã đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.*

Lưu ý: chứng cứ đã được đưa ra trong giai đoạn sơ thẩm nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, đến giai đoạn phúc thẩm lại đưa ra thì cần xem xét kỹ về lý do cấp sơ thẩm không chấp nhận chứng cứ này.

- Thực tiễn thực hiện xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy một số tình huống có thể diễn ra và cách xử lý của KSV như sau:

+ Xét hỏi trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị không cho bị cáo hưởng án treo hoặc xin hưởng án treo

Trình tự xét hỏi: KSV xét hỏi bị cáo trước, sau đó xét hỏi những người tham gia tố tụng khác.

Nội dung xét hỏi: KSV xét hỏi về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, nơi cư trú của bị cáo... để xác định những vi phạm pháp luật của bản án sơ thẩm khi áp dụng điều kiện cho bị cáo hưởng án treo.

Lưu ý: một số sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định cho bị cáo hưởng án treo:

(1) Tòa án cấp sơ thẩm quá nhấn mạnh các tình tiết về nhân thân của bị cáo mà không đánh giá đúng tính chất nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội.

(2) Có những tình tiết về nhân thân của bị cáo chưa được điều tra, xác minh rõ ràng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn coi đó là tình tiết để xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

(3) Tòa án cấp sơ thẩm lạm dụng tình tiết “bị cáo hoặc gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại” khi quyết định cho bị cáo hưởng án treo.

(4) Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá sai về mức độ lỗi hoặc tình tiết “người phạm tội tự thú” khi xét cho bị cáo hưởng án treo...

+ Xét hỏi trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị về tội danh, điều, khoản của BLHS đã được áp dụng

Trình tự xét hỏi: KSV xét hỏi bị cáo trước, sau đó xét hỏi những người tham gia tố tụng khác.

Nội dung xét hỏi: căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và các quy định của pháp luật, KSV xét hỏi bị cáo và những người tham gia tố tụng khác về các yếu tố cấu thành tội phạm, các dấu hiệu định tội, định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự... để làm rõ các căn cứ áp dụng pháp luật cho phù hợp với tội danh và hình phạt.

+ Xét hỏi trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị theo hướng hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại theo hướng có tội

Trình tự xét hỏi: KSV hỏi người làm chứng, bị hại và những người tham

gia tố tụng khác trước, sau đó xét hỏi bị cáo.

Nội dung xét hỏi: trên cơ sở làm rõ các dấu hiệu của tội phạm được quy định tại điều luật của BLHS được áp dụng, KSV xét hỏi nhằm xác định những vi phạm pháp luật của bản án sơ thẩm trong việc kết luận và tuyên bị cáo không phạm tội cũng như để xác định những căn cứ nêu trong kháng cáo, kháng nghị cho rằng bị cáo có tội. KSV xét hỏi người làm chứng, bị hại và những người tham gia tố tụng khác để làm rõ chứng cứ buộc tội, trên cơ sở đó xét hỏi bị cáo về các căn cứ buộc tội. Căn cứ vào các yếu tố cấu thành tội phạm, các dấu hiệu định tội, chứng cứ để buộc tội.

Nếu qua xét hỏi có căn cứ xác định bị cáo có tội nhưng tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ hoặc chưa được làm rõ thì phải đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại.

Tình huống:

A có hành vi dâm ô với B. Quá trình điều tra, truy tố, qua giấy chứng sinh xác định B 15 tuổi 6 tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài giấy chứng sinh còn có chứng minh nhân dân, Tòa án căn cứ vào chứng minh nhân dân của B xác định B 16 tuổi 6 tháng nên tuyên bị cáo không phạm tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi. VKS kháng nghị theo hướng hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng A có tội.

Khi thực hiện xét hỏi, KSV hỏi B, bố mẹ của B về độ tuổi của B; vì sao có mâu thuẫn về ngày, tháng, năm sinh giữa giấy chứng sinh và giấy chứng minh nhân dân; yêu cầu cung cấp các giấy tờ khác chứng minh ngày tháng năm sinh của B. Qua xét hỏi đều cho thấy các giấy tờ khác (giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, hộ chiếu) đều trùng ngày tháng năm sinh với giấy chứng sinh của B. Do vậy, KSV đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng A phạm tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.

+ Xét hỏi trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị về mức hình phạt, loại hình phạt

Trình tự xét hỏi: KSV xét hỏi bị cáo trước, sau đó xét hỏi những người tham gia tố tụng khác.

Nội dung xét hỏi: KSV xét hỏi về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, khả năng thi hành án đối với loại hình phạt được áp dụng ... để làm rõ căn cứ cho việc áp dụng mức hình phạt, loại hình phạt.

+ Xét hỏi trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị theo hướng miễn

trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị cáo

Trình tự xét hỏi: KSV cần chủ động trong việc xét hỏi và phải cân nhắc kỹ xem hỏi ai trước, hỏi ai sau.

Nội dung xét hỏi: KSV cần xét hỏi kỹ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như do có sự thay đổi của chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa hay do người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa hay do chuyển biến của tình hình mà bản thân bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội nữa hay do bị cáo đã được người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo hay do bị cáo chưa được Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và đáng được khoan hồng đặc biệt.

+ Xét hỏi trong trường hợp vụ án có kháng cáo kêu oan

Trình tự xét hỏi: KSV hỏi bị hại hoặc đại diện của bị hại trước (nếu chứng cứ buộc tội chủ yếu dựa vào lời khai của họ), hoặc hỏi người giám định trước (nếu chứng cứ buộc tội chủ yếu dựa vào các tài liệu và kết quả giám định), hoặc hỏi người làm chứng trước (nếu chứng cứ buộc tội chủ yếu dựa vào lời khai của họ), hỏi bị cáo sau cùng.

Nội dung xét hỏi: KSV cần kiểm tra và xét hỏi kỹ về các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, các tình tiết, chứng cứ đã được chứng minh trong các giai đoạn trước đó. Trên cơ sở đó, làm rõ những tình tiết, chứng cứ còn mâu thuẫn, tính hợp pháp của các chứng cứ, nguồn chứng cứ, giá trị pháp lý của các chứng cứ, từ đó, đánh giá hành vi của bị cáo có cấu thành tội phạm không, nếu cấu thành tội phạm thì hành vi của bị cáo có đúng như cấp sơ thẩm xét xử không. Nếu thấy có đủ căn cứ để khẳng định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo có cơ sở thì đề nghị bác kháng cáo.

Nếu thấy các chứng cứ chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tình huống:

Tối ngày 22/2/2016, gia đình nhà ông T tại tỉnh Đ tổ chức uống rượu. Tham gia uống rượu có L, P và nhiều người khác. Sau đó, mọi người chuyển sang hát karaoke. Lúc này có ông B cầm chai rượu đi vào và xin mọi người cho uống rượu cùng. L nói với B “ngồi uống đi nhưng không được chửi lung tung”. B

ngồi xuống uống rượu và xem mọi người hát. Khi mọi người hát, B đứng lên nhảy thì L nói “say rồi thì về đi” nhưng B không chịu về nên L dùng tay đẩy B ra ngoài. Do bức tức, B vừa đi vừa chửi. L nghe và đuổi theo, đẩy mạnh vào lưng làm B ngã. L quay lại nhà ông T thì vẫn nghe B chửi nên L tiếp tục đuổi theo, đập B ngã. Thấy L đánh B, P từ trong nhà chạy ra nói “để cháu đập nó nhé?”. L trả lời “ừ, đánh nhẹ thôi”. P dùng tay phải đánh vào lưng B còn L nhảy lên dùng chân đập vào lưng khiến B ngã xuống đường đất cạnh bờ rào nhà chị H. Sau đó, cả 2 quay lại nhà ông T ngồi chơi rồi đi về. Khoảng 3 giờ sáng ngày 23/2/2016, L gọi P dậy và cùng P đi xe máy đến vị trí nơi đã đánh ông B và phát hiện B nằm bất động. P sờ vào cổ đã cứng, người đã lạnh. L nói với P “cầm đá đập mấy phát cho nó chết luôn đi”. Nghe vậy, P cầm đá đập liên tiếp 6-7 nhát vào đầu B. Sau đó, cả 2 khiêng xác ông B lên xe máy chở đến khu vực rẫy của ông D thì đặt xác B xuống đất, lấy hạt điều non bỏ bên cạnh nhằm tạo hiện trường giả để mọi người nghĩ rằng ông B đi hái trộm điều bị người ta đánh chết. Trên đường đi, L vứt cục đá xuống suối, P điều khiển xe máy chở L về nhà.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm e khoản 1 Điều 48, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, Điều 69, khoản 1 Điều 74 BLHS phạt L 20 năm tù và P 13 năm tù về tội giết người. Các bị cáo kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, KSV thấy rằng: Lời khai của bị cáo không phù hợp với kết luận giám định pháp y và hiện trường. Các bị cáo L, P cho rằng: sau khi dùng tay chân đánh B ngã xỉu nằm cạnh bờ rào nhà chị H thì các bị cáo bỏ đi. Đến khoảng 3 giờ sáng ngày 23/2/2016, các bị cáo quay lại chỗ B đang nằm, dùng đá đập liên tục nhiều nhát vào đầu, mặt B. Tuy nhiên, tại bản kết luận giám định pháp y thể hiện: các vết thương I, II, III và IV không cùng 1 loại hung khí gây ra; hung khí thuộc loại cứng, tày, có góc cạnh, vết thương I và II có trước và vết thương III, IV có sau, thời gian cách nhau từ 4, 5 giờ. Như vậy là có sự khác nhau giữa lời khai và kết luận giám định pháp y. Các bị cáo khai dùng 1 cục đá đánh vào người bị hại nhưng kết quả giám định các vết thương không cùng 1 loại hung khí gây ra. Các bị cáo khai dùng đá đánh 1 lần nhưng kết quả giám định các vết thương I, II có trước, vết thương III, IV có sau, thời gian cách nhau từ 4, 5 giờ trở lên. Vật chứng thu giữ trong vụ án là hòn đá do các bị cáo xác định nhặt và giao nộp tại hiện trường nhưng tại Công văn số 2048/C54(P4) ngày 08/11/2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát thể hiện: việc bị can khai nhận đã dùng đá nhặt trên đường đất đánh vào đầu, mặt nạn nhân B, ngoài ra không sử dụng hung khí khác. Nhưng qua thực tế giám định mẫu vật, kết quả cho thấy mẫu dị vật gửi giám định không phải là đá. Mặt khác, tại biên bản khám

nghiệm hiện trường nơi tử thi B nằm, xung quanh vùng đầu nạn nhân có máu phun trên mặt rom và nền đất, diện tích 3m90x3m50 là thể hiện trên người B có vết thương hở, tim còn đập nên mới có hiện tượng trên. Trong khi đó, các bị cáo cho rằng, khi quay lại bờ rào nhà chị H thấy B nằm bất tỉnh, sờ vào người đã lạnh nên L nói với P “cầm đá đập mấy phát cho nó chết luôn đi”. Ngoài ra, lời khai của các nhân chứng còn mâu thuẫn, chưa được làm rõ. Do thấy vụ án còn nhiều thiếu sót, mâu thuẫn chưa được điều tra làm rõ nhưng cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên KSV đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

+ Xét hỏi trong trường hợp vụ án có kháng cáo về bồi thường thiệt hại

Trình tự xét hỏi: nếu bị cáo kháng cáo thì xét hỏi bị cáo trước rồi đến bị hại; nếu bị đơn dân sự kháng cáo thì xét hỏi bị đơn dân sự trước rồi đến bị cáo, nguyên đơn dân sự; nếu người đại diện của bị cáo, bị đơn dân sự kháng cáo thì xét hỏi người đại diện trước rồi đến bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; những người tham gia tố tụng khác được xét hỏi sau cùng.

Nội dung xét hỏi: KSV xét hỏi về đề nghị tăng, giảm mức bồi thường thiệt hại (tăng, giảm những khoản nào, mức đề nghị tăng, giảm cụ thể bao nhiêu...); lý do đề nghị tăng, giảm mức bồi thường thiệt hại; lỗi của bị hại trong việc gây ra thiệt hại; điều kiện kinh tế của bị cáo, bị đơn dân sự; người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại...

Trường hợp người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo yêu cầu thay đổi này. Nếu người kháng cáo không thay đổi nội dung kháng cáo thì nội dung xét hỏi người kháng cáo là căn cứ để xét hỏi những người tham gia tố tụng khác.

Tình huống:

Trong các ngày 08, 09, 15/11/2018, L đã có 03 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các anh H, S, T. Tổng giá trị L chiếm đoạt là 44.200.000 đồng. Ngày 21/2/2019, Tòa án nhân dân huyện X đưa vụ án ra xét xử. Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm H, S, T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Sau phiên tòa sơ thẩm, H, S, T kháng cáo đề nghị L bồi thường thiệt hại.

KSV xét hỏi H, S, T để làm rõ kháng cáo, lý do vì sao lại kháng cáo đòi bồi thường thiệt hại trong khi giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm không yêu cầu bồi thường thiệt hại:

(1) Nếu thấy lý do kháng cáo là có căn cứ thì KSV yêu cầu H, S, T cung

cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại của mình là hợp pháp.

(2) Nếu bị hại không cung cấp được chứng cứ, tài liệu hoặc chứng cứ, tài liệu cung cấp không hợp pháp thì KSV tranh luận để bác kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

(3) Nếu chứng cứ, tài liệu bị hại cung cấp là hợp pháp, đủ căn cứ để giải quyết tại phiên tòa thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

(4) Nếu chứng cứ, tài liệu bị hại cung cấp cần phải kiểm tra, xác minh và không thể thực hiện ngay tại phiên tòa, KSV đề nghị Hội đồng xét xử hủy án để điều tra lại hoặc xét xử lại.

+ Lưu ý: trong quá trình xét hỏi, nếu bị cáo im lặng, không khai báo, KSV cần giải thích rõ cho bị cáo về quyền “im lặng”. Nếu bị cáo vẫn im lặng thì KSV xét hỏi những người khác, đề nghị Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị cáo trong giai đoạn sơ thẩm.

+ Trường hợp các câu hỏi mà KSV dự kiến xét hỏi đã được Hội đồng xét xử hỏi thì tùy diễn biến tại phiên tòa, KSV đặt các câu hỏi khác để tránh trùng lặp hoặc có thể hỏi các câu hỏi quét (ví dụ: bị cáo đã nghe rõ những câu hỏi của Hội đồng xét xử chưa? yêu cầu bị cáo trả lời lại các câu hỏi của Hội đồng xét xử?..)

3.6.5. Kiểm sát việc tranh luận, phát biểu của KSV tại phiên tòa phúc thẩm và tiến hành tranh luận

a) Kiểm sát việc tranh luận

KSV kiểm sát việc tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm theo Điều 322 và khoản 3 Điều 354 BLTTHS, trong đó, lưu ý bảo đảm cho KSV, người khác liên quan đến kháng cáo, kháng nghị được phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị; KSV được phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án.

b) Phát biểu của KSV tại phiên tòa phúc thẩm²

- Căn cứ theo dự thảo bài phát biểu đã được chuẩn bị và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nhất là khi có chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị và quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án.

- Khi phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị và quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án, KSV không trình bày theo lối “đọc” văn bản, mà phải có phương pháp trình bày theo lối “phát biểu”. Khi phát biểu, KSV phải

² Bao gồm phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị và quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án.

có thái độ nghiêm túc, bình tĩnh, ngôn ngữ phát biểu phải rõ ràng, mạch lạc, có tính thuyết phục cao, tránh lời văn dài dòng, thuật ngữ khó hiểu. KSV có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để phát biểu như diễn dịch, quy nạp, phân tích, so sánh, tổng hợp, các ý tứ phải được sắp xếp chặt chẽ, lôgic. Khi đề nghị, KSV phải trình bày rõ ràng, cụ thể về từng nội dung mà kháng cáo, kháng nghị đã nêu ra.

- Mọi lập luận của KSV chỉ có thể có sức thuyết phục khi có căn cứ, theo sát với diễn biến tại phiên tòa. KSV cần tránh lối suy diễn chủ quan, cường điệu hóa vấn đề hoặc phân tích, đánh giá vấn đề một cách hời hợt. KSV chỉ căn cứ vào những chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác để phân tích, chứng minh cho quan điểm của mình đối với việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị.

Ví dụ: đối với kháng nghị của VKS, KSV phải tập trung trình bày, phân tích lý do của việc kháng nghị, viện dẫn các quy phạm pháp luật để bảo vệ kháng nghị, làm rõ tính có căn cứ và hợp pháp của kháng nghị.

- Trường hợp tại phiên tòa có những tình tiết mới làm thay đổi quan điểm giải quyết vụ án đã được lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện cho ý kiến mà không có điều kiện báo cáo lại thì KSV quyết định cho phù hợp với thực tế của vụ án, diễn biến phiên tòa và phải chịu trách nhiệm về quyết định đó. Sau phiên tòa phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

- KSV phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị và quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án gắn với các thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Ví dụ: khi thấy các quyết định của bản án sơ thẩm có căn cứ và đúng pháp luật, thì khi phát biểu quan điểm, KSV phải đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hoặc khi thấy có căn cứ xác định bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo hoặc có tình tiết mới thì khi phát biểu quan điểm, KSV phải đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo một trong các hướng quy định tại Điều 357 BLTTHS.

c) Tranh luận tại phiên tòa

- KSV thực hiện phương pháp, cách thức tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm như tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, trong giai đoạn phúc thẩm, khi tranh luận, KSV lưu ý tập trung tranh luận vào các nội dung liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

- KSV tranh luận trên cơ sở dự thảo đề cương tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm đã được chuẩn bị trước và diễn biến tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, KSV phải tranh luận tất cả những vấn đề có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị mà bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác nêu ra nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, bác bỏ ý kiến không đúng của họ.

- Trong thực tiễn, tại phiên tòa phúc thẩm có thể có các trường hợp tranh luận cơ bản như sau:

+ Bị cáo, người bào chữa bào chữa theo hướng không có tội;

+ Hành vi phạm tội của bị cáo phạm vào tội danh nhẹ hơn;

+ Quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại;

+ Bị hại hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ không đồng ý với tội danh, điều khoản áp dụng, mức hình phạt, biện pháp tư pháp đã áp dụng đối với bị cáo hoặc cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm;

+ Bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc bồi thường thiệt hại.

Tình huống:

Bản án sơ thẩm quyết định A, B về tội cố ý gây thương tích. Bị hại C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng người chủ mưu là D. Tại phiên tòa, Luật sư của bị hại C cho rằng D đồng phạm với A, B về tội cố ý gây thương tích.

Đổi đáp với Luật sư, KSV đã viện dẫn các tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo, lời khai của bị hại tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm; đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử chiếu trực tiếp hình ảnh từ dữ liệu camera quay tại hiện trường vụ án cho thấy D không xúi giục, tổ chức, giúp sức cho A, B gây thương tích cho C. Tại hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không đưa ra được tình tiết, chứng cứ mới so với giai đoạn sơ thẩm. Từ những lý do đó, KSV cho rằng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

4. Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp sau khi kết thúc phiên tòa

4.1. Giải quyết hồ sơ vụ án do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ

thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 358);
- Quy chế số 505 (Điều 46 và Điều 47).

**** Nội dung công việc***

Trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy để điều tra lại hoặc xét xử lại thì KSV đã thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phúc thẩm phải kiểm sát việc chuyển hồ sơ của Tòa án cho VKS hoặc Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết theo thủ tục chung; đề xuất, báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện hướng dẫn VKS cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án nếu việc hủy này phù hợp với quan điểm của VKS (không cần thiết hướng dẫn trong trường hợp hủy để xét xử lại). Nếu không đồng ý với quyết định hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại của Tòa án thì KSV đề xuất, báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện đề nghị VKS có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm.

Trong thời gian chuyển hồ sơ để điều tra lại, KSV của VKS cấp sơ thẩm sau khi nhận hồ sơ để thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung cần lưu ý kiểm sát chặt chẽ thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với bị can, bị cáo, đặc biệt là biện pháp tạm giam; kịp thời yêu cầu Tòa án tiếp tục tạm giam bị can, bị cáo để bảo đảm việc giải quyết vụ án.

4.2. Kiểm sát bản án phúc thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 260, 261 và 262);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 28-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 47).

**** Nội dung công việc***

- KSV VKS cấp phúc thẩm kiểm sát thẩm quyền, nội dung, hình thức bản án phúc thẩm theo Điều 260 và Điều 261 BLTTHS, Mẫu số 28-HS ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP.

KSV cần nghiên cứu, đối chiếu bản án phúc thẩm với biên bản phiên tòa và biên bản nghị án để xem có phù hợp không? Nếu phát hiện bản án phúc thẩm có vi phạm pháp luật như không có căn cứ, không đúng pháp luật, không phản ánh đúng kết quả phiên tòa mà vi phạm này là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm thì kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, quyết định đề nghị

việc kháng nghị giám đốc thẩm; nếu vi phạm không đến mức kháng nghị thì tổng hợp đề kiến nghị chung hoặc kiến nghị theo vụ việc. Đối với những sai sót về hình thức của bản án, KSV có thể đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa khắc phục hoặc báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục, sửa chữa kịp thời.

Lưu ý: KSV kiểm sát bản án phúc thẩm nội dung nhận định lý do hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án là do người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu của Tòa án trong trường hợp tại phiên tòa người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút yêu cầu và Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ vụ án.

Kiểm sát chặt chẽ thời điểm ban hành bản án phúc thẩm để tránh trường hợp bản án phúc thẩm quyết định giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị, nhưng vì bản án phúc thẩm chậm được ban hành nên bị cáo phải chấp hành quá thời hạn chấp hành án đã được cấp phúc thẩm quyết định giảm.

- KSV kiểm sát việc Tòa án giao bản án đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng theo Điều 262 BLTTHS; trường hợp phát hiện vi phạm thì KSV kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm, yêu cầu Tòa án thực hiện đúng theo quy định của BLTTHS.

- KSV sao gửi bản án phúc thẩm cho VKS cấp trên. Việc sao gửi được thực hiện theo khoản 2 Điều 47 Quy chế số 505.

4.3. Đề xuất, kiến nghị việc kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***
Quy chế số 505 (Điều 47 và Mẫu số 23/XG (hoặc XT)).

**** Nội dung công việc***

- Khi có căn cứ theo Điều 371 hoặc Điều 398 BLTTHS và Điều 57 Quy chế số 505, KSV báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để báo cáo người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

- Dự thảo báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm được xây dựng theo Mẫu số 23/XG (hoặc XT) ban hành kèm theo Quy chế số 505.

Tình huống:

Trong lúc điều khiển xe trên đường, A, B nhìn thấy C điều khiển xe máy lạng lách phía trước nên tức giận đã dùng tay, chân, mũ bảo hiểm đánh C khiến

C phải bỏ xe chạy thoát thân (trong lúc chờ đèn đỏ). Ngay sau đó, A và B đã chiếm đoạt chiếc xe máy của C, đem bán được 37.000.000 đồng tiêu xài.

Bản án sơ thẩm quyết định A, B phạm tội cướp tài sản. Bản án phúc thẩm quyết định A, B phạm tội trộm cắp tài sản.

KSV cho rằng việc Tòa án cấp phúc thẩm chuyển tội danh đối với các bị cáo từ tội cướp tài sản sang tội trộm cắp tài sản là không đúng hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Các bị cáo đã công khai dùng vũ lực tấn công bị hại rồi chiếm đoạt tài sản của bị hại ngay sau đó chứ không lén lút lấy trộm tài sản của bị hại. Bản án phúc thẩm đã nhận định và đánh giá thiếu toàn diện, khách quan đối với vụ án, có sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật, xét xử sai tội danh dẫn đến tuyên phạt các bị cáo mức hình phạt quá nhẹ, không có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Ngay sau phiên tòa, KSV đã báo cáo lãnh đạo Viện về diễn biến, kết quả phiên tòa phúc thẩm; đồng thời tham mưu lãnh đạo Viện ban hành báo cáo đề nghị VKS cấp trên xem xét kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm. Kết quả, Hội đồng giám đốc thẩm đã tuyên hủy bản án phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

4.4. Theo dõi kết quả xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao Quy chế số 505 (Điều 48).*

*** Nội dung công việc**

Đối với bản án phúc thẩm của Tòa án cùng cấp bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, KSV đã thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phúc thẩm phải theo dõi kết quả xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm để báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện.

Đối với bản án phúc thẩm bị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm hủy án để xét xử lại ở cấp phúc thẩm, KSV phải kiểm tra hồ sơ vụ án, chứng cứ, tài liệu, đồ vật để chuẩn bị tham gia phiên tòa xét xử phúc thẩm lại vụ án (chuẩn bị đề cương xét hỏi, chuẩn bị bài phát biểu quan điểm của VKS, chuẩn bị đề cương tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm). Khác với vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thông thường, trong trường hợp này, KSV phải tập trung vào việc làm rõ lý do hủy bản án, quyết định phúc thẩm của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

5. Một số lưu ý khi thực hành quyền công tố, kiểm sát thủ tục phúc thẩm đối với quyết định sơ thẩm

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (Điều 362);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 46-HS);
- Quy chế số 505.

** Nội dung công việc*

5.1. Các quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị

Theo khoản 2 Điều 330 BLTTHS thì các quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị gồm:

- Quyết định tạm đình chỉ vụ án;
- Quyết định đình chỉ vụ án;
- Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo;
- Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo;
- Quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm theo quy định của BLTTHS (như quyết định giải quyết đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo; quyết định về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định khởi tố vụ án của Hội đồng xét xử..).

5.2. Kiểm sát việc triệu tập người kháng cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị của Tòa án

KSV kiểm sát việc triệu tập người kháng cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị của Tòa án theo khoản 1 Điều 362 BLTTHS; trường hợp có người vắng mặt thì phải ghi rõ lý do vắng mặt.

5.3. Kiểm sát việc mở phiên họp của Tòa án

KSV kiểm sát việc mở phiên họp của Tòa án theo khoản 2 Điều 362 BLTTHS, trong đó, lưu ý thời hạn mở phiên họp: 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ vụ án, 10 ngày kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp.

5.4. Kiểm sát việc chuyển hồ sơ vụ án, quyết định mở phiên họp cho VKS của Tòa án

KSV kiểm sát việc việc chuyển hồ sơ vụ án, quyết định mở phiên họp cho VKS của Tòa án theo khoản 2 Điều 362 BLTTHS, trong đó, lưu ý thời hạn

chuyển hồ sơ và quyết định: 02 ngày kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp.

KSV phải trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án.

5.5. Nghiên cứu hồ sơ vụ án và quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị

Sau khi nhận hồ sơ vụ án và quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị, KSV nghiên cứu hồ sơ vụ án và quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo khoản 2 Điều 362 BLTTHS để chuẩn bị ý kiến phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị tại phiên họp.

5.6. Kiểm sát thủ tục tố tụng tại phiên họp

KSV kiểm sát thủ tục tố tụng tại phiên họp theo khoản 3 Điều 362 BLTTHS:

- Hình thức: phiên họp.

- Trình tự, thủ tục: một thành viên của Hội đồng xét xử phúc thẩm trình bày tóm tắt nội dung quyết định sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có) >>> KSV phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị >>> Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định.

- Lưu ý: trường hợp VKS kháng nghị quyết định tạm đình chỉ vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm: trước khi mở phiên họp xem xét quyết định sơ thẩm bị kháng nghị mà có căn cứ phục hồi vụ án, Tòa án không mở phiên họp xem xét quyết định sơ thẩm bị kháng nghị mà ra quyết định phục hồi vụ án thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện rút quyết định kháng nghị.

5.7. Phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị

KSV phải có mặt tại phiên họp phúc thẩm, phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định.

CHƯƠNG IV

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO THỦ TỤC RÚT GỌN

1. Kiểm sát việc áp dụng, hủy bỏ thủ tục rút gọn

** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (các điều 456, 457 và 458);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 16-HS và Mẫu số 17-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 35).

** Nội dung công việc*

- KSV kiểm sát chặt chẽ điều kiện áp dụng, hủy bỏ thủ tục rút gọn của Tòa án theo Điều 456 và Điều 458 BLTTHS.

Lưu ý: thủ tục rút gọn được áp dụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm là quy định mới của BLTTHS, do đó, khi có các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 456 BLTTHS mà Tòa án chưa quyết định áp dụng thủ tục rút gọn, KSV cần kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án thực hiện.

- KSV kiểm sát chặt chẽ thẩm quyền ban hành, nội dung, hình thức của quyết định áp dụng thủ tục rút gọn, quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Tòa án, việc giao, gửi các quyết định theo Điều 457 BLTTHS.

Khi thấy quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Tòa án không đúng pháp luật thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị với Chánh án Tòa án đã ra quyết định. Trường hợp quá thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được kiến nghị mà Chánh án Tòa án không trả lời thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, quyết định.

Lưu ý: một số vi phạm của Tòa án cấp phúc thẩm khi quyết định áp dụng thủ tục rút gọn: vụ án không có kháng cáo, kháng nghị giảm nhẹ hình phạt hoặc không có kháng cáo, kháng nghị cho bị cáo được hưởng án treo mặc dù đã được áp dụng thủ tục rút gọn trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Khi thấy quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Tòa án không còn đủ điều kiện áp dụng thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện đề kiến nghị với Chánh án Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và áp dụng thủ tục chung để giải quyết vụ án.

- KSV kiểm sát chặt chẽ thẩm quyền ban hành, nội dung, hình thức của

quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Tòa án, việc giao, gửi các quyết định theo Điều 458 BLTTHS.

Khi thấy quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Tòa án không có căn cứ thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét kiến nghị với Chánh án Tòa án.

Khi thấy có căn cứ để hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn nhưng Tòa án không hủy thì KSV kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét kiến nghị với Chánh án Tòa án. Nếu Chánh án Tòa án không hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn thì KSV tiếp tục thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án theo Chương XXXI của BLTTHS.

- KSV kiểm sát thời hạn giải quyết và nội dung giải quyết khiếu nại của Tòa án. Nếu phát hiện vi phạm thì tùy theo mức độ của vi phạm, KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để thực hiện một trong các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị đối với Tòa án.

2. Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo thủ tục rút gọn

2.1. Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động chuẩn bị xét xử

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 462 và Điều 463);

- Quy chế số 505 (Điều 35).

**** Nội dung công việc***

Các nội dung công việc cần thực hiện của KSV khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn về cơ bản cũng theo các nội dung công việc cần thực hiện đã phân tích tại mục 1 Chương II Sổ tay này, chỉ có sự khác biệt về mặt thời hạn, thành phần Hội đồng xét xử. Do đó, KSV kiểm sát chặt chẽ thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo Điều 462 BLTTHS, thành phần Hội đồng xét xử theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nếu Tòa án vi phạm thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm.

2.2. Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 463);

- Quy chế số 505 (Điều 35).

*** Nội dung công việc**

Các nội dung công việc cần thực hiện của KSV khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa vụ án theo thủ tục rút gọn về cơ bản cũng theo các nội dung công việc cần thực hiện đã phân tích tại mục 2 Chương II Sổ tay này. Tuy nhiên, KSV cần lưu ý:

- Kiểm sát chặt chẽ thành phần Hội đồng xét xử theo Điều 463 BLTTHS. Nếu Tòa án vi phạm thì KSV đề nghị Tòa án khắc phục vi phạm.

- KSV công bố quyết định truy tố (thay vì cáo trạng như thủ tục thông thường).

- Khi xét hỏi, KSV chỉ cần đặt những câu hỏi đơn giản, chủ yếu để khẳng định lại hành vi hoặc những câu hỏi mang tính chất gợi mở để bị cáo tự khai là có thể làm rõ được nội dung vụ án.

- Khi luận tội, KSV chỉ cần tập trung vào phần nội dung, chủ yếu nêu rõ các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội.

- Do không có thủ tục nghị án nên không đặt ra việc kiểm sát thủ tục này.

3. Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự theo thủ tục rút gọn

3.1. Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động chuẩn bị xét xử

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 464);

- Quy chế số 505 (Điều 49).

*** Nội dung công việc**

Các nội dung công việc cần thực hiện của KSV khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn về cơ bản cũng theo các nội dung công việc cần thực hiện đã phân tích tại mục 2 Chương III Sổ tay này, chỉ khác về thời hạn. Do đó, KSV kiểm sát chặt chẽ thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo Điều 464 BLTTHS. Nếu Tòa án vi phạm thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm.

3.2. Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 465);

- Quy chế số 505 (Điều 49).

*** Nội dung công việc**

Các nội dung công việc cần thực hiện của KSV khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa vụ án theo thủ tục rút gọn về cơ bản cũng theo các nội dung công việc cần thực hiện đã phân tích tại mục 3 Chương III Sổ tay này. Tuy nhiên, KSV cần lưu ý kiểm sát chặt chẽ thành phần Hội đồng xét xử theo Điều 465 BLTTHS; nếu Tòa án vi phạm thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm. Do không có thủ tục nghị án nên không đặt ra việc kiểm sát thủ tục này.

CHƯƠNG V

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VIỆC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

1. Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm

1.1. Một số vấn đề chung

* *Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao*

- BLTTHS (các điều 370, 371, 372, 373 và 379);

- Quy chế số 505 (Điều 50 và Điều 57).

* *Nội dung công việc*

1.1.1. Tính chất, căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

- Giám đốc thẩm là xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án.

Lưu ý: các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật:

+ Bản án, quyết định và những phần của bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị (Điều 343 BLTTHS);

+ Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm (khoản 1 Điều 348 BLTTHS);

+ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (khoản 2 Điều 355 BLTTHS);

+ Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định (khoản 2 Điều 361 BLTTHS);

+ Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm, Hội đồng tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định (khoản 1 Điều 395, Điều 403 BLTTHS).

- Các căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo Điều 371 BLTTHS gồm:

(1) Căn cứ “*Kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án*”: đây là trường hợp mà trong phần xét thấy, trong phần quyết định của bản án hoặc quyết định có nhận định không phù

hợp với những tình tiết khách quan đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa hoặc những tình tiết khách quan đã được làm rõ tại phiên tòa qua xét hỏi, tranh luận.

(2) Căn cứ “*Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án*”: đây là trường hợp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã bỏ qua hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ những quy định của BLTTHS dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án. Một số vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng có thể là căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm:

+ Không chỉ định, thay đổi hoặc chấm dứt việc chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội theo Điều 76 và Điều 77 BLTTHS;

+ Xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

+ Khởi tố vụ án hình sự nhưng không có yêu cầu của bị hại hoặc của người đại diện của bị hại theo khoản 1 Điều 155 BLTTHS;

+ Nhập vụ án hoặc tách vụ án không đúng quy định tại Điều 170 hoặc Điều 242 BLTTHS;

+ Không cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng gồm lệnh, quyết định, yêu cầu, kết luận điều tra, cáo trạng, bản án cho người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật xâm hại nghiêm trọng đến quyền bào chữa, quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng khác;

+ Chưa điều tra, lập lý lịch của bị can; chưa xác định được những đặc điểm quan trọng về nhân thân của bị can, bị cáo (tuổi, tiền án, tiền sự), lý lịch hoạt động của pháp nhân thương mại phạm tội (tên, địa chỉ, những vấn đề khác liên quan đến hồ sơ pháp lý của pháp nhân thương mại);

+ Không có người phiên dịch, người dịch thuật cho người tham gia tố tụng trong trường hợp họ không sử dụng được tiếng Việt hoặc tài liệu tố tụng không thể hiện bằng tiếng Việt; họ là người câm, người điếc, người mù theo Điều 70 BLTTHS;

+ Không từ chối tiến hành, tham gia tố tụng hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong trường hợp quy định tại các điều 49, 51, 52, 53, 54, 68, 69 và 70 BLTTHS;

+ Việc điều tra, thu thập chứng cứ để chứng minh đối với vụ án không đúng trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS nên không có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự như vi phạm trong công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét, thu giữ vật chứng...;

+ Chứng cứ để chứng minh đối với vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố nhưng không đưa vào hồ sơ vụ án hoặc bị sửa chữa, thêm bớt dẫn đến sai lệch hồ sơ vụ án;

+ Việc điều tra, truy tố, xét xử không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Có căn cứ để xác định có việc bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành tố tụng làm cho lời khai của bị can không đúng sự thật;

+ Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án thiếu căn cứ, không đúng quy định;

+ Triệu tập không đầy đủ, không triệu tập những người cần triệu tập đến phiên tòa để xét hỏi hoặc người được triệu tập không nhận được giấy triệu tập mà không phải lỗi của họ;

+ Thành phần Hội đồng xét xử không đúng quy định của pháp luật;

+ Hội đồng xét xử không thực hiện đúng các quy định của BLTTHS tại phiên tòa như: không xem xét kiến nghị của bị cáo, bị hại về thay đổi người tiến hành tố tụng mà vẫn tiếp tục xét xử; quy định về sự có mặt của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa (ví dụ: trường hợp bị cáo, người bào chữa vắng mặt có lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nhưng Tòa án vẫn tiến hành xét xử); phần quyết định của bản án không đúng với nội dung biên bản nghị án...

(3) Căn cứ “Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật”: là trường hợp vi phạm trong việc áp dụng quy định của BLHS hoặc quy định của văn bản quy phạm pháp luật khác. Cụ thể:

+ Áp dụng sai điều, khoản của BLHS dẫn đến xét xử bị cáo về tội nặng hơn hoặc nhẹ hơn;

+ Áp dụng sai pháp luật, ví dụ: người phạm tội rất nghiêm trọng nhưng Tòa án tuyên hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạm tội nhiều lần nhưng Tòa án lại cho hưởng án treo...;

+ Áp dụng khoản nặng hơn hoặc nhẹ hơn không đúng với nguyên tắc xử lý vụ án;

+ Áp dụng đúng điểm, khoản, điều luật của BLHS nhưng xử quá nhẹ hoặc

quá nặng hoặc buộc bồi thường không đúng...

- Thực tiễn xét xử giám đốc thẩm cho thấy có các dạng vi phạm sau:

+ Kết án người hoàn toàn không thực hiện hành vi phạm tội.

+ Kết án người mà hành vi của họ không cấu thành tội phạm. Khác với trường hợp trên, đây là trường hợp người bị kết án có thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội, nhưng theo quy định của BLHS thì hành vi của họ không phải là tội phạm hoặc không phải chịu trách nhiệm hình sự như: hành vi gây thiệt hại trong “tình thế cấp thiết”, trong trường hợp “phòng vệ chính đáng” hoặc trong trường hợp “sự kiện bất ngờ”; gây thiệt hại trong tình trạng không có năng lực chịu trách nhiệm hình sự; chuẩn bị phạm tội ít nghiêm trọng; hậu quả gây ra chưa đến mức bị coi là tội phạm như trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2 triệu đồng và không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

- Kết án người chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

- Kết án sai tội danh. Kết án sai tội danh là trường hợp hành vi của bị cáo phạm tội danh này, nhưng Tòa án lại kết án bị cáo về tội danh khác.

- Áp dụng khung, khoản của BLHS không đúng với tính chất của hành vi phạm tội của bị cáo. Ví dụ: bị cáo phạm tội giết người theo khoản 2 Điều 123 BLHS nhưng do Hội đồng xét xử đánh giá sai tính chất hành vi của bị cáo nên đã kết tội bị cáo theo khoản 1 Điều 123 BLHS hoặc ngược lại, bị cáo phạm tội giết người theo khoản 1 Điều 123 BLHS nhưng Tòa án lại tuyên bị cáo phạm tội giết người theo khoản 2 Điều 123 BLHS...

- Tòa án áp dụng các biện pháp tư pháp trái pháp luật, vi phạm nghiêm trọng quy định tại Chương VII BLHS.

1.1.2. Phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm

- Người bị kết án, cơ quan, tổ chức và mọi cá nhân có quyền phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị.

- Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện để phát hiện vi phạm pháp luật và kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị.

Tòa án quân sự cấp quân khu thực hiện việc kiểm tra bản án, quyết định đã

có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự khu vực để phát hiện vi phạm pháp luật và kiến nghị Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét kháng nghị.

- Khi thực hiện công tác giám đốc việc xét xử, kiểm sát việc xét xử hoặc qua các nguồn thông tin khác mà Tòa án, VKS phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì thông báo ngay bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị.

1.1.3. Nguồn phát hiện vi phạm pháp luật

Nguồn phát hiện vi phạm pháp luật của bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật bao gồm:

- Đơn của người bị kết án; thông báo, kiến nghị, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Báo cáo đề xuất kháng nghị của VKS các cấp.

- Kết quả kiểm tra, thanh tra công tác nghiệp vụ; kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án.

- Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng có liên quan đến vụ án.

1.1.4. Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm

Thẩm quyền, thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm được thực hiện theo Điều 373, Điều 379 BLTTHS và Điều 57 Quy chế số 505.

1.2. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trước khi mở phiên tòa giám đốc thẩm

1.2.1. Tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết đơn, thông báo, kiến nghị, đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm và kiểm sát việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết đơn, thông báo, kiến nghị, đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 133, 372 và 375);

- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 53-HS);

- Quy chế số 505 (Điều 51);

- Quy định số 201 (các điều 5, 6, 7, 8, 9 và 10);

- Hướng dẫn số 09.

**** Nội dung công việc***

- KSV tiếp nhận đơn, thông báo, kiến nghị, đề nghị giám đốc thẩm được thực hiện theo Điều 375 BLTTHS và Điều 5 Quy định số 201:

+ Vào sổ nhận thông báo khi nhận được thông báo bằng văn bản theo khoản 1 Điều 375 BLTTHS.

+ Lập biên bản khi người bị kết án, cơ quan, tổ chức, cá nhân trình bày trực tiếp về vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Lập biên bản thu giữ theo Điều 133 BLTTHS khi người thông báo cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật.

+ Gửi thông báo, biên bản kèm theo chứng cứ, tài liệu, đồ vật (nếu có) theo khoản 3 Điều 375 BLTTHS.

- KSV phân loại đơn, thông báo, kiến nghị, đề nghị giám đốc thẩm được thực hiện theo các điều 6, 7, 8, 9 và 10 Quy định số 201.

- Việc xử lý, giải quyết đơn, thông báo, kiến nghị, đề nghị giám đốc thẩm được thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 51 Quy chế số 505; các điều 11, 12, 14 và 15 Quy định số 201. Lãnh đạo Viện phân công KSV xử lý, giải quyết đơn trong trường hợp đơn, thông báo, kiến nghị, đề nghị giám đốc thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS theo Điều 11 Quy định số 201. KSV được phân công thực hiện các công việc theo khoản 2 Điều 51 Quy chế 505:

+ Báo cáo người có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ vụ án (xem chi tiết tại mục 1.2.3 Chương V Sổ tay này);

+ Nghiên cứu hồ sơ vụ án, đề xuất giải quyết (xem chi tiết tại mục 1.2.5 Chương V Sổ tay này).

- KSV kiểm sát việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết đơn, thông báo, kiến nghị, đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án theo Điều 372 và Điều 375 BLTTHS. KSV lưu ý phối hợp với Tòa án có thẩm quyền để trao đổi nghiệp vụ, nắm tình hình tiếp nhận và kết quả giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đảm bảo việc giải quyết đơn đúng thời hạn theo Hướng dẫn số 09.

1.2.2. Kiểm sát bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP;

- Quy chế số 505 (Điều 52);

- Hướng dẫn số 09.

**** Nội dung công việc***

- KSV kiểm sát bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo Điều 52 Quy chế số 505.

- KSV thuộc VKSND cấp cao kiểm sát chặt chẽ các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, tập trung rà soát, nghiên cứu những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng có đơn kêu oan; đơn nêu các dấu hiệu vi phạm tố tụng, đơn bổ sung tình tiết mới, các chất vấn, kiến nghị của Đại biểu quốc hội, cử tri... để báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện rút hồ sơ nghiên cứu, phát hiện vi phạm, kịp thời kháng nghị theo thẩm quyền theo Hướng dẫn số 09.

1.2.3. Báo cáo người có thẩm quyền để yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án và kiểm sát việc Tòa án chuyển hồ sơ để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 376);

- Quy chế số 505 (Điều 51, Điều 53 và Mẫu số 21/XG);

- Quy định số 201 (Điều 12).

*** Nội dung công việc**

- KSV được phân công nghiên cứu, đề xuất giải quyết báo cáo người có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ vụ án theo khoản 1, khoản 2 Điều 53 Quy chế số 505 và khoản 1 Điều 12 Quy định số 201.

- KSV kiểm sát về thời hạn chuyển hồ sơ của Tòa án đang quản lý hồ sơ vụ án theo khoản 1 Điều 376 BLTTHS.

- KSV kiểm sát việc chuyển và việc thông báo về việc chuyển hồ sơ vụ án trong trường hợp Tòa án và VKS cùng có văn bản yêu cầu chuyển theo khoản 2 Điều 376 BLTTHS và khoản 3 Điều 53 Quy chế số 505.

- Lưu ý:

+ Trường hợp Tòa án không chuyển hồ sơ hoặc nhận được thông báo của Tòa án quản lý hồ sơ về việc đã chuyển hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết thì KSV xử lý theo khoản 3 Điều 53 Quy chế số 505, các khoản 3, 4 và 5 Điều 12 Quy định số 201.

+ Văn bản yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ, đôn đốc Tòa án chuyển hồ sơ, thông báo cho người gửi đơn phải được gửi cho đơn vị tiếp nhận để quản lý theo dõi theo khoản 6 Điều 12 Quy định số 201.

+ Việc chuyển, trả hồ sơ vụ án sau khi ban hành văn bản giải quyết đơn

thực hiện theo Điều 17 Quy định số 201.

1.2.4. Xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật theo thủ tục giám đốc thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- Quy chế số 505 (Điều 54);
- Quy định số 201 (Điều 14).

**** Nội dung công việc***

Khi xét thấy cần thiết, KSV tiến hành lập kế hoạch xác minh, báo cáo lãnh đạo Viện phê duyệt. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật theo thủ tục giám đốc thẩm được thực hiện tương tự ở cấp phúc thẩm theo khoản 2 Điều 39 Quy chế số 505 và Điều 14 Quy định số 201. KSV lưu ý:

- Thẩm quyền quyết định việc xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật thực hiện theo khoản 1 Điều 54 Quy chế số 505.

- VKS nơi nhận được yêu cầu xác minh thực hiện trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện cho VKS có yêu cầu tiến hành xác minh được thuận lợi theo khoản 1 Điều 54 Quy chế số 505.

- Tập trung làm rõ những căn cứ để Viện trưởng VKS kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm; làm rõ căn cứ, kết luận kháng nghị của Chánh án Tòa án.

1.2.5. Nghiên cứu hồ sơ vụ án

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 380);
- Quy chế số 505 (các điều 9, 16, 40, 55 và Mẫu số 09/HS);
- Quy định số 201 (Điều 15).

**** Nội dung công việc***

- KSV trực tiếp nghiên cứu hồ sơ vụ án, lập bản nghiên cứu tổng hợp chứng cứ tương tự ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm theo Điều 16 và Điều 40 Quy chế số 505. KSV tập trung nghiên cứu kỹ đơn của người bị kết án; thông báo, kiến nghị, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đề xuất kháng nghị của VKS các cấp; các nguồn thông tin khác; chứng cứ, tài liệu, đồ vật sau khi xác minh, thu thập được; nội dung bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Sau khi nghiên cứu, KSV báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ theo Điều 9 Quy chế số 505, trong đó nêu rõ phương án xử lý:

+ Đề xuất thông báo không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm trong trường hợp không đủ căn cứ, điều kiện kháng nghị theo điểm b khoản 2 Điều 55 Quy chế số 505. Trường hợp có vi phạm nhưng chưa đến mức kháng nghị thì đề xuất ban hành văn bản kiến nghị khắc phục vi phạm theo i điểm c khoản 2 Điều 55 Quy chế số 505.

+ Đề xuất kháng nghị trong trường hợp có đủ căn cứ, điều kiện kháng nghị theo điểm a khoản 2 Điều 55 Quy chế số 505.

- KSV lưu ý thời hạn được quản lý hồ sơ để chủ động trong việc nghiên cứu:

+ Trường hợp Tòa án kháng nghị giám đốc thẩm, VKS phải trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án theo khoản 2 Điều 380 BLTTHS.

+ Trường hợp VKS kháng nghị giám đốc thẩm, sau khi quyết định kháng nghị, VKS phải gửi quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án ngay cho Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm theo khoản 3 Điều 380 BLTTHS.

1.2.6. Thông báo không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 379);
- Quy chế số 505 (Điều 56 và Mẫu số 25/XG);
- Quy định số 201 (khoản 2 Điều 16);
- Quy định số 02.

**** Nội dung công việc***

- Trình tự, thủ tục ban hành (dự thảo, trình ký) thông báo không kháng nghị thực hiện theo khoản 2 Điều 16 Quy định số 201.

- Căn cứ ban hành thông báo không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm: không có đủ căn cứ, điều kiện kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Thẩm quyền ký văn bản thông báo không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 56 Quy chế số 505.

- Gửi thông báo theo điểm b khoản 2 Điều 55 Quy chế số 505 và khoản 2 Điều 16 Quy định số 201.

- Lưu ý: trường hợp VKSND cấp cao đã có văn bản thông báo không kháng nghị mà cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục có đơn, thông báo, kiến nghị, đề nghị xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì KSV

thuộc VKSND tối cao báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, giải quyết theo Quy định số 02.

1.2.7. Kháng nghị giám đốc thẩm của VKS và nghiên cứu kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 371, 373, 378 và 379);
- Quy chế số 505 (Điều 57, Điều 58 và Mẫu số 28/XG);
- Quy định số 201 (Điều 16).

**** Nội dung công việc***

- Trình tự, thủ tục ban hành (dự thảo, trình ký) quyết định kháng nghị giám đốc thẩm thực hiện cụ thể theo khoản 1 Điều 16 Quy định số 201.

- Căn cứ, thẩm quyền, thời hạn ra quyết định kháng nghị giám đốc thẩm được thực hiện theo các điều 371, 373 và 379 BLTTHS.

- Quyết định kháng nghị được ban hành thực hiện theo Điều 378 BLTTHS và khoản 1 Điều 58 Quy chế số 505.

- Lưu ý: tại phần “Xét thấy”, KSV cần phân tích, chỉ rõ và có lập luận, chứng minh cho những vi phạm pháp luật, sai lầm của Bản án bị kháng nghị. Ví dụ: trường hợp kháng nghị không cho bị cáo hưởng án treo thì không nên nêu chung chung “Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức án quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, hành vi của bị cáo” mà cần phân tích, chứng minh và chỉ ra được những vi phạm của bản án sơ thẩm trong việc cho bị cáo hưởng án treo như bị cáo bị áp dụng tình tiết “có tính chất côn đồ” mà được cho hưởng án treo là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo.

1.2.8. Gửi quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của VKS

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 380);
- Quy chế số 505 (Điều 59);
- Quy định số 201 (Điều 16).

**** Nội dung công việc***

- KSV gửi quyết định kháng nghị giám đốc thẩm theo khoản 1, khoản 2

Điều 380, khoản 2 Điều 59 Quy chế số 505 và khoản 1 Điều 16 Quy định số 201.

- Trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính nhưng bị bưu điện trả lại thư do không gửi được cho người bị kết án và những người khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến nội dung kháng nghị thì KSV cần chủ động, linh hoạt áp dụng các phương án, khắc phục những khó khăn, bảo đảm việc gửi quyết định kháng nghị đúng quy định pháp luật (Điều 138 và Điều 139 BLTTHS), ví dụ: ủy thác cho VKS địa phương gửi quyết định kháng nghị hoặc KSV trực tiếp tổng đạt quyết định kháng nghị....

1.2.9. Tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị VKS kháng nghị giám đốc thẩm và kiểm sát việc tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm trong trường hợp Tòa án kháng nghị giám đốc thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (Điều 377);
- Quy chế số 505 (Điều 58 và Mẫu số 30/XG);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 56-HS).

**** Nội dung công việc***

- Trường hợp VKS kháng nghị giám đốc thẩm: cùng với đề xuất kháng nghị giám đốc thẩm hoặc sau khi lãnh đạo Viện ban hành kháng nghị giám đốc thẩm, trường hợp thấy cần thiết phải tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm thì KSV đề xuất với lãnh đạo Viện quyết định việc tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm theo Điều 377 BLTTHS.

- Trường hợp Tòa án kháng nghị giám đốc thẩm: KSV kiểm sát thẩm quyền ra quyết định, phạm vi tạm đình chỉ, việc gửi quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định theo tại Điều 377 BLTTHS.

- KSV phối hợp với đơn vị kiểm sát thi hành án để kiểm sát việc thi hành quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm.

- Lưu ý:

+ Phạm vi tạm đình chỉ: có thể tạm đình chỉ thi hành đối với toàn bộ hoặc một phần của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và chỉ tạm đình chỉ đối với phần của bản án, quyết định bị kháng nghị.

+ VKS có mẫu riêng quyết định việc tạm đình chỉ thi hành đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị (Mẫu số 30/XG ban hành kèm

theo Quy chế số 505); còn Tòa án quyết định việc tạm đình chỉ trong *Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm* (Mẫu số 56-HS ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP).

1.2.10. Nghiên cứu, kiểm sát quyết định kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của Tòa án

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 373 và Điều 379);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 56-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 55).

*** Nội dung công việc**

- KSV kiểm sát việc gửi quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án cho VKS trong trường hợp Tòa án kháng nghị giám đốc thẩm theo khoản 1 và khoản 2 Điều 380 BLTTHS.

- Sau khi nhận được quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án, KSV nghiên cứu quyết định của Tòa án, kiểm sát về thẩm quyền, nội dung quyết định theo Điều 378 BLTTHS và Mẫu số 56-HS ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP, nhất là các căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án.

+ Phần mở đầu:

Kiểm sát việc chấp hành thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, bảo đảm đúng Điều 373 BLTTHS. KSV căn cứ vào tên bản án (quyết định) của Tòa án bị kháng nghị trong quyết định và tên Tòa án ra quyết định kháng nghị trong quyết định và đối chiếu với Điều 373 BLTTHS để xác định Tòa án có vi phạm về thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hay không.

Kiểm sát việc chấp hành thời hạn kháng nghị, bảo đảm đúng Điều 379 BLTTHS. KSV căn cứ vào ngày ghi trong quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, nội dung kháng nghị tại phần “Xét thấy” trong quyết định (kháng nghị theo hướng có lợi/không có lợi cho người bị kết án) để xác định Tòa án có vi phạm về thời hạn kháng nghị hay không.

+ Phần nội dung vụ án:

KSV cần kiểm sát trong phần này có tóm tắt đầy đủ, khách quan nội dung vụ án liên quan đến kháng nghị không? các quyết định của các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết vụ án liên quan đến kháng nghị?

+ Phần xét thấy:

KSV kiểm sát tính có căn cứ của quyết định kháng nghị, bảo đảm đúng Điều 371 BLTTHS. KSV nghiên cứu những nhận xét, phân tích những vi phạm pháp luật, sai lầm của bản án (quyết định) bị kháng nghị, những trích dẫn căn cứ pháp lý để kháng nghị trong quyết định có đúng quy định của pháp luật hay không.

+ Phân quyết định:

Kiểm sát thẩm quyền giám đốc thẩm: căn cứ vào tên bản án (quyết định) của Tòa án cấp nào bị kháng nghị nêu trong quyết định và tên chủ thể tại phần “Đề nghị” trong quyết định để xem quyết định kháng nghị có đề nghị đúng chủ thể có thẩm quyền giám đốc thẩm quy định tại Điều 382 BLTTHS không?

- KSV yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ vụ án để nghiên cứu các căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án. Trường hợp nhất trí với quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm. Trường hợp không nhất trí (toàn bộ hay một phần) với quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án thì KSV báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, quyết định.

Lưu ý: trường hợp kháng nghị theo hướng không có lợi cho người bị kết án mà quá thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì KSV báo cáo đề xuất không nhất trí với kháng nghị để lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, quyết định.

- KSV kiểm sát việc quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án (quyết định) bị kháng nghị (xem chi tiết tại mục 1.2.9 Chương V Sổ tay này).

1.2.11. Xây dựng bản dự thảo phát biểu quan điểm của VKS về quyết định kháng nghị và việc giải quyết vụ án

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 386);

- Quy chế số 505 (Điều 43, Điều 61 và Mẫu số 24/XG).

*** Nội dung công việc**

- KSV xây dựng bản dự thảo phát biểu quan điểm của VKS tại phiên tòa giám đốc thẩm theo Mẫu số 24/XG ban hành kèm theo Quy chế số 505.

- Lưu ý: đối với phần II.3 về phân tích tính có căn cứ, hợp pháp của kháng nghị trong Mẫu số 24/XG ban hành kèm theo Quy chế số 505: KSV căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, đồ vật có trong hồ sơ vụ án để phân tích tính có căn cứ, hợp pháp của kháng nghị; đối chiếu với các quy định của BLHS, BLTTHS, Bộ

luật Dân sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan để rút ra nhận xét, đánh giá về tính có căn cứ, hợp pháp của kháng nghị, cụ thể về những vấn đề sau: (1) thời hạn kháng nghị, (2) thẩm quyền kháng nghị, (3) căn cứ kháng nghị. Về căn cứ kháng nghị, KSV không nên nói chung chung như “bản án có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật” mà cần phân tích rõ ràng, cụ thể để chứng minh bản án áp dụng pháp luật sai lầm nghiêm trọng ở điểm nào. Khi chuẩn bị nội dung này trong bản dự thảo phát biểu quan điểm của VKS, KSV nên để trống một đoạn để có thể bổ sung, thay đổi trong trường hợp tại phiên tòa có phát sinh những tình huống liên quan đến nội dung kháng nghị (Tòa án thay đổi, bổ sung kháng nghị; có các tài liệu, chứng cứ, đồ vật mới được bổ sung).

1.2.12. Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị của VKS và kiểm sát việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị trong trường hợp Tòa án kháng nghị

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 41, 371, 373, 378, 380 và 381);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 57-HS);
- Quy chế số 505 (các điều 55, 57, 58, 59, 60 và Mẫu số 32/XG).

**** Nội dung công việc***

- VKS thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 381 BLTTHS và Điều 60 Quy chế số 505, cụ thể như sau:

+ Trước khi mở phiên tòa mà trong thời hạn kháng nghị, khi có chứng cứ, tài liệu, đồ vật, căn cứ dẫn đến phải thay đổi, bổ sung kháng nghị giám đốc thẩm, thì KSV báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện ra quyết định thay đổi, bổ sung kháng nghị phúc thẩm bằng văn bản và gửi cho Tòa án cấp giám đốc thẩm (khoản 1 Điều 381 BLTTHS).

Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa, nếu có chứng cứ, tài liệu, đồ vật, căn cứ dẫn đến phải thay đổi, bổ sung kháng nghị giám đốc thẩm, thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận thì KSV tiếp tục tham gia phiên tòa và báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ngay sau khi kết thúc (khoản 3 và khoản 4 Điều 60 Quy chế số 505).

+ Trước khi mở phiên tòa, khi có chứng cứ, tài liệu, đồ vật, căn cứ dẫn đến phải rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị giám đốc thẩm, thì KSV báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện ra quyết định rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị giám đốc thẩm bằng văn bản và gửi cho Tòa án cấp giám đốc thẩm (khoản 2 Điều 381 BLTTHS và khoản 3, khoản 4 Điều 60 Quy chế số 505).

Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa, nếu có chứng cứ, tài liệu, đồ vật, căn cứ dẫn đến phải rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị giám đốc thẩm, thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận thì KSV tiếp tục tham gia phiên tòa và báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ngay sau khi kết thúc (khoản 3 và khoản 4 Điều 60 Quy chế số 505).

+ Lưu ý: trường hợp thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị thì điều chỉnh việc tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm để phù hợp với phạm vi kháng nghị.

- KSV kiểm sát chặt chẽ việc Tòa án thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị theo Điều 381 BLTTHS:

+ Kiểm sát về thẩm quyền, thời điểm, hình thức và việc gửi quyết định thay đổi, bổ sung kháng nghị theo khoản 1 Điều 381 BLTTHS.

+ Kiểm sát về thẩm quyền, thời điểm, hình thức, phạm vi rút và việc gửi quyết định rút hoặc việc ghi vào biên bản phiên tòa đối với trường hợp rút kháng nghị theo khoản 2 Điều 381 BLTTHS.

+ Trường hợp rút toàn bộ kháng nghị trước khi mở phiên tòa, KSV kiểm sát việc ra quyết định đình chỉ xét xử giám đốc thẩm về thẩm quyền, về việc gửi (thời hạn, nơi nhận) quyết định đình chỉ xét xử giám đốc thẩm theo khoản 3 Điều 381 BLTTHS.

+ Lưu ý: trường hợp Tòa án thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị thì KSV kiểm sát việc điều chỉnh việc tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của Tòa án.

1.2.13. Kiểm sát thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao BLTTHS (Điều 385).***

**** Nội dung công việc***

KSV kiểm sát thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm bảo đảm đúng Điều 385 BLTTHS. KSV căn cứ ngày Tòa án có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm nhận được quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án để xác định thời hạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm có đúng Điều 385 BLTTHS không?

1.3. Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp tại phiên tòa giám đốc thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 382, 383, 386 và 387);
- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 58-HS);
- Quy chế số 505 (Điều 61).

*** Nội dung công việc**

- KSV kiểm sát thành phần của Hội đồng giám đốc thẩm bảo đảm đúng Điều 382 BLTTHS.

- KSV kiểm sát việc triệu tập người bị kết án, người bào chữa và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Tòa án theo Điều 383 BLTTHS, xem xét Tòa án đã triệu tập đầy đủ những người tham gia tố tụng liên quan đến việc kháng nghị hay chưa.

- KSV kiểm sát sự có mặt của những người được triệu tập tại phiên tòa giám đốc thẩm. Tuy nhiên, việc có mặt của họ không phải bắt buộc, nếu họ vắng mặt thì Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo khoản 2 Điều 383 BLTTHS.

- KSV kiểm sát phạm vi xét xử giám đốc thẩm bảo đảm đúng Điều 387 BLTTHS, theo đó, Hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung của kháng nghị.

Lưu ý: trường hợp xem xét những vấn đề theo hướng không có lợi cho người bị kết án thì Hội đồng giám đốc thẩm chỉ có quyền xem xét vấn đề đó khi kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến ngày kháng nghị là chưa quá 01 năm.

- KSV kiểm sát thủ tục tại phiên tòa bảo đảm theo Điều 386 BLTTHS:

+ Kiểm sát việc trình bày bản thuyết trình về vụ án của một thành viên Hội đồng giám đốc thẩm và việc hỏi Thẩm phán thuyết trình của Hội đồng giám đốc thẩm. KSV theo dõi nội dung bản thuyết trình để xem: **(1)** bản thuyết trình đã đầy đủ các phần theo Điều 384 BLTTHS hay chưa? **(2)** phần tóm tắt nội dung vụ án, các bản án, quyết định của các cấp Tòa án đã chính xác hay chưa, có phần nào liên quan đến nội dung kháng nghị mà chưa được trình bày hay không? **(3)** nội dung kháng nghị của Chánh án Tòa án đã đầy đủ và chính xác hay chưa? Trường hợp phát hiện thấy có sai sót hoặc thiếu nội dung nào thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử sửa đổi, bổ sung. Trường hợp các thành viên khác của Hội đồng giám đốc thẩm hỏi thêm Thẩm phán thuyết trình về những điểm chưa rõ thì KSV kiểm sát việc trả lời của Thẩm phán thuyết trình.

+ Trường hợp Viện trưởng VKS kháng nghị thì KSV trình bày nội dung kháng nghị theo khoản 1 Điều 386 BLTTHS.

+ Trường hợp người bị kết án, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng nghị có mặt tại phiên tòa mà Hội đồng giám đốc thẩm yêu cầu trình bày ý kiến thì KSV ghi chép, theo dõi để kịp thời phát hiện tình tiết mới làm thay đổi quan điểm giải quyết vụ án.

+ KSV phát biểu quan điểm của VKS về quyết định kháng nghị và việc giải quyết vụ án theo Điều 43 và Điều 61 Quy chế số 505.

+ KSV tranh tụng về những vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án và kiểm sát việc tranh tụng theo khoản 2 Điều 386 BLTTHS và Điều 44 Quy chế số 505.

+ Kiểm sát việc các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm phát biểu ý kiến của mình và thảo luận theo khoản 3 Điều 386 BLTTHS.

+ KSV kiểm sát việc Hội đồng giám đốc thẩm biểu quyết và công bố quyết định về việc giải quyết vụ án theo khoản 3 Điều 386 và Điều 382 BLTTHS. Lưu ý:

(1) Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm 03 Thẩm phán không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án; Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm 05 Thẩm phán không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án: là trường hợp khi biểu quyết thông qua không được tất cả các Thẩm phán trong Hội đồng xét xử biểu quyết tán thành, kể cả trường hợp chỉ có 01 Thẩm phán biểu quyết không tán thành.

(2) Kiểm sát việc ra quyết định hoãn phiên tòa và việc mở phiên tòa xét xử lại vụ án trong trường hợp khi xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao hoặc Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không được quá nửa số thành viên của Hội đồng biểu quyết tán thành. Trường hợp không được quá nửa số thành viên của Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao hoặc Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là trường hợp tính theo tổng số toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao hoặc tổng số toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không phải tính theo tổng số thành viên tham gia phiên tòa.

1.4. Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp sau phiên tòa giám đốc thẩm

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều từ Điều 388 đến Điều 396);

- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP (Mẫu số 59-HS);

- Quy chế số 505 (Điều 62 và Điều 63).

*** Nội dung công việc**

1.4.1. Báo cáo, thông báo kết quả xét xử

Sau khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm, KSV báo cáo kết quả xét xử, gửi báo cáo kết quả xét xử, đề xuất những vấn đề cần phải tiếp tục giải quyết và thông báo kết quả xét xử theo khoản 1 Điều 62 Quy chế số 505.

1.4.2. Kiểm sát quyết định giám đốc thẩm

- KSV kiểm sát hình thức quyết định: quyết định giám đốc thẩm của Tòa án được lập theo Mẫu số 59-HS ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP.

- KSV kiểm sát nội dung của quyết định:

+ Phần mở đầu:

Về thành phần Hội đồng xét xử: Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm 03 Thẩm phán theo khoản 1 Điều 382 BLTTHS hoặc toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao theo khoản 2 Điều 382 BLTTHS. Đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân cấp cao bị kháng nghị, Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm 05 Thẩm phán theo khoản 4 Điều 382 BLTTHS hoặc toàn thể Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 382 BLTTHS.

Về thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm: kiểm sát việc phiên tòa giám đốc thẩm có được Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm mở trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày nhận được quyết định kháng nghị kèm hồ sơ vụ án theo Điều 385 BLTTHS.

+ Phần nội dung vụ án:

KSV cần kiểm sát trong phần này có tóm tắt đầy đủ, khách quan hay không về những nội dung sau: (1) nội dung vụ án liên quan đến kháng nghị; (2) các quyết định của các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết vụ án, vụ việc liên quan đến kháng nghị; (3) tóm tắt nội dung Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm; (4) ý kiến của đại diện VKS đối với kháng nghị tại phiên tòa giám đốc thẩm.

+ Phần nhận định của Tòa án:

KSV kiểm sát việc Hội đồng xét xử nhận định và những căn cứ pháp lý để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng nghị (điểm, khoản, điều của BLHS,

BLTTHS và các văn bản pháp luật khác) có phù hợp hay không.

+ Phân quyết định:

Kiểm sát về thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm: căn cứ vào nội dung vụ án, nội dung kháng nghị và phần nhận định của Tòa án, căn cứ vào quy định tại các điều từ Điều 388 đến Điều 393 BLTTHS và căn cứ vào quy định khác của BLHS, BLTTHS, KSV kiểm sát tính chính xác của quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm.

- KSV kiểm sát về thời hạn gửi, nơi nhận quyết định giám đốc thẩm bảo đảm đúng, đầy đủ theo khoản 2 Điều 395 BLTTHS. VKSND cấp cao thực hiện việc gửi quyết định giám đốc thẩm theo khoản 4 Điều 63 Quy chế số 505.

- KSV kiểm sát việc thông báo bằng văn bản cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị kết án cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc, học tập theo khoản 2 Điều 395 BLTTHS.

- Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật thì KSV thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 63 Quy chế số 505.

1.4.3. Kiểm sát việc chuyển hồ sơ vụ án bị hủy để điều tra lại hoặc xét xử lại

- Trường hợp Hội đồng giám đốc thẩm quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại thì KSV kiểm sát thời hạn chuyển, nơi nhận hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại theo Điều 396 BLTTHS.

- Trường hợp Hội đồng giám đốc thẩm quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại thì ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ án, KSV thực hiện việc chuyển hồ sơ theo khoản 2 Điều 62 Quy chế số 505.

2. Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử theo thủ tục tái thẩm

2.1. Một số vấn đề chung

**** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao***

- BLTTHS (các điều 398, 400 và 401);

- Quy chế số 505 (Điều 57).

**** Nội dung công việc***

2.2.1. Tính chất, căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm

- Tái thẩm là xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhưng bị kháng nghị vì có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản

nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án không biết được khi ra bản án, quyết định đó.

Lưu ý: tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án không biết được khi ra bản án, quyết định đó là những trường hợp liên quan đến việc xác định:

(1) Có hành vi phạm tội xảy ra hay không; thời gian xảy ra hành vi phạm tội có liên quan trực tiếp đến việc quyết định hình phạt hoặc thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(2) Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội;

(3) Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo;

(4) Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra làm thay đổi khung hình phạt áp dụng;

(5) Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

- Căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm: Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi có một trong các căn cứ:

+ Có căn cứ chứng minh lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời dịch của người phiên dịch, bản dịch thuật có những điểm quan trọng không đúng sự thật;

+ Có tình tiết mà Điều tra viên, KSV, Thẩm phán, Hội thẩm do không biết được mà kết luận không đúng làm cho bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật không đúng sự thật khách quan của vụ án;

+ Vật chứng, biên bản về hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, biên bản hoạt động tố tụng khác hoặc những chứng cứ, tài liệu, đồ vật khác trong vụ án bị giả mạo hoặc không đúng sự thật;

+ Những tình tiết khác làm cho bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật không đúng sự thật khách quan của vụ án.

Lưu ý: những căn cứ trên đều phải thỏa mãn tính chất của tái thẩm, đó là có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án không biết được khi ra bản án, quyết định đó.

2.2.2. Thẩm quyền, thời hạn kháng nghị theo thủ tục tái thẩm,

Thẩm quyền, thời hạn kháng nghị theo thủ tục tái thẩm được thực hiện theo Điều 400, Điều 401 BLTTHS và Điều 57 Quy chế số 505.

2.2. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật theo thủ tục tái thẩm

*** Văn bản quy phạm pháp luật và quy định của Viện trưởng VKSND tối cao**

- BLTTHS (Điều 399 và Điều 403);
- Quy chế số 505 (Chương IV);
- Quy định số 201.

*** Nội dung công việc**

Khi thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật theo thủ tục tái thẩm, KSV thực hiện các công việc tương tự khi thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm đã nêu tại các mục 1.2, 1.3 và 1.4 Chương V Sổ tay này. Lưu ý:

- KSV kiểm sát ngay sau khi nhận được văn bản của Tòa án thông báo cho Viện trưởng VKS có thẩm quyền kháng nghị tái thẩm trong trường hợp Tòa án nhận được thông báo phát hiện tình tiết mới của vụ án kèm theo các tài liệu có liên quan của người bị kết án, cơ quan, tổ chức và cá nhân hoặc Tòa án tự mình phát hiện tình tiết mới của vụ án. Trường hợp thấy việc thông báo của Tòa án chậm hoặc không đúng hình thức thì KSV báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện có văn bản kiến nghị Tòa án khắc phục.

- Việc xác minh các tình tiết mới của vụ án được thực hiện theo Điều 399 BLTTHS, khoản 3 Điều 54 Quy chế số 505.